

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO TỔNG KẾT

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN

**TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ CỦA PHÁP NHÂN
THƯƠNG MẠI THEO BỘ LUẬT HÌNH SỰ 2015**

Mã số:

TP. HỒ CHÍ MINH, 4/2017

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**BÁO CÁO TỔNG KẾT
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN**

**TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ CỦA PHÁP NHÂN
THEO BỘ LUẬT HÌNH SỰ 2015**

Mã số:

Chủ nhiệm đề tài:	Trịnh Văn Long
Khoa:	Luật
Các thành viên:	Nguyễn Thị Thu Thảo Lê Hoàng Diễm My
Người hướng dẫn:	Ths. Phạm Thanh Tú

TP. HỒ CHÍ MINH, 4/2017

BÀI THƠ CẢM ƠN

Năm nay nghiên cứu một lần
Để xem năng lực, bản thân thế nào?
Dự thi thử sức, xem sao
Hoàn thành đề cương báo cáo gửi về.

Đến nay bài đã hoàn thành
Nhìn đi nhìn lại, thấy nhanh lắm thầy^[1]
Bài viết thì vẫn ở đây
Mà lòng cứ thấy, vui lây thế nào.

Xin được cảm ơn đôi lời
Công cha nghĩa mẹ, suốt đời không quên
Cảm ơn những người ở bên
Trao cho cơ hội, viết lên tên mình.

Cảm ơn cô Tú Hình sự^[2]
Giảng viên hướng dẫn, thật bực công ơn
Cuộc thi phải có thua hơn
Điều quan trọng nhất, là hơn chính mình.

Qua bao khó khăn, cam trường
Nản lòng, chùn bước, tôi trưởng thành lên
Mai này thật khó mà quên
Cuối tuần nhanh đến, hẹn lên công trường^[3].

¹ Thầy, cô nói chung

² Chúng em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất tới cô Phạm Thanh Tú, giảng viên hướng dẫn chúng em thực hiện đề tài này

³ Kỷ niệm cuối tuần nhóm hẹn nhau làm bài

Trang IV

Bài thơ có chút linh tinh
Thầy cô đọc được, thì chính giúp em
Học trò có chút lấm lem
Bài mà có lỗi, hãy xem như thường.

Mong sao bài viết, cuối cùng
Khoa học, thú vị, áp dụng liền ngay^[4]
Pháp luật rồi sẽ đổi thay
Hoàn thành bài viết, ở ngày hôm nay^[5]!

⁴ Nhóm mong muốn đề tài nhanh chóng được xem xét và áp dụng ngay trong thời gian tới

⁵ Xã hội với sự vận động không ngừng, pháp luật cũng phải thay đổi để bắt kịp là điều tất yếu. Ở mỗi thời điểm, tình hình sẽ khác nhau, và bài nghiên cứu này cũng vậy, nhóm chỉ dám chắc những điều nhóm đưa ra có giá trị tại thời điểm hiện tại và tương lai gần, khi xã hội đổi thay thì rất có thể bài nghiên cứu không còn đúng nữa

THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ TÀI

1. Thông tin chung

- Tên đề tài: **Trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại theo Bộ luật Hình sự 2015**

- Sinh viên thực hiện: **Trịnh Văn Long**

- Lớp: **DH13LK04** Khoa: **Luật** Năm thứ: **4** Số năm đào tạo: **4**

- Người hướng dẫn: **Ths. Phạm Thanh Tú**

2. Mục tiêu đề tài

Mục tiêu chung của đề tài là tìm hiểu, làm rõ những quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại, qua đó trở thành một tài liệu hỗ trợ hoạt động học tập, giảng dạy. Đồng thời, tìm ra các hướng tăng cường hiệu quả thực thi của chế định trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại trong tương lai thông qua phân tích các dự báo. Để thực hiện mục tiêu này, nhóm cần hoàn thành các mục tiêu nhỏ sau:

Thứ nhất, hệ thống hóa thực trạng, những bất cập trong xử lý vi pháp pháp luật của pháp nhân thương mại về kinh tế, môi trường và các lĩnh vực khác trong thời gian qua.

Thứ hai, đưa ra những đánh giá về các quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại trong Bộ luật hình sự 2015.

Thứ ba, đưa ra những đề xuất để hạn chế rủi ro, nâng cao hiệu quả thực thi chế định trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại tại Việt Nam trong thời gian tới.

3. Tính mới và sáng tạo

Bên cạnh việc tiếp thu thành quả từ những nghiên cứu trước, đề tài nghiên cứu khoa học của nhóm nghiên cứu có một số điểm mới đáng chú ý.

Thứ nhất, công trình nghiên cứu được xây dựng dựa trên nguồn tài liệu mới là Bộ luật Hình sự năm 2015.

Thứ hai, mặc dù có rất nhiều nghiên cứu về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại, nhưng chưa có nghiên cứu nào nhìn nhận đầy đủ về tính khả thi của việc

Trang VI

quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại và đưa ra phương hướng hoàn thiện.

Thứ ba, dựa trên lập trường nghiên cứu khoa học một cách nghiêm túc, khách quan, nhóm nghiên cứu mạnh dạn đưa ra những nhận định theo chính kiến riêng của mình. Những vấn đề mà quy định của pháp luật còn bỏ ngỏ cũng chính là “mảnh đất màu mỡ” thể hiện quan điểm riêng của nhóm.

4. Kết quả nghiên cứu hoàn thành những mục tiêu đặt ra.

5. Đóng góp về mặt kinh tế - xã hội, giáo dục và đào tạo, an ninh, quốc phòng và khả năng áp dụng của đề tài

Công trình nghiên cứu khoa học là những gì tốt nhất có thể trong giới hạn của nhóm nghiên cứu với mong muốn:

Thứ nhất, công trình có giá trị tham khảo, hỗ trợ cho các hoạt động nghiên cứu, giảng dạy, học tập, cũng như sửa đổi, bổ sung, ban hành mới và sau đó là áp dụng các quy định pháp luật liên quan đến trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại.

Thứ hai, công trình sẽ là nguồn tài liệu hữu ích cho những hoạt động nghiên cứu khoa học về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại.

6. Công bố khoa học của sinh viên từ kết quả nghiên cứu của đề tài (*ghi rõ tên tạp chí nếu có*) hoặc nhận xét, đánh giá của cơ sở đã áp dụng các kết quả nghiên cứu (*nếu có*):

Ngày 01 tháng 04 năm 2017

**Sinh viên chịu trách nhiệm chính
thực hiện đề tài**

Trịnh Văn Long

7. Nhận xét của người hướng dẫn về những đóng góp khoa học của sinh viên thực hiện đề tài

Trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại là vấn đề đã được nhiều nhà khoa học nghiên cứu, đã có những công trình khoa học cấp Bộ, những hội thảo lớn được tổ chức. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu đó là những đánh giá đóng góp theo hướng cần thiết phải quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân mà chưa có công trình tổng hợp, đánh giá những quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại trong Bộ luật Hình sự 2015. Đề tài nghiên cứu khoa học của nhóm sinh viên đã làm được điều này. Đồng thời trong phạm vi nhận thức chưa đủ rộng và sâu của sinh viên nhưng nhóm nghiên cứu đã mạnh dạn đưa ra những kiến nghị hướng tới việc hoàn thiện vấn đề này trong Bộ luật Hình sự 2015. Những kiến nghị này được các bạn lý giải trên cơ sở lý luận và thực tiễn; vì vậy, xét ở góc độ là một công trình sinh viên nghiên cứu khoa học của sinh viên có thể thấy những đóng góp này là rất đáng kể. Đây sẽ là nguồn tư liệu cho các bạn sinh viên tham khảo trong quá trình nghiên cứu và học tập môn Luật Hình sự và các môn học có liên quan.

Ngày 01 tháng 04 năm 2017

Xác nhận của đơn vị

Người hướng dẫn

Phạm Thanh Tú

**THÔNG TIN VỀ SINH VIÊN
CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH THỰC HIỆN ĐỀ TÀI**

I. SƠ LƯỢC VỀ SINH VIÊN:

Họ và tên: Trịnh Văn Long
Sinh ngày: 04/03/94
Nơi sinh: Kim Bảng – Hà Nam
Lớp: DH13LK04 Khóa: 2013
Khoa: Luật
Địa chỉ liên hệ: 686 Cách Mạng Tháng 8, P11, Q3, TP.HCM
Điện thoại: 0976.24.0002 Email: trinhlng.hv@gmail.com

Ảnh 4x6

II. QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (kê khai thành tích của sinh viên từ năm thứ 1 đến năm đang học):

*** Năm thứ 1:**

Ngành học: Luật kinh tế
Khoa: ĐTĐB
Kết quả xếp loại học tập: Khá
Sơ lược thành tích:

*** Năm thứ 2:**

Ngành học: Luật kinh tế
Khoa: ĐTĐB
Kết quả xếp loại học tập: Khá
Sơ lược thành tích:

*** Năm thứ 3:**

Ngành học: Luật kinh tế
Khoa: Luật
Kết quả xếp loại học tập: Khá
Sơ lược thành tích:

*** Năm thứ 4:**

Ngành học: Luật kinh tế
Khoa: Luật
Kết quả xếp loại học tập: Khá
Sơ lược thành tích:

Xác nhận của đơn vị

Ngày 08 tháng 04 năm 2017
**Sinh viên chịu trách nhiệm chính
thực hiện đề tài**

Trịnh Văn Long

MỤC LỤC	
BÀI THƠ CÁM ƠN	iii
MỤC LỤC	ix
DANH MỤC BẢNG BIỂU	xiii
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	xiii
PHẦN A. MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Mục tiêu nghiên cứu và cách tiếp cận của đề tài	2
3. Tình hình nghiên cứu	3
4. Tính mới của đề tài	6
5. Phương pháp nghiên cứu	6
5.1. Phương pháp phân loại và hệ thống hóa lý thuyết	6
5.2. Phương pháp phân tích câu chữ hoặc chú giải	7
5.3. Phương pháp phân tích và tổng hợp lý thuyết	7
5.4. Phương pháp mô hình hóa và dự báo khoa học	8
5.5. Phương pháp phân tích lịch sử	9
5.6. Phương pháp so sánh	9
5.7. Phương pháp quan sát khoa học	9
5.8. Phương pháp tổng kết	10
6. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài	10
7. Sản phẩm	11
PHẦN B. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU	12
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ CỦA PHÁP NHÂN THƯƠNG MẠI	12
1.1. Cơ sở lý luận về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại	12
1.1.1. Khái niệm trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại	12

Trang x

1.1.2. Phân biệt “Trách nhiệm hình sự” và “Trách nhiệm hành chính” của pháp nhân thương mại	17
1.1.3. Một số học thuyết trách nhiệm hình sự của pháp nhân.....	18
1.2. Cơ sở thực tiễn về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại.....	25
1.2.1. Tình trạng vi phạm pháp luật của pháp nhân ở Việt Nam	25
1.2.2. Những bất cập trong chính sách pháp luật	30
1.2.3. Nội luật hóa để phù hợp với các cam kết quốc tế	34
CHƯƠNG 2. QUY ĐỊNH VỀ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ CỦA PHÁP NHÂN THƯƠNG MẠI TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ 2015	36
2.1. Các quy định chung về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại	36
2.1.1. Nguyên tắc xử lý pháp nhân thương mại phạm tội	36
2.1.2. Điều kiện chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại.....	38
2.1.3. Hình phạt và các biện pháp tư pháp đối với pháp nhân thương mại phạm tội	42
2.1.4. Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với PNTM phạm tội	46
2.1.5. Miễn hình phạt và xóa án tích đối với PNTM phạm tội	49
2.2. Phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại	50
2.2.1. Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế	50
2.2.1.1. Các tội trong lĩnh vực kinh doanh thương mại	50
2.2.1.2. Các tội trong lĩnh vực thuế, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm	51
2.2.1.3. Các tội khác trong lĩnh vực xâm phạm trật tự quản lý kinh tế	53
2.2.2. Các tội phạm về môi trường.....	54
CHƯƠNG 3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ CỦA PHÁP NHÂN	56
3.1. Sửa đổi các quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại trong Bộ luật Hình sự 2015	56
3.1.1. Về điều kiện chịu trách nhiệm hình sự.....	56

3.1.2.	Về thời hạn xóa án tích	57
3.1.3.	Về miễn hình phạt	58
3.1.4.	Về hình phạt tiền	59
3.2.	Bổ sung các quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân	60
3.2.1.	Mở rộng phạm vi chịu TNHS của pháp nhân thương mại	60
3.2.1.1.	Nhóm các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của con người.....	60
3.2.1.2.	Nhóm các tội phạm về chức vụ	61
3.2.1.3.	Nhóm các tội phạm về hôn nhân gia đình	62
3.2.1.4.	Nhóm các tội phạm về xâm phạm trật tự quản lý kinh tế.....	63
3.2.1.5.	Nhóm các tội phạm về ma túy	64
3.2.1.6.	Nhóm các tội xâm phạm quyền tự do của con người, quyền tự do, dân chủ của công dân.....	64
3.2.1.7.	Nhóm các tội xâm phạm quyền sở hữu	65
3.2.2.	Quy định TNHS của pháp nhân phi thương mại	66
PHẦN C. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ		70
1.	Kết luận	70
1.1.	Tóm tắt nội dung đã thực hiện.....	70
1.2.	Đánh giá về đề tài	72
2.	Kiến nghị	73
PHẦN D. DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....		76
I.	Các bài viết trong ngành	76
II.	Văn bản pháp luật.....	77
III.	Các bài báo, bài viết có liên quan.....	78
IV.	Tài liệu nước ngoài.....	79
V.	Một vài tài liệu có liên quan khác.	79
PHẦN E. PHỤ LỤC		80

PHỤ LỤC A.....	80
PHỤ LỤC B.....	84

DANH MỤC BẢNG BIỂU

1. Bảng Danh mục các từ viết tắt.
2. Bảng Phụ lục A: Phân biệt trách nhiệm hình sự và trách nhiệm hành chính của pháp nhân thương mại.

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	TỪ VIẾT TẮT	TỪ ĐƯỢC VIẾT TẮT
1	BLDS	Bộ luật Dân sự
2	BLHS	Bộ luật Hình sự
3	TNDS	Trách nhiệm dân sự
4	TNHC	Trách nhiệm hành chính
5	TNHS	Trách nhiệm hình sự
6	TNHSPN	Trách nhiệm hình sự của pháp nhân

PHẦN A. MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân là một vấn đề không mới trong khoa học Luật hình sự bởi đã có nhiều nghiên cứu, nhưng phải đến Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 (BLHS 2015) mới chính thức được quy định. Mặc dù vấn đề trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại đã được quy định trong bộ luật hình sự của 119 nước trên thế giới nhưng đây là lần đầu tiên pháp luật Việt Nam định tội và buộc pháp nhân thương mại phải chịu trách nhiệm hình sự. Những quy định này được đặt ra khi những chế tài về hành chính, dân sự không đủ sức răn đe, không minh bạch, tỏ ra bất cập, kém hiệu quả trong khi nhiều pháp nhân thương mại vì chạy theo lợi nhuận cục bộ mà thực hiện nhiều hành vi trái pháp luật mang tính chất tội phạm gây ra những thiệt hại lớn cho đất nước, ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự - an ninh xã hội.

Mặc dù BLHS 2015 đã bị đẩy lùi hiệu lực thi hành bằng Nghị quyết số 144/2016/QH13⁶ vì một số sai sót nhưng nhất định sẽ có hiệu lực trở lại khi Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS 2015. Khi đó, việc quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại trong Bộ luật Hình sự sẽ cho phép xử lý thích đáng những hành vi nguy hiểm cho xã hội được thực hiện bởi những người của pháp nhân thương mại mà quy phạm pháp luật của các ngành luật khác không điều chỉnh được. Điều này góp phần bảo vệ lợi ích của Nhà nước, pháp nhân khác và công dân, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, nhu cầu hội nhập, phù hợp với xu hướng chung của thế giới đồng thời đảm bảo công bằng xã hội trong việc xử lý đối với tội phạm.

Tuy nhiên, việc quy định trách nhiệm hình sự tại Việt Nam đối với pháp nhân thương mại là vấn đề mới nên có nhiều ý kiến khác nhau và nhiều vấn đề phức tạp phải giải quyết. Trong đó, vấn đề cấp thiết không còn là việc thuyết phục để thay đổi quan niệm về chủ thể của trách nhiệm hình sự mà là vấn đề xác định nội dung và kỹ thuật thể hiện các điều luật về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại. Trong BLHS 2015, mức độ chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại và tính khả thi của các biện

⁶ Nghị quyết số 144/2016/QH13 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2016 về việc lùi hiệu lực thi hành của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13 và bổ sung dự án luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 vào chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2016.

Trang 2

pháp trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại một số trường hợp còn nhiều bất cập. Hiện tại, một vài vấn đề liên quan đến xác định trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại chưa được quy định cụ thể trong BLHS 2015, cũng chưa phát sinh trong thực tiễn nhưng đây sẽ là vấn đề thực tiễn pháp lý trong thời gian tới. Đây cũng chính là những vấn đề phức tạp mà nhóm nghiên cứu giải quyết nhằm đề xuất cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu, hướng dẫn để đáp ứng yêu cầu xử lý tội phạm khi bộ luật hình sự có hiệu lực. Đồng thời, bài nghiên cứu cũng đáp ứng nhu cầu học tập, giảng dạy, nghiên cứu trong và ngoài nhà trường. Chính vì những lẽ trên, nhóm thực hiện đề tài ***“Trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại theo Bộ luật Hình sự 2015”***.

2. Mục tiêu nghiên cứu và cách tiếp cận của đề tài

Quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong Bộ luật Hình sự 2015 không còn xa lạ với một số nước trên thế giới. Trong pháp luật về hình sự ở Việt Nam, vấn đề trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại lần đầu tiên được các nhà lập pháp quyết định ghi nhận trong Bộ luật Hình sự 2015. Mặc dù, hiệu lực thi hành của Bộ luật Hình sự 2015 bị đẩy lùi bởi nhiều lý do khác nhau, nhưng quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại vẫn được tồn tại và xem xét sửa đổi, bổ sung bằng những điều khoản phù hợp với tình hình thực tiễn Việt Nam. Vì vậy, khi nhóm quyết định chọn đề tài ***“Trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại theo Bộ luật Hình sự 2015”*** để thực hiện nghiên cứu khoa học, nhóm đã đặt ra các mục tiêu cụ thể và các cách tiếp cận khác nhau để làm rõ các mục tiêu được xem là “xương sống” của bài nghiên cứu:

Thứ nhất, cơ sở nào được các nhà lập pháp làm căn cứ để quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại trong Bộ luật Hình sự 2015? Dựa trên các khái niệm và học thuyết sẵn có được áp dụng để xây dựng trách nhiệm hình sự pháp nhân thương mại, nhóm tiến hành trình bày cơ sở lý luận theo nhóm là cơ sở đầu tiên được các nhà lập pháp sử dụng để làm căn cứ hình thành trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại. Dựa trên tình trạng vi phạm pháp luật của pháp nhân ở Việt Nam và các bất cập trong chính sách của pháp luật, nhóm trình bày cơ sở thực tiễn theo nhóm là cơ sở thứ hai để làm rõ mục tiêu đặt ra.

Thứ hai, quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại trong Bộ luật Hình sự 2015 được thể hiện như thế nào? Dựa vào Bộ luật Hình sự 2015 và kiến thức chuyên môn, nhóm phân tích, diễn giải làm rõ các quy định về trách nhiệm hình sự

Trang 3

của pháp nhân thương mại trên các nội dung: nguyên tắc xử lý, điều kiện chịu trách nhiệm hình sự, hình phạt và các biện pháp tư pháp, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ, miễn hình phạt và xóa án tích, phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại.

Thứ ba, các quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại trong Bộ luật Hình sự 2015 liệu có phù hợp và có tính khả thi để áp dụng vào thực tiễn Việt Nam không? Dựa trên các bài phân tích của các tổ chức, cá nhân tiến hành nghiên cứu tính khả thi của quy định này, tình hình thực tiễn vi phạm pháp luật của pháp nhân đặc biệt là pháp nhân thương mại ở Việt Nam, nhóm nghiên cứu mạnh dạn đưa ra những đánh giá riêng thể hiện sự nhìn nhận của nhóm sau quá trình tìm hiểu có chọn lọc.

Thứ tư, kiến nghị hoàn thiện các quy định pháp luật về trách nhiệm hình sự của pháp nhân như thế nào? Nhóm tiến hành đề xuất một số kiến nghị sửa đổi các quy định pháp luật về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại có sẵn trong Bộ luật Hình sự 2015 về điều kiện chịu trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, xóa án tích và hình phạt áp dụng đối với trường hợp pháp nhân thương mại bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Đồng thời, qua những bất cập trong thực tiễn vi phạm pháp luật của pháp nhân, nhóm kiến nghị bổ sung các quy định cần thiết về phạm vi chịu trách nhiệm hình sự và đối tượng chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong Bộ luật Hình sự 2015.

3. Tình hình nghiên cứu

Vấn đề trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại đã là đề tài cho nhiều bài nghiên cứu khoa học, sách chuyên khảo, tham luận, hội thảo cũng như rất nhiều bài viết từ trước đến nay. Mỗi công trình, bài viết đều cung cấp những góc nhìn pháp lý khác nhau về vấn đề trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại nói riêng và trách nhiệm hình sự của pháp nhân nói chung.

Ngay từ những thập niên 80 vấn đề nghiên cứu trách nhiệm hình sự của pháp nhân đã được giới nghiên cứu, luật học nghiên cứu và đưa ra nhiều quan điểm nhất định, nhìn chung các quan điểm này đều ủng hộ việc truy cứu trách nhiệm hình sự của pháp nhân là cần thiết và có những kiến nghị nhất định trong việc xây dựng pháp luật nước nhà, trong đó có thể kể đến một vài đề tài tiêu biểu, cụ thể:

PGS.TS Phạm Hồng Hải (1999), “*Pháp nhân có thể là chủ thể của tội phạm hay không?*”, được đăng trên Tạp chí Luật học số 06/1999. Bài viết khẳng định pháp

Trang 4

nhân hoàn toàn có thể là chủ thể của tội phạm, bằng việc đưa ra những dẫn chứng trong luật của một số nước như: Pháp, Trung Quốc, Thụy Điển, Nga... cùng những lập luận của các hệ thống luật trên thế giới cũng như lập luận của chính tác giả. Bài viết là cơ sở tốt cho việc kiến nghị bổ sung quy định truy cứu trách nhiệm hình sự của pháp nhân thời bấy giờ và là cơ sở về mặt lý luận cho bài viết này. Tuy nhiên, đề tài được viết cách đây khá lâu, được nghiên cứu trên các tài liệu cũ và trong thời gian mà pháp luật nước ta vẫn chưa có các quy định truy cứu trách nhiệm hình sự của pháp nhân cũng như thực tiễn pháp nhân ở nước ta còn chưa phát triển.

Trịnh Quốc Toàn (2005), *“Trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong luật hình sự của nước ngoài và mô hình lý luận của nó trong pháp luật hình sự Việt Nam trong tương lai”*, Đề tài nghiên cứu cơ bản Khoa học Xã hội và Nhân văn cấp Đại học Quốc gia Hà Nội. Đề tài nghiên cứu sâu (1) những vấn đề cơ bản về trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong luật hình sự các nước theo truyền thống Common law, Châu Âu lục địa, Trung Quốc, đưa ra những đánh giá và (2) trách nhiệm hình sự của pháp nhân và mô hình lý luận của nó trong pháp luật hình sự Việt Nam trong tương lai (sau 2005). Hiện nay, khi Bộ luật Hình sự 1999 đã có sửa đổi, bổ sung năm 2009, và sắp sửa ra bộ luật mới cho nên phạm vi nghiên cứu của đề tài này không còn phù hợp, nhất là khi nền kinh tế thị trường, văn hóa, xã hội có nhiều thay đổi.

Cao Thị Oanh (2011), *“Nghiên cứu so sánh cơ sở lý luận và thực tiễn của việc áp dụng trách nhiệm hình sự đối với tổ chức”*, Đề tài cấp Bộ, Viện khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp. Tác giả đi sâu nghiên cứu nội dung cơ sở lý luận và thực tiễn của việc áp dụng trách nhiệm hình sự đối với tổ chức nhằm đưa ra các kết quả nghiên cứu về lý luận về áp dụng trách nhiệm hình sự đối với tổ chức, phân tích các yếu tố kinh tế- xã hội, lịch sử, truyền thống, cách tiếp cận vấn đề trách nhiệm hình sự đối với tổ chức ở các nước, đồng thời phân tích các yếu tố tương ứng ở Việt Nam. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất áp dụng những kinh nghiệm của nước ngoài vào việc hoàn thiện quy định của pháp luật Việt Nam. Tuy nhiên, đối tượng của đề tài nghiên cứu là trách nhiệm hình sự của tổ chức, không đi thẳng vấn đề vào tổ chức là pháp nhân thương mại, hơn nữa, đề tài chủ yếu đi sâu về lý luận có nên áp dụng trách nhiệm hình sự của tổ chức mà chưa đề cập đến tính khả thi cũng như chưa đề xuất hướng giải quyết các khó khăn.

Trang 5

PGS.TS Nguyễn Thái Phúc (2014), Trách nhiệm hình sự của pháp nhân – Những vấn đề lý luận và thực tiễn, bài viết tham dự Hội thảo Ủy ban Pháp luật của Quốc hội. Bài viết làm rõ hai vấn đề chính là (1) Vấn đề trách nhiệm hình sự của pháp nhân – kinh nghiệm của thế giới và (2) Một số ý kiến về quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong Bộ luật Hình sự 1999 của Việt Nam. Trong phạm vi bài viết, tác giả đưa ra nhiều bằng chứng trong hệ thống luật của các nước trên thế giới để khẳng định rằng vấn đề quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân ngày càng được ủng hộ ở tầm quốc tế. Để thừa nhận chế định trách nhiệm hình sự của pháp nhân đối ở Việt Nam, tác giả cho rằng phải giải quyết các yếu tố: vấn đề lỗi, điều kiện TNHS của pháp nhân, các loại pháp nhân là chủ thể của TNHS, hình phạt áp dụng đối với pháp nhân. Về một số ý kiến về quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong Bộ luật Hình sự 1999 của Việt Nam, tác giả khẳng định ủng hộ đồng ý đưa quy định về TNHS của pháp nhân vào BLHS và đưa ra những khía cạnh cần phải xem xét thêm khi quy định vấn đề này vào luật. Bài viết của tác giả vô cùng hữu ích đối với nhóm nghiên cứu, tuy nhiên hạn chế của đề tài này là các lập luận được đưa ra dựa trên nền tảng Bộ luật Hình sự năm 1999 và chủ yếu đưa ra ý kiến nên đưa quy định TNHS của pháp nhân vào BLHS mà chưa phân tích cụ thể tính khả thi của các quy định pháp luật.

Đến năm 2015, Quốc hội nước ta mới ban hành các quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thông qua BLHS 2015 nhưng sau đó Bộ luật này lại bị đình chỉ hiệu lực nên hiện tại không nhiều đề tài nghiên cứu về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại trong BLHS 2015, có thể kể đến như:

TS. Nguyễn Văn Hương (2016), “*Trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại theo Bộ luật Hình sự năm 2015*”, Tạp chí Luật học số 4/2016. Tác giả tập trung nghiên cứu pháp nhân thương mại là chủ thể của tội phạm hay là chủ thể của trách nhiệm hình sự, căn cứ xác định lỗi của pháp nhân thương mại đối với hành vi phạm tội, đồng thời nêu rõ những vấn đề pháp lý phức tạp mà cơ quan áp dụng luật có thể gặp phải khi Bộ luật có hiệu lực. Tuy nhiên, bài viết chưa đưa ra được những giải pháp để giải quyết những vấn đề phức tạp đó.

Nguyễn Văn Thuyết (2016), “*Quy định về trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại trong Bộ luật Hình sự năm 2015*”, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 5/2016. Tác giả tập trung phân tích và làm rõ những quy định của Bộ luật Hình sự 2015

về trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại, bao gồm: (1) khái niệm, điều kiện và phạm vi trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại, (2) các loại hình tội phạm đối với pháp nhân thương mại phạm tội và (3) một số nhận xét. Tác giả kiến nghị một vài giải pháp trên cơ sở những bất cập đưa ra nhưng còn chưa cụ thể và chi tiết.

Ths. Nguyễn Quý Khuyến (2016), “*Mối quan hệ giữa trách nhiệm hình sự của cá nhân và pháp nhân thương mại trong Bộ luật Hình sự năm 2015*”, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 6/2016. Tác giả tập trung nghiên cứu cơ sở của việc truy cứu trách nhiệm hình sự song song giữa cá nhân và pháp nhân thương mại, mối quan hệ giữa trách nhiệm hình sự giữa cá nhân với trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại. Trong khuôn khổ của bài nghiên cứu, tác giả chưa làm nổi bật trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại, chưa đưa ra được những hướng dẫn, kiến nghị, phân tích các bất cập có thể mắc phải khi áp dụng chế tài hình sự đối với pháp nhân thương mại.

4. Tính mới của đề tài

Bên cạnh việc tiếp thu thành quả từ những nghiên cứu trước, đề tài nghiên cứu khoa học của nhóm nghiên cứu có một số điểm mới đáng chú ý.

Thứ nhất, công trình nghiên cứu được xây dựng dựa trên nguồn tài liệu mới là Bộ luật Hình sự năm 2015.

Thứ hai, mặc dù có rất nhiều nghiên cứu về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại, nhưng chưa có nghiên cứu nào nhìn nhận đầy đủ về tính khả thi của việc quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân và đưa ra phương hướng hoàn thiện.

Thứ ba, dựa trên lập trường nghiên cứu khoa học một cách nghiêm túc, khách quan, nhóm nghiên cứu mạnh dạn đưa ra những nhận định theo chính kiến riêng của mình. Những vấn đề mà quy định của pháp luật còn bỏ ngỏ cũng chính là “mảnh đất màu mỡ” thể hiện quan điểm riêng của nhóm.

5. Phương pháp nghiên cứu

Trải khắp toàn đề tài, tùy vào yêu cầu và tính chất của từng phần mà nhóm chọn phương pháp nghiên cứu cho phù hợp. Trong đó, bao gồm nhưng không giới hạn bởi một số phương pháp sau:

5.1. Phương pháp phân loại và hệ thống hóa lý thuyết

Trước khi đi vào nghiên cứu, nhóm tập trung phân loại và hệ thống hóa lại những kiến thức, tìm hiểu rõ lý thuyết và các quy định trong các lĩnh vực pháp luật khác nhau, đặc biệt là pháp luật hình sự và tố tụng hình sự nhằm có những kiến thức cơ bản và cần thiết cho quá trình nghiên cứu. Bên cạnh đó, nhóm cũng sắp xếp những thông tin đa dạng được thu thập được từ các nguồn, các tài liệu khác nhau thành một hệ thống với một kết cấu chặt chẽ (theo quan điểm hệ thống - cấu trúc của việc xây dựng một mô hình lý thuyết trong nghiên cứu khoa học) để từ đó mà xây dựng một lý thuyết mới hoàn chỉnh giúp hiểu biết đối tượng được đầy đủ và sâu sắc hơn. Trong phân loại đã có yếu tố hệ thống hóa. Ngoài ra, nhóm nghiên cứu không ngừng cập nhật những quy định mới nhất của pháp luật trong lĩnh vực pháp luật hình sự và liên quan để tìm ra những nguyên tắc pháp luật, sự phát triển của xã hội và trình độ lập pháp nước nhà nhằm đưa ra những nhận định, dự đoán các xu hướng mới của trong khoa học hình sự và thực tiễn.

5.2. Phương pháp phân tích câu chữ hoặc chú giải

Nghiên cứu khoa học dựa trên phương pháp phân tích câu chữ hoặc chú giải là hoạt động trí tuệ của nhà chuyên môn “đi xuyên qua văn bản quy phạm pháp luật” để nắm bắt ý chí đích thực của người làm luật. Mục đích của việc áp dụng phương pháp phân tích câu chữ hoặc chú giải là phát hiện ý chí của người làm luật, phát hiện các quy phạm pháp luật mà người làm luật muốn xây dựng và được thể hiện trong văn bản. Phương pháp này được thể hiện qua một tập hợp các công cụ phân tích, trong đó có một số công cụ của logic học như tam đoạn luận, suy lý ngược, suy lý mạnh, quy nạp và diễn dịch. Đối với bài nghiên cứu của nhóm, phương pháp phân tích câu chữ hoặc chú giải được sử dụng trong hầu hết toàn bài, nhất là trong Chương 2 (Quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại trong Bộ luật Hình sự 2015). Chẳng hạn như các nội dung “trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại”, “nguyên tắc xử lý pháp nhân thương mại phạm tội”, “điều kiện chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại” đều sử dụng phương pháp phân tích câu chữ hoặc chú giải.

5.3. Phương pháp phân tích và tổng hợp lý thuyết

Phương pháp phân tích lý thuyết là sử dụng trong chương lý thuyết thành những mặt, những bộ phận, những mối quan hệ theo lịch sử để nhận thức, phát hiện và khai thác các khía cạnh khác nhau của lý thuyết từ đó chọn lọc những thông tin cần thiết phục vụ cho đề tài nghiên cứu.

Trang 8

Phân tích lý thuyết bao gồm những nội dung sau:

+ Phân tích nguồn tài liệu trên các tạp chí, báo cáo khoa học, tác phẩm khoa học, tài liệu lưu trữ thông tin đại chúng, sách tham khảo. Mỗi nguồn có giá trị riêng biệt, nhóm nghiên cứu sẽ tập trung vào những nguồn tài liệu đáng tin cậy, chính thống để nghiên cứu dựa trên tác giả tác, tác giả trong hay ngoài ngành, tác giả trong cuộc hay ngoài cuộc, tác giả trong nước hay ngoài nước, tác giả đương thời hay quá cố. Mỗi tác giả có một cái nhìn riêng biệt trước đối tượng, nhóm nghiên cứu tập trung vào các tác giả có uy tín, số lượng bài viết nhiều cũng như là có tiếng nói trong nghề bên cạnh đó cũng tiếp thu những ý kiến mới, lạ của các tác giả khác nhằm nhìn vấn đề dưới nhiều khía cạnh khác nhau.

+ Phân tích nội dung, trước tiên nhằm cho nhóm nghiên cứu hiểu được những kiến thức được bài viết cung cấp, sau đó tìm những nội dung hữu ích và quan trọng để tiếp thu cho bài viết của mình.

5.4. Phương pháp mô hình hóa và dự báo khoa học

Khi nghiên cứu các quy định của Bộ luật hình sự 2015, phương pháp này được nhóm ưu tiên áp dụng, nguyên nhân chính là do BLHS 2015 bị đình chỉ hiệu lực ngay trước thời điểm mà Bộ luật này có hiệu lực, về áp dụng của Bộ luật này vẫn chưa xảy ra trên thực tế.

Phương pháp này được sử dụng như sau:

+ Trước tiên nhóm nghiên cứu phân tích các quy định của pháp luật về một vấn đề cụ thể. Ví dụ: về điều kiện chịu trách hình sự của pháp nhân hay Điều 188 (Tội buôn lậu).

+ Đặt quy định này vào một mô hình trong đó có sự liên hệ chặt chẽ giữa quy định pháp luật đang phân tích, tình hình kinh tế xã hội, tình hình thực thi pháp luật của các cơ quan nhà nước ta, bối cảnh thế giới... và đặt các yếu tố này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau dựa trên các quy định pháp luật tương tự hoặc nguyên tắc của pháp luật, tình hình phát triển kinh tế, xã hội tương tự.

+ Dựa vào sự quan sát việc thực thi và áp dụng tại các cơ quan nhà nước cũng như các doanh nghiệp từ đó tổng hợp, đối chiếu, rút ra được tính thực thi của các quy

Trang 9

định pháp luật trong thực tiễn. Từ đó, dự đoán được những ưu điểm, hạn chế của những quy định này khi được có hiệu lực tại Việt Nam.

5.5. Phương pháp phân tích lịch sử

Phương pháp phân tích lịch sử được sử dụng để tìm hiểu vấn đề đặt ra cách thời điểm phân tích đã khá lâu nhằm tìm hiểu và lý giải nguyên nhân hình thành và phát triển đặt trong bối cảnh của thời kỳ đó để hiểu hơn về vấn đề được đặt ra. Từ đó, đề ra các giải pháp cho phù hợp với thời điểm hiện tại.

Trong bài viết phương pháp phân tích lịch sử được sử dụng chủ yếu ở phần trình bày, phân tích các học thuyết về trách nhiệm hình sự của pháp nhân nhằm làm rõ sự ra đời của các học thuyết này cũng như lý giải được sự cần thiết và đúng đắn của các học thuyết này trong thời điểm đang xét, những hạn chế mà các học thuyết này mang lại.

5.6. Phương pháp so sánh

Nhận thấy mỗi ngành luật đều có đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh khác nhau. Rõ ràng có sự tương quan nhất định nhưng trong trường hợp có nhiều ngành luật đều điều chỉnh một đối tượng chung thì lại làm cho nhiều độc giả có sự lúng túng nhất định. Do đó, nhóm nghiên cứu có đem so sánh về các loại trách nhiệm của pháp nhân thương mại ở Việt Nam cũng như làm nổi bật được trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại và cho thấy được sự cần thiết của loại trách nhiệm này đối với pháp nhân nói chung và pháp nhân thương mại nói riêng. Ngoài ra, ở một số mục, nhóm có sự đối chiếu giữa các quy định của pháp luật hình sự nước ta và quy định hình sự của các nước đối với pháp nhân nói chung để thấy được những khác biệt, hợp lý và bất cập nhằm tìm kiếm giải pháp tối ưu.

5.7. Phương pháp quan sát khoa học

Phương pháp này được sử dụng để thu thập dữ liệu thông tin sơ cấp hoặc thứ cấp chủ yếu là thu thập các thông tin liên quan đến đề tài như tình hình kinh tế xã hội, thực trạng vi phạm của pháp nhân trong thời gian qua, động thái của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước thực trạng đó,...từ đó kết hợp với các phương pháp khác và kiến thức pháp luật có được để lý giải nguyên nhân, rút ra những quan điểm của nhóm nghiên

cứu. Sau đó lại tiếp tục quan sát để kiểm định sự chính xác và trung thực của quan điểm, cứ như vậy cho đến khi hoàn thành bài nghiên cứu.

5.8. Phương pháp tổng kết

Trên cơ sở các quy định của pháp luật về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại những quan sát, phân tích, so sánh, phân loại...nhóm nghiên cứu tập trung tổng kết lại để chốt lại những vấn đề cuối cùng và viết bài hoàn chỉnh.

Trên đây chỉ là những phương pháp chủ yếu được nhóm nghiên cứu sử dụng và liệt kê, ngoài ra còn nhiều phương pháp khác. Bên cạnh đó, mỗi phương pháp này không phải chỉ được sử dụng một lần, mà được lặp đi lặp lại, tùy vào phương pháp và yêu cầu của bài viết. Cùng với đó, mỗi phương pháp không phải là độc lập mà thường được kết hợp với nhau để làm rõ vấn đề một cách hiệu quả nhất.

6. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

Phạm vi nghiên cứu của đề tài tập trung vào những vấn đề sau:

Thứ nhất, đề tài tập trung thực hiện việc nghiên cứu những vấn đề xoay quanh **“Trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại theo Bộ luật Hình sự 2015”**, đề tài sử dụng Bộ luật Hình sự 2015 làm cơ sở pháp lý chủ đạo để tiến hành thực hiện việc nghiên cứu phân tích trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại. Bên cạnh đó, nhóm nghiên cứu còn dựa trên các quy định pháp luật có liên quan đến pháp nhân nói chung và pháp nhân thương mại nói riêng làm cơ sở pháp lý sử dụng cho bài nghiên cứu khoa học (Bộ luật Dân sự 2015, Bộ luật Hình sự 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009, Luật xử lý vi phạm hành chính 2012,...). Đối tượng nghiên cứu là trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại và những vấn đề liên quan đến trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại quy định trong Bộ luật Hình sự 2015. Đây là đối tượng và phạm vi nghiên cứu nhóm xác định thực hiện xuyên suốt toàn đề tài.

Thứ hai, phân tích một số học thuyết được dùng để xây dựng trách nhiệm hình sự của pháp nhân trên thế giới. Từ đây, xác định những học thuyết được tiếp thu và sử dụng để xây dựng trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại trong Bộ luật Hình sự 2015.

Thứ ba, trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại và trách nhiệm hình sự của cá nhân có mối liên hệ chặt chẽ, do đó mối liên hệ này cũng nằm trong phạm vi

Trang 11

nghiên cứu để làm nổi bật lên trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại và đảm bảo tính chuyên sâu của đề tài. Ngoài ra, đề tài còn có sự liên hệ và so sánh giữa các loại trách nhiệm pháp lý mà pháp nhân phải chịu khi có hành vi vi phạm pháp luật như trách nhiệm hành chính, trách nhiệm dân sự để làm nổi bật lên sự cấp thiết cần phải tồn tại một loại trách nhiệm mới là trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại trong Bộ luật Hình sự 2015.

Thứ tư, đề tài tiến hành nghiên cứu những quan điểm và lập luận cơ bản của các chuyên gia về luật học, các cơ quan nhà nước tại Việt Nam liên quan đến vấn đề quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân. Sau quá trình thực hiện việc xem xét và đánh giá những lập luận có sẵn, nhóm nghiên cứu sẽ trình bày quan điểm của nhóm dưới cái nhìn khách quan liên quan đến quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại trong Bộ luật Hình sự 2015.

7. Sản phẩm

Công trình nghiên cứu khoa học là những gì tốt nhất có thể trong giới hạn của nhóm nghiên cứu với mong muốn:

Thứ nhất, công trình có giá trị tham khảo, hỗ trợ cho các hoạt động nghiên cứu, giảng dạy, học tập, cũng như sửa đổi, bổ sung, ban hành mới và sau đó là áp dụng các quy định pháp luật liên quan đến trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại.

Thứ hai, công trình sẽ là nguồn tài liệu hữu ích cho những hoạt động nghiên cứu khoa học về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại.

PHẦN B. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ CỦA PHÁP NHÂN THƯƠNG MẠI

1.1. Cơ sở lý luận về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại

1.1.1. Khái niệm trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại

1.1.1.1. Pháp nhân thương mại

Bộ luật Hình sự 2015 (BLHS 2015) có đề cập tới trách nhiệm hình sự (TNHS) đối với pháp nhân thương mại. Tuy nhiên, pháp luật về hình sự lại không giải thích như thế nào là pháp nhân thương mại. Để hiểu về khái niệm này, chúng ta cần tìm hiểu quy định trong pháp luật về dân sự.

Theo quy định của Luật Dân sự Việt Nam, “*Pháp nhân là tổ chức được thành lập hợp pháp, có cơ cấu tổ chức chặt chẽ, có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm bằng số tài sản đó; nhân danh mình tham gia vào các quan hệ pháp luật một cách độc lập*”^[7]. Như vậy, khi xét chủ thể là pháp nhân cần xét đến bốn điều kiện theo luật định như sau:

Thứ nhất, pháp nhân phải được thành lập hợp pháp: pháp nhân được thành lập hợp pháp khi được pháp luật cho phép hoặc thừa nhận, nói cách khác thì phải được thành lập theo trình tự, thủ tục luật định. Chỉ khi tổ chức có mục đích, nhiệm vụ, chức năng cụ thể và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập thì mới được xem là pháp nhân. Tính hợp pháp của pháp nhân giúp pháp nhân tham gia các quan hệ pháp luật và tồn tại dưới sự kiểm soát, đảm bảo của Nhà nước nhằm phù hợp với ý chí của Nhà nước.

Thứ hai, pháp nhân phải có cơ cấu tổ chức chặt chẽ: Cơ cấu tổ chức chặt chẽ giúp cho pháp nhân trở thành một thể thống nhất, vận hành, hoạt động một cách có hiệu quả. Cơ cấu tổ chức chặt chẽ nghĩa là pháp nhân phải có sự sắp xếp, phân bổ nguồn nhân lực vào các bộ phận như phòng, ban... và quy định cho từng bộ phận đó những chức năng, nhiệm vụ cụ thể trong Điều lệ nhằm hướng tới đạt được mục đích chung của pháp nhân đó. Tuy nhiên, điều kiện trên có lẽ chưa thực sự chính xác và không cần thiết vì trong một số trường hợp như công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên do cá nhân là

⁷ Điều 74 Bộ luật Dân sự Việt Nam 2015

chủ sở hữu thì pháp luật không quy định cơ cấu tổ chức mà vẫn được coi là pháp nhân.

Thứ ba, pháp nhân phải có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản đó: trong quá trình hoạt động, pháp nhân phải có khối lượng tài sản nhất định để có thể thực hiện các quyền và gánh vác nghĩa vụ khi tham gia các quan hệ pháp luật. Tài sản của pháp nhân phải có sự độc lập, tức là pháp nhân có các quyền như quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt để không chịu sự chi phối ràng buộc của bất kỳ ai, đảm bảo tư cách chủ thể của pháp nhân. Trách nhiệm về tài sản của pháp nhân không thể do một cơ quan, tổ chức khác gánh vác và pháp nhân chỉ phải chịu trách nhiệm trong phạm vi vốn góp (trừ trường hợp công ty hợp danh với số vốn của thành viên góp vốn góp). Đây cũng là một yếu tố để phân biệt pháp nhân với thể nhân, với thể nhân phải chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình.

Thứ tư, pháp nhân nhân danh mình tham gia các quan hệ pháp luật một cách độc lập: điều kiện này xuất phát từ việc tách bạch tài sản (tài sản độc lập) với các cá nhân, tổ chức khác. Với việc sở hữu một khối tài sản riêng, pháp nhân có đủ khả năng để tự mình thực hiện các quyền và nghĩa vụ khi tham gia các quan hệ pháp luật. Mặt khác, thành viên thành lập pháp nhân khi thành lập đã chuyển quyền sở hữu những tài sản riêng của mình vào tài sản khối của pháp nhân, do đó cần có một sự thống nhất về mặt ý chí trong việc sử dụng khối tài sản đó. Dựa trên tiêu chí này, pháp luật đã “trừu tượng hóa” điều đó thành “ý chí” của pháp nhân, tức là trao cho pháp nhân một tư cách để pháp nhân “nhân danh” chính mình tham gia các quan hệ pháp luật. Tuy nhiên, theo quan điểm của nhóm nghiên cứu, đây là một điều kiện pháp nhân chưa thực sự hợp lý, vì việc nhân danh chính mình của pháp nhân chỉ là một hệ quả tất yếu khi được thành lập hợp pháp và đã có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức khác.

Cũng theo Bộ luật Dân sự 2015, pháp nhân được chia thành 2 loại là pháp nhân thương mại và pháp nhân phi thương mại. Theo đó, “*Pháp nhân thương mại là pháp nhân có mục tiêu chính là tìm kiếm lợi nhuận và lợi nhuận được chia cho các thành viên. Pháp nhân thương mại bao gồm doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác*”^[8] và “*Pháp nhân phi thương mại là pháp nhân không có mục tiêu chính là tìm kiếm lợi nhuận; nếu có lợi nhuận thì cũng không được phân chia cho các thành viên. Pháp nhân phi thương mại bao gồm cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức chính trị, tổ chức*

⁸ Điều 75 Bộ luật Dân sự 2015

chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, doanh nghiệp xã hội và các tổ chức phi thương mại khác”^[9].

Theo phân tích trên, pháp nhân thương mại là một dạng thuộc pháp nhân có thể được tồn tại dưới hình thức doanh nghiệp hoặc tổ chức kinh tế, có mục tiêu chính là mục tiêu lợi nhuận và lợi nhuận sẽ được chia cho các thành viên theo tỷ lệ vốn góp, thỏa thuận cũng như điều lệ công ty. Như vậy, các công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, công ty tư nhân,... được pháp luật công nhận có tư cách pháp nhân trong hoạt động kinh doanh vì mục đích lợi nhuận thì được xem là pháp nhân thương mại.

1.1.1.2. Trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại

Thuật ngữ "trách nhiệm" thường được hiểu theo hai nghĩa. Cụ thể:

Một là, trách nhiệm là nghĩa vụ, bổn phận của một người trước người khác, trước xã hội hoặc Nhà nước.

Thứ hai, trách nhiệm là hậu quả bất lợi mà một người phải gánh chịu trước người khác, trước xã hội hoặc Nhà nước do đã có hành vi vi phạm nghĩa vụ được pháp luật quy định.

Trong quan hệ pháp luật hình sự, thuật ngữ TNHS được dùng theo nghĩa thứ hai. Tuy nhiên, cho đến nay, xung quanh khái niệm TNHS vẫn còn những quan điểm khác nhau.

Quan điểm thứ nhất: TNHS là một loại quan hệ pháp luật giữa Nhà nước và người phạm tội, là phải chịu các biện pháp cưỡng chế nhà nước của người phạm tội do người đó thực hiện hành vi phạm tội. Bratux X. N. đã viết: *“Trách nhiệm, không phải là nghĩa vụ phải chịu những hậu quả phát sinh từ sự vi phạm pháp luật mà chính là hậu quả của nó trong tình trạng bị cưỡng chế.... Trách nhiệm, là nghĩa vụ đã được thực hiện bằng cưỡng chế. Nghĩa vụ thì có thể được thực hiện hoặc không được thực hiện, nhưng khi đã bắt đầu trách nhiệm, nghĩa là khi bộ máy cưỡng chế đã đi vào hoạt động thì người có trách nhiệm không được lựa chọn. Người đó không thể không thực hiện hành vi tạo*

⁹ Điều 76, BLDS 2015

thành nội dung của nghĩa vụ phải thực hiện”^[10].

Theo quan điểm này, TNHS là gắn liền với việc cưỡng chế của nhà nước áp đặt lên người phạm tội. Người phạm tội có thể phải chịu TNHS hoặc có thể được miễn TNHS khi có hành vi phạm tội. Người được miễn TNHS là người đã thực hiện hành vi phạm tội, nhưng vì có những căn cứ để được miễn TNHS theo quy định của luật hình sự thì người phạm tội được miễn TNHS. Đối với người phạm tội được miễn TNHS thì không phải chịu các biện pháp cưỡng chế của nhà nước áp đặt lên.

Quan điểm thứ hai: TNHS là một dạng trách nhiệm pháp lý, là tổng hợp các quyền và nghĩa vụ của Nhà nước và người phạm tội, được thể hiện ở các biện pháp tác động có tính chất pháp lý hình sự mà luật hình sự quy định, áp dụng đối với người thực hiện tội phạm, bao gồm hình phạt và các biện pháp tác động có tính chất pháp lý hình sự khác không phải hình phạt (như biện pháp tư pháp) và được bắt đầu từ khi truy cứu TNHS đối với một người. Tuy nhiên, theo nhóm nghiên cứu quan điểm thứ 2 cần được xem xét lại vì chứa đựng mâu thuẫn, cụ thể: thời điểm khởi tố bị can là thời điểm bắt đầu của hoạt động truy cứu TNHS đối với một người có hành vi phạm tội, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể áp dụng các biện pháp cưỡng chế đối với bị can (thậm chí có những biện pháp cưỡng chế còn được áp dụng đối với người có hành vi phạm tội trước khi bị pháp luật truy cứu TNHS. Ví dụ, biện pháp bắt người trong trường hợp khẩn cấp, bắt người phạm tội quả tang, tạm giữ). Trường hợp, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đưa ra các quyết định như: quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án vì hành vi của bị can không cấu thành tội phạm; quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án vì có căn cứ để miễn TNHS cho bị can hoặc Tòa án tuyên bố bị cáo vô tội hoặc tuyên bố bị cáo được miễn TNHS tại phiên tòa thì các biện pháp cưỡng chế trước đó không thể được xem là TNHS.

Quan điểm thứ ba: TNHS là việc thực hiện chế tài pháp lý hình sự, phát sinh từ khi áp dụng hình phạt đối với người phạm tội. Theo quan điểm của nhóm nghiên cứu, quan điểm này thực chất đã thu hẹp nội dung của TNHS. Chế tài hình sự là những biện pháp cưỡng chế bắt buộc thực hiện được chia làm hai nhóm: nhóm có hình phạt và nhóm không có hình phạt (các biện pháp tư pháp). Trong đó, hình phạt là biện pháp

¹⁰ Bratux X. N. “Trách nhiệm pháp lý và pháp chế” 1976, tr. 103 – Theo TS. Phạm Mạnh Hùng, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội.

cưỡng chế chủ yếu và nghiêm khắc nhất. Trong trường hợp có cưỡng chế bằng hình phạt, TNHS mà người phạm tội phải chịu là bị kết tội kèm theo hình phạt được quyết định trong bản án kết tội của Tòa án. Tuy nhiên, không phải bản án nào cũng có quyết định hình phạt, đôi khi TNHS của người có hành vi phạm tội chỉ bao gồm quyết định kết tội và một số biện pháp cưỡng chế không phải là hình phạt (như buộc công khai xin lỗi, bắt buộc chữa bệnh, bồi thường thiệt hại,..). Như vậy, không thể đồng nhất thuật ngữ “trách nhiệm hình sự” với “hình phạt”, bởi vì TNHS là một chế định pháp lý, là hậu quả của việc phạm tội áp dụng đối với người có hành vi phạm tội, còn hình phạt chỉ là một trong những biện pháp cưỡng chế chủ yếu của TNHS, để cụ thể hóa TNHS. TNHS là khái niệm rộng hơn hình phạt. Vì những lẽ đó, nhóm nghiên cứu cho rằng không thể coi TNHS là việc thực hiện chế tài pháp lý hình sự, phát sinh từ khi áp dụng hình phạt đối với người phạm tội.

Quan điểm thứ tư: TNHS là hậu quả pháp lý của việc phạm tội, kết quả của việc áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự và được thể hiện trước hết ở việc kết án của Tòa án, nhân danh Nhà nước, đối với người phạm tội. Bản án kết tội của Tòa án có hiệu lực pháp luật là cơ sở pháp lý xác nhận người phạm tội chính thức "bị coi là có tội". Đa số bản án của Tòa án bao gồm hai nội dung chính là phần kết tội của tòa án và phần hình phạt. Trường hợp thứ nhất, bị tòa án kết tội và có hình phạt kèm theo thì TNHS bao gồm phần kết tội và hình phạt kèm theo tùy vào mức độ phạm tội và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ. Trường hợp thứ hai, bị tòa án kết tội mà kèm theo quyết định miễn hình phạt thì TNHS chỉ bao gồm phần kết tội của Tòa án. Trường hợp thứ ba, bị cáo không bị kết tội thì không làm phát sinh TNHS.

Trên cơ sở phân tích những quan điểm trên về khái niệm TNHS, có thể rút ra khái niệm TNHS như sau: *“Trách nhiệm hình sự là một dạng trách nhiệm pháp lý, là hậu quả pháp lý bất lợi mà chủ thể phạm tội phải gánh chịu trước Nhà nước do hành vi thực hiện hành vi phạm tội và là kết quả của việc áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự, được thể hiện ở bản án kết tội của Tòa án có hiệu lực pháp luật”*.

Tương tự đối với TNHS của pháp nhân thương mại: *“Trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại là một dạng trách nhiệm pháp lý, là hậu quả pháp lý bất lợi mà pháp nhân thương mại phạm tội phải gánh chịu trước Nhà nước do pháp nhân thương mại đó thực hiện hành vi phạm tội và là kết quả của việc áp dụng các quy phạm pháp*

luật hình sự, được thể hiện trong bản án kết tội của Tòa án có hiệu lực pháp luật”.

1.1.2. Phân biệt “Trách nhiệm hình sự” và “Trách nhiệm hành chính” của pháp nhân thương mại

Pháp nhân thương mại khi có hành vi vi phạm pháp luật có thể phải chịu hai loại trách nhiệm pháp lý như trước đây gồm: một là trách nhiệm dân sự được quy định trong BLDS và các luật có liên quan khác, hai là trách nhiệm hành chính được quy định trong Luật xử lý vi phạm hành chính. Pháp nhân thương mại còn phải chịu thêm một loại trách nhiệm pháp lý mới đó là TNHS được quy định trong BLHS khi BLHS 2015 khi Bộ luật này có hiệu lực thi hành. Pháp nhân thương mại sẽ bị truy cứu TNHS đối với những hành vi phạm tội được quy định rõ trong BLHS 2015.

Trong quá trình thực hiện việc phân biệt ba loại trách nhiệm pháp lý (TNDS, TNHC và TNHS) mà pháp nhân thương mại có thể chịu khi có hành vi vi phạm pháp luật, nhóm nghiên cứu nhận thấy: đối với loại TNDS quy định trong BLDS, chủ thể pháp nhân thương mại trong TNDS là bình đẳng trước pháp luật, căn cứ phát sinh TNDS của pháp nhân thương mại là hành vi vi phạm của bên có nghĩa vụ đối với bên có quyền trong việc thực hiện nghĩa vụ (ví dụ: phát sinh tranh chấp quyền lợi trong hợp đồng mua bán mà pháp nhân thương mại A ký kết với pháp nhân thương mại B). Căn cứ hình thành TNDS dựa trên sự thỏa thuận giữa các pháp nhân thương mại nhằm bảo vệ lợi ích riêng của từng pháp nhân thương mại, các chủ thể tự thống nhất hướng xử lý vi phạm và cách thức thực hiện. Đồng thời, trong quá trình thực hiện TNDS, pháp nhân thương mại có thể chuyển nghĩa vụ thực hiện TNDS cho một đối tượng khác (nếu được các chủ thể trong tranh chấp có phát sinh TNDS chấp thuận). Tuy nhiên, pháp nhân thương mại trong loại TNHC và TNHS có điểm tương đồng khác với pháp nhân thương mại trong loại TNDS. Cụ thể, chủ thể trong hai loại trách nhiệm (TNHC và TNDS) gồm một bên là nhà nước và một bên là người có hành vi vi phạm pháp luật về hành chính hoặc về hình sự. Dựa trên hành vi xâm phạm pháp luật về hành chính hoặc về hình sự do nhà nước giám sát quản lý, pháp nhân thương mại bị nhà nước cưỡng chế áp dụng những hình thức xử lý tương ứng (phạt tiền, cảnh cáo, đình chỉ hoạt động có thời hạn...) khi phát hiện pháp nhân thương mại có hành vi vi phạm pháp luật. Việc thực hiện trách nhiệm (TNHC hoặc TNHS) do chính pháp nhân thương mại vi phạm pháp luật thực hiện. Có thể thấy, tính nguy hiểm cho xã hội của TNHC và TNHS cao hơn nhiều tính

nguy hiểm cho xã hội của TNDS.

Do đó, trong quá trình thực hiện bài nghiên cứu nhằm làm nổi bật những quy định về TNHS của pháp nhân thương mại trong BLHS 2015, nhóm nghiên cứu không so sánh chuyên sâu sự khác nhau giữa TNHS và TNDS của pháp nhân thương mại. Trong bài nghiên cứu khoa học, nhóm chỉ thực hiện việc phân biệt TNHS và TNHC của pháp nhân thương mại phải chịu khi có hành vi vi phạm pháp luật về hình sự hoặc về hành chính. Việc phân biệt nhằm lý giải phần nào tại sao bên cạnh TNHC trong Luật Xử lý vi phạm hành chính, pháp nhân thương mại cần chịu thêm loại TNHS trong BLHS khi có hành vi vi phạm pháp luật. Bảng so sánh này được đính kèm bài nghiên cứu này tại Phụ lục A.

1.1.3. Một số học thuyết trách nhiệm hình sự của pháp nhân

Trong các hệ thống pháp luật trên thế giới, hệ thống pháp luật Anh - Mỹ (hay còn gọi là Common Law) áp dụng và quy định sớm nhất vấn đề truy cứu TNHSPN. Hiện nay, TNHSPN trong hệ thống pháp luật Common Law phát triển khá toàn diện và được thể hiện qua các quy định cụ thể. Đối với các nước thuộc hệ thống Civil Law (hệ thống pháp luật Pháp – Đức) do bị ảnh hưởng từ hệ thống pháp luật La Mã nên thời kỳ đầu cả lý luận và thực tiễn trong pháp luật hình sự đều phủ nhận TNHSPN, họ tuân thủ quy tắc *“pháp nhân không thể phạm tội”*. Nhưng sau đó, với sự tiếp thu từ thực tiễn lập pháp cũng như lý luận của hệ thống Common Law, vấn đề TNHSPN từng bước được ghi nhận trên phương diện lập pháp hình sự ở các nước thuộc hệ thống Civi Law. Lý luận chung về TNHSPN ở các nước Civil law vì thế cơ bản chịu ảnh hưởng của hệ thống pháp luật Common Law, nhưng về thực tiễn lập pháp, TNHSPN không phải luôn được thể hiện trong luật hình sự, mà còn được quy định trong các văn bản pháp luật hành chính, đó là những chế tài có tính chất như hình sự hoặc bán hình sự (quasi criminal liability)^[11].

Trên thế giới, hiện nay có nhiều học thuyết về TNHS của pháp nhân được hình thành từ các hệ thống pháp luật khác nhau. Tuy nhiên, trong phạm vi của đề tài này, nhóm nghiên cứu sẽ trình bày những học thuyết mà nhóm cho rằng cơ bản và quan trọng nhất, bao gồm: học thuyết đồng nhất hóa, học thuyết trách nhiệm thay thế, học thuyết

¹¹ Theo Ths. Hoàng Trí Ngọc, Vụ Tư pháp, Văn phòng Quốc hội, NCS Viện Luật, Đại học Nhân dân Trung Quốc đăng trên trang web của Trung tâm Tư vấn pháp luật tại Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Trung ương Hội luật gia Việt Nam (<http://nguoibaovequyenloi.com>)

phản ứng của pháp nhân, học thuyết văn hóa.

1.1.3.1. *Học thuyết trách nhiệm thay thế*

Ở Anh, từ thế kỷ thứ XIV đã xuất hiện pháp nhân, đó là những pháp nhân Giáo hội với chức năng chủ yếu là hoạt động tôn giáo và quản lý tài sản của nhà thờ. Tuy nhiên, TNHSPN ở thời kỳ này vẫn chưa được chấp nhận. Nguyên nhân là do quan niệm: “*pháp nhân là thực thể được pháp luật hư cấu nên được pháp luật trao quyền cho hoạt động. Pháp nhân hoạt động theo điều lệ cho nên mọi hành vi của nó được thực hiện trong phạm vi điều lệ, trường hợp hoạt động ngoài phạm vi điều lệ cho phép thì đó gọi là vượt quyền và do con người chứ không phải pháp nhân gây ra. Vì vậy, pháp nhân không phải chịu trách nhiệm hình sự*”. Đến năm 1635, TNHSPN được áp dụng đối với những loại tội phạm nghiêm trọng, loại tội mà mặt chủ quan cấu thành tội phạm không cần điều kiện lỗi. Chẳng hạn như không thực hiện nghĩa vụ duy tu, sửa chữa công trình cầu đường^[12]. Không lâu sau đó, tòa án Anh đã “mượn” lý luận trách nhiệm thay thế từ trong luật dân sự làm thành nguyên tắc trách nhiệm thay thế để áp dụng TNHS đối với pháp nhân^[13]. Nội hàm của trách nhiệm thay thế trong luật dân sự xuất phát từ nguyên tắc “*đầy tớ phạm lỗi chủ chịu trách nhiệm*”. Theo đó, nhân viên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ gây thiệt hại về quyền và lợi ích của người khác thì người chủ phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại thay cho nhân viên của mình. Lý do là nếu dựa vào năng lực bồi thường của cá nhân, nhân viên khó có thể tự mình thực hiện được việc bồi thường một cách đầy đủ, kịp thời, vô hình chung càng gây thêm tổn hại cho người bị thiệt hại.

Nội hàm của Học thuyết trách nhiệm thay thế là gắn TNHSPN với hành vi vi phạm của nhân viên (bao gồm giám đốc, hội đồng quản trị, người đại lý của pháp nhân). Nếu như nhân viên của pháp nhân trong phạm vi công việc được ủy quyền mà thực hiện hành vi phạm tội, thì pháp nhân đó phải chịu TNHS thay cho nhân viên của mình, bất luận người này ở vào địa vị cao thấp như thế nào trong công ty^[14].

¹² Andrew Weissman, “*Rethinking Criminal Corporate Liability*”, *Indian Law Journal* 2007, p. 419.

¹³ Anca Iulia Pop, *Criminal Liability of corporations – Comparative Jurisprudence*, Anca Iulia Pop, 2006, p.12.

¹⁴ Theo Ths. Hoàng Trí Ngọc, Vụ Tư pháp, Văn phòng Quốc hội, NCS Viện Luật, Đại học Nhân dân Trung Quốc đăng trên trang web của Trung tâm Tư vấn pháp luật tại Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Trung ương Hội luật gia Việt Nam (<http://nguoibaovequyenloi.com>)

Học thuyết trách nhiệm thay thế có vai trò quan trọng trong việc truy cứu TNHSPN, trở thành căn cứ lý luận cho hoạt động lập pháp cũng như thực tiễn truy cứu TNHSPN. Xét về mặt thực tiễn, học thuyết này tạo ra sự răn đe rất lớn đối với pháp nhân. Theo đó, chỉ cần thỏa mãn điều kiện có hành vi vi phạm hình sự của nhân viên chủ chốt trong thời gian thực hiện nhiệm vụ của pháp nhân thì lập tức TNHS được quy cho pháp nhân. Chính bởi yếu tố dễ sử dụng như vậy nên đã tạo thành biện pháp răn đe rất hiệu quả đối với hành vi phạm tội của pháp nhân, đồng thời ngăn chặn, phòng ngừa hành vi phạm tội của nhân viên, người đại lý dưới danh nghĩa pháp nhân. Tuy nhiên, dù có nhiều ưu thế trong thực tiễn áp dụng cũng như phòng ngừa pháp nhân phạm tội, học thuyết này vẫn có những khiếm khuyết lớn đó là, truy cứu TNHSPN mà không cần điều kiện lỗi của hành vi, chỉ cần có hành vi phạm tội của nhân viên dù cố ý hay vô ý, dù có lỗi hay không có lỗi thì pháp nhân đều bị truy cứu TNHS. Như vậy, học thuyết này chưa phù hợp với điều kiện, mục đích của việc truy cứu TNHS.

1.1.3.2. Học thuyết đồng nhất hóa

Nội dung cơ bản của Học thuyết này là lấy hành vi của người giữ vị trí chủ đạo trong pháp nhân đồng nhất hóa thành hành vi của chính pháp nhân. Những người giữ vai trò vị trí chủ đạo thông thường bao gồm người đại diện của pháp nhân, giám đốc, hội đồng quản trị hoặc những người có vị trí chi phối và định hướng cho hoạt động của pháp nhân. Ý chí và hành vi của những người này, theo Học thuyết đồng nhất hóa được gọi là “một người ngoài tôi” (Alter ego) của pháp nhân thể hiện ý chí và hành vi của pháp nhân.

Điều kiện để truy cứu TNHSPN theo Học thuyết này là người đại diện cho pháp nhân, giám đốc, hội đồng quản trị cố ý hoặc vô ý thực hiện hành phạm tội, lập tức hành vi tội phạm đó được chuyển hóa thành hành vi phạm tội của pháp nhân và bị truy cứu TNHS về hành vi này. Lỗi và hành vi phạm tội của người đại diện pháp nhân, giám đốc, hội đồng quản trị chính là lỗi và hành vi phạm tội của pháp nhân. Pháp nhân chỉ bị truy cứu TNHS khi có lỗi cố ý hoặc vô ý, trường hợp không có lỗi thì không tồn tại TNHSPN. Trong pháp nhân chỉ có một số người ở vào vị trí như người đại diện pháp nhân, giám đốc, hội đồng quản trị, người giữ vai trò chi phối và định hướng hoạt động cho pháp nhân mới trở thành nhân tố để tạo thành TNHSPN. Ngoài những vị trí kể trên, những người như nhân viên bình thường, người đại lý không thể là nhân tố làm phát sinh

TNHSPN. Trong mọi trường hợp người đại lý, nhân viên thực hiện hành vi phạm tội thì phải chịu trách nhiệm về hình sự của cá nhân về hành vi đó mà không thể quy cho pháp nhân^[15].

1.1.3.3. Học thuyết phản ứng của pháp nhân

Học thuyết phản ứng của pháp nhân do giáo sư Fisse sáng lập^[16]. Giáo sư Fisse cho rằng, sẽ là thất bại trong việc áp đặt TNHS cho pháp nhân, nếu cứ đi tìm chức năng đại diện của pháp nhân như là chức năng hành vi của con người. Vì vậy, ông đề xuất lý luận phản ứng của pháp nhân để truy cứu TNHSPN. Theo đó, loại bỏ phương pháp quy TNHS cho pháp nhân thông qua hành vi phạm tội và lỗi của “người tự nhiên” (nhân viên, người đại lý, giám đốc, hội đồng quản trị). Cơ sở để truy cứu TNHSPN theo Học thuyết này là xuất phát từ chính sách của pháp nhân. Chính sách của pháp nhân là toàn bộ những quy tắc, định hướng hoạt động của pháp nhân đối với việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa hiệu quả hành vi phạm tội. Theo giáo sư, có thể thấy được ý chí của pháp nhân, thậm chí cả ý đồ phạm tội của pháp nhân thể hiện một cách rõ ràng hoặc ngầm thể hiện trong chính sách của pháp nhân. Vì vậy, nếu pháp nhân không có chính sách phòng ngừa, ngăn chặn hiệu quả tội phạm, dẫn đến phát sinh tội phạm, đây được gọi là “lỗi phản ứng” của pháp nhân. Căn cứ vào “lỗi phản ứng”, có thể nhận định rằng, trong chính sách của pháp nhân tồn tại ý đồ phạm tội thì pháp nhân sẽ bị truy cứu TNHS.

Giáo sư Fisse đưa ra mô hình lý luận để xác định TNHSPN như sau: (1) hành vi phạm tội nghiêm trọng của việc không tuân thủ phản ứng sẽ cần chứng minh yếu tố lỗi được thể hiện trong chiến lược, chính sách của pháp nhân, đó là sự cố tình hoặc coi thường việc tuân thủ nghĩa vụ pháp lý trong việc thực hiện biện pháp phòng ngừa hoặc sửa đổi, hoàn thiện chính sách của pháp nhân; (2) hành vi phạm tội ít nghiêm trọng của việc không tuân thủ “nguyên tắc phản ứng” sẽ cần chứng minh pháp nhân đã cố gắng thực thi trách nhiệm phản ứng nhưng vẫn không thể ngăn chặn được hành vi phạm

¹⁵ Theo Ths. Hoàng Trí Ngọc, Vụ Tư pháp, Văn phòng Quốc hội, NCS Viện Luật, Đại học Nhân dân Trung Quốc đăng trên trang web của Trung tâm Tư vấn pháp luật tại Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Trung ương Hội luật gia Việt Nam (<http://nguoibaovequyenloi.com>)

¹⁶ Brent Fisse, *Reconstructing corporate criminal law: Deterrene retribution, fault, and sanctions*, Southern California Law Review Vol.56. 1983, p.1202.

tội¹⁷.

Khi đã xác định được hành vi phạm tội, tòa án có quyền ra lệnh cho pháp nhân tự tiến hành điều tra, xác định nhân viên, người có trách nhiệm và áp dụng biện pháp xử phạt thích đáng đối với hành vi phạm tội của nhân viên đó. Đồng thời, tòa án cũng yêu cầu khắc phục những hạn chế, thiếu sót trong chính sách phòng ngừa của pháp nhân, bảo đảm rằng chính sách đó sẽ không là nguyên nhân phát sinh tội phạm tương tự trong tương lai. Nếu như pháp nhân thực thi có hiệu quả toàn bộ những yêu cầu, mệnh lệnh của tòa án thì sẽ không bị truy cứu TNHS. Ngược lại, nếu pháp nhân không áp dụng triệt để, thực thi nghiêm túc và có hiệu quả những yêu cầu, mệnh lệnh của tòa án thì bị truy cứu TNHS¹⁸.

Lý luận về trách nhiệm phản ứng của pháp nhân đưa ra cách tiếp cận mới đối với vấn đề chủ thể, hành vi, lỗi của pháp nhân. Đồng thời, cơ chế áp dụng TNHSPN theo học thuyết này cũng được thực hiện theo một cách rất đặc thù. Đó là căn cứ vào chính sách của pháp nhân, xem đó là tiền đề để truy cứu TNHS; căn cứ vào biện pháp khắc phục sau khi hành vi phạm tội được thực hiện, xem đó là căn cứ cuối cùng để quyết định có hay không việc truy cứu TNHSPN. Đây là nét đặc trưng và cũng là ưu điểm của học thuyết này. Tuy nhiên, trách nhiệm phòng ngừa tội phạm là thuộc về trách nhiệm của các cơ quan công quyền, của bộ máy quản lý chứ không phải trách nhiệm của pháp nhân. Mặc dù pháp nhân có trách nhiệm “phản ứng” bằng biện pháp phòng ngừa đối với hành vi phạm tội nhưng lấy chính sách phòng ngừa tội phạm trở thành căn cứ truy cứu TNHSPN là không thỏa đáng. Bở lẽ, không phải pháp nhân nào cũng có khả năng và nguồn lực để thực hiện một cách hiệu quả vấn đề này.

1.1.3.4. Học thuyết văn hóa

Báo cáo về mô hình pháp điển hóa luật hình sự Australia của Ủy ban liên hiệp Liên bang và các bang Australia (năm 1992) cho rằng, nếu chỉ truy cứu TNHSPN theo nguyên tắc Tesco (Học thuyết đồng nhất hóa) thì không phù hợp với trình độ tổ chức, kết cấu của pháp nhân hiện đại. Khi tính phân hóa trong kết cấu tổ chức pháp nhân ngày

¹⁷ Brent Fisse, *Reconstructing corporate criminal law: Deterrene retribution, fault, and sanctions*, Southern California Law Review Vol.56. 1983, p.1202.

¹⁸ Theo Ths. Hoàng Trí Ngọc, Vụ Tư pháp, Văn phòng Quốc hội, NCS Viện Luật, Đại học Nhân dân Trung Quốc đăng trên trang web của Trung tâm Tư vấn pháp luật tại Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Trung ương Hội luật gia Việt Nam (<http://nguoibaovequyenloi.com>)

càng đa dạng, nhiều bộ phận có thể chi phối hoạt động của pháp nhân mà không chỉ bó hẹp trong phạm vi hoạt động người đại diện, hội đồng quản trị, giám đốc. Vì vậy, kiến nghị mở rộng phạm vi truy cứu TNHSPN trên cơ sở sử dụng lý luận mới, đó là sử dụng học thuyết văn hóa pháp nhân. Theo học thuyết này, pháp nhân - cho dù được tổ chức dưới các hình thức khác nhau, nhưng trong pháp nhân luôn tồn tại văn hóa pháp nhân. Văn hóa pháp nhân thể hiện trong luật hình sự Australia được hiểu là toàn bộ chính sách, phương châm, cơ cấu tổ chức, quy tắc hoạt động của pháp nhân. Thông qua văn hóa pháp nhân có thể thấy được thái độ, ý đồ của pháp nhân thể hiện một cách tích cực hoặc tiêu cực đối với việc phòng ngừa tội phạm và việc nâng cao nhận thức cho nhân viên tuân thủ pháp luật. Nếu như hành vi phạm tội được thực hiện trong pháp nhân là do văn hóa pháp nhân ngầm cho phép, khuyến khích thực hiện thì đó là điều kiện để truy cứu TNHSPN theo quy định của luật hình sự Australia.

Căn cứ luật hình sự Australia, nguyên tắc chung cho việc áp dụng TNHS là TNHS của cá nhân được áp dụng như cho pháp nhân và pháp nhân có thể bị kết án bởi thực hiện bất cứ loại tội phạm nào (Chương II, Điều 12.1). Để xác định văn hóa pháp nhân có tồn tại việc cho phép, khuyến khích hoặc thúc đẩy hành vi phạm tội hay không phải căn cứ vào hai điều kiện: một là, có sự chỉ đạo, cổ vũ, buông lỏng quản lý pháp nhân dẫn đến tội phạm xảy ra; hai là, pháp nhân đã không thực hiện đầy đủ trách nhiệm phòng ngừa tội phạm và nâng cao văn hóa tuân thủ pháp luật cho toàn bộ nhân viên (Chương II, Điều 12.3.2c.d). Từ đó, có thể khẳng định, văn hóa pháp nhân đã ngầm đồng ý, cho phép hoặc bỏ mặc cho hành vi phạm tội xảy ra tương ứng với hành vi cố ý phạm tội hoặc vô ý phạm tội^[19].

Học thuyết văn hóa pháp nhân được thể hiện khá toàn diện trong luật hình sự Australia. Tuy nhiên, văn hóa pháp nhân là khái niệm tương đối trừu tượng, trong thực tiễn, văn hóa không chỉ được thể hiện trong chính sách, quy định của công ty mà còn được thể hiện ở các phương diện như thói quen, cách hành xử của nhân viên trong nội bộ pháp nhân với nhau. Vì vậy, việc xác định văn hóa pháp nhân để truy cứu TNHS là chưa bảo đảm tính khách quan, chính xác, đặc biệt trong lĩnh vực hình sự.

¹⁹ Theo Ths. Hoàng Trí Ngọc, Vụ Tư pháp, Văn phòng Quốc hội, NCS Viện Luật, Đại học Nhân dân Trung Quốc đăng trên trang web của Trung tâm Tư vấn pháp luật tại Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Trung ương Hội luật gia Việt Nam (<http://nguoibaovequyenloi.com>)

Trang 24

Các học thuyết về TNHSPN đều tồn tại ưu khuyết điểm nhất định, có thể thấy học thuyết trách nhiệm thay thế có ưu thế trong việc răn đe, phòng ngừa hành vi phạm tội của pháp nhân, vì việc truy cứu TNHSPN theo học thuyết này không cần điều kiện lỗi. Chính vì tính nghiêm ngặt như vậy mà có tác động rất lớn đến chính sách hoạt động của pháp nhân, nhất là đối với lĩnh vực liên quan đến lợi ích công cộng mà pháp nhân đảm nhiệm thực hiện (ví dụ như lĩnh vực cầu đường, hệ thống cung cấp nước sinh hoạt...). Tuy nhiên, nếu xem xét dưới góc độ lỗi hành vi thì lại không phù hợp bởi lẽ pháp nhân có thể phải chịu TNHS cả trong trường hợp không có lỗi. Vì vậy, việc tiếp thu lý luận về TNHSPN và kinh nghiệm lập pháp phải tùy thuộc vào điều kiện, hoàn cảnh của mỗi nước và lý luận truyền thống của nước đó. Đặc điểm chung là Học thuyết đồng nhất hóa đã được quy định trong pháp luật của đại đa số các nước ghi nhận về mặt lập pháp TNHSPN ở hệ thống Common law và Civil law. Dưới góc độ lý luận TNHS so sánh với các học thuyết khác thì việc truy cứu TNHSPN theo học thuyết đồng nhất hóa là phù hợp hơn cả, đó là TNHS được cấu thành bởi lỗi hành vi. Nếu hành vi phạm tội không có lỗi thì không tồn tại TNHSPN. Đồng thời TNHSPN được “ cá thể hóa” trong phạm vi những người chủ chốt, giữ vai trò chi phối, lãnh đạo pháp nhân. Do đó, việc xác định TNHS của chủ thể để đồng nhất hóa với TNHS pháp nhân là tương đối dễ thực hiện. Đối với những pháp nhân có kết cấu phức tạp, nhiều tầng nấc, có nhiều vị trí ngoài những người giữ vị trí chủ đạo, chi phối hoạt động của pháp nhân thì khi thể hiện về mặt lập pháp có thể mở rộng chủ thể để đồng nhất hóa trách nhiệm của những người này thành trách nhiệm của pháp nhân^[20].

Có thể nói rằng, trong hệ thống lý luận TNHS trên thế giới, TNHSPN là một trong những vấn đề nhận được nhiều sự quan tâm nhất của các chuyên gia, học giả pháp luật. Hiếm có một vấn đề pháp luật nào mà xoay quanh nó lại có nhiều lý luận, học thuyết đến như vậy. Ngoài những học thuyết trên như đã trình bày, còn có một số học thuyết khác như học thuyết tập hợp, học thuyết lỗi vô ý, lý luận trách nhiệm tổ chức pháp nhân, lý luận về lỗi phòng ngừa của pháp nhân, lý luận kết cấu của pháp nhân, lý luận về đặc tính trách nhiệm của pháp nhân.... Dường như, xung quanh vấn đề TNHSPN vẫn luôn tồn tại các ý kiến tranh luận diễn ra cùng với hoạt động truy cứu TNHSPN. Điều

²⁰ Theo Ths. Hoàng Trí Ngọc, Vụ Tư pháp, Văn phòng Quốc hội, NCS Viện Luật, Đại học Nhân dân Trung Quốc đăng trên trang web của Trung tâm Tư vấn pháp luật tại Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Trung ương Hội luật gia Việt Nam (<http://nguoibaovequyenloi.com>)

đó cho thấy, tính chất phức tạp của vấn đề TNHSPN, đồng thời, đó cũng là nét đặc sắc của vấn đề này.

Ở Việt Nam, từ khi BLHS 2015 hình thành, chưa có một quan điểm nào xác định các quy định về TNHS của PNTM được tiếp thu và xây dựng dựa trên học thuyết nào. Tuy nhiên, theo nhóm các quy định về TNHS của pháp nhân được thể hiện trong BLHS 2015 được hình thành dựa trên sự tiếp thu nhiều học thuyết khác nhau trong đó có học thuyết đồng nhất hóa và học thuyết văn hóa. TNHS của PNTM phát sinh khi hành vi phạm tội phải được thực hiện nhân danh pháp nhân thương mại; phải được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân thương mại; hành vi phạm tội phải được thực hiện có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân thương mại và chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS^[21]. TNHS của pháp nhân không những phát sinh từ các hành vi phạm tội được thực hiện, điều hành, chỉ đạo hoặc chấp thuận của pháp nhân thương mại mà còn phải được thực hiện nhân danh PNTM và vì lợi ích của PNTM, điều này có thể được thể hiện trong điều lệ công ty, văn bản chỉ đạo hay thậm chí là sự chấp thuận ngầm.

1.2. Cơ sở thực tiễn về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại

1.2.1. Tình trạng vi phạm pháp luật của pháp nhân ở Việt Nam

Cùng với những thành tựu đạt được trong sự phát triển của kinh tế, những ảnh hưởng mặt trái của nền kinh tế thị trường cũng làm phát sinh nhiều hiện tượng tiêu cực, gây ra những hậu quả nghiêm trọng cho xã hội. Hành vi trên chủ yếu là do các công ty lớn vì lợi ích cục bộ đã có những hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại nghiêm trọng cho xã hội. Điều đáng chú ý là các vi phạm pháp luật này đang ngày càng nghiêm trọng và có chiều hướng gia tăng, trong đó phổ biến là các vi phạm sau đây:

Vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường: Theo số liệu thống kê chưa đầy đủ^[22], trong những năm qua, tình hình vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường xảy ra phổ biến và nghiêm trọng nhất. Vì lợi nhuận, giảm chi phí sản xuất, nhiều doanh nghiệp sản xuất đã cố ý trực tiếp xả thải ra môi trường không qua xử lý, gây thiệt hại nghiêm trọng cho môi trường sống, cho sản xuất của nông dân, ảnh hưởng nghiêm trọng lâu dài đến sức khỏe của nhân dân. Trong đó số vụ xả thải và khí thải chiếm trên

²¹ Khoản 1 Điều 75 BLHS 2015 (Điều kiện chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân)

²² Bộ TN & MT, Báo cáo tổng kết 8 năm thi hành Luật Bảo vệ môi trường 2005 (2005 - 2013), tháng 7/2013

90%. Theo báo cáo của các cơ quan chức năng, số lượng các vụ gây ô nhiễm môi trường có chiều hướng gia tăng và mức độ ngày càng nghiêm trọng^[23]. Điển hình là vụ vi phạm xả nước thải trực tiếp không qua xử lý ra sông Thị Vải suốt 14 năm liền, gây ô nhiễm 2.686 hecta đất nuôi trồng thủy sản, chiếm 80 – 90% ô nhiễm cho sông, thiệt hại vật chất lên đến hàng ngàn tỷ đồng của Công ty Vedan Việt Nam^[24]. Năm 2013, vụ Công ty cổ phần Nicotex Thanh Thái chôn xuống đất hàng chục tấn thuốc trừ sâu gây nhiễm độc đất và nguồn nước^[25], đe dọa trực tiếp đến sự an toàn về tính mạng và sức khỏe của người dân. Vụ Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An thuộc Tổng Công ty Việt Thắng và Công ty TNHH Sản xuất Cơ khí và Dịch vụ Đại Phúc xả thải chưa qua xử lý trực tiếp ra ngoài môi trường; Công ty Cổ phần giấy An Hòa xả 1.500 m³ nước thải chưa qua xử lý ra sông Lô; vụ Công ty TNHH NEW TOYO PULPPY tại tỉnh Bình Dương xả nước thải chưa được xử lý vào cống thoát nước mưa của Khu công nghiệp VISIP I, vụ việc 04 Công ty luyện, cán thép từ thép phế liệu đang gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; vụ việc chôn lấp hàng trăm tấn chất thải nguy hại không đúng quy định của Công ty TNHH Nhà nước MTV xử lý và chế biến chất thải Phú Thọ; Công ty TNHH Khai thác, chế biến xuất nhập khẩu khoáng sản Việt Nam, tại Hải Dương có Nhà máy Xử lý chất thải ngành luyện kim gây ô nhiễm ảnh hưởng tới canh tác lúa và hoạt động của cư dân xung quanh; Công ty Cổ phần Giấy và Bao bì Phú Giang, Bắc Ninh xả nước thải chưa qua xử lý ra lưu vực sông Cầu^[26].

Điển hình và nghiêm trọng nhất là vụ Cá chết hàng loạt ở Việt Nam 2016 hay còn gọi là Sự cố Formosa đề cập đến hiện tượng cá chết hàng loạt tại vùng biển Vũng Áng (Hà Tĩnh) bắt đầu từ ngày 6 tháng 4 năm 2016 và sau đó lan ra vùng biển Quảng

²³Báo cáo tổng kết 8 năm thi hành Luật Bảo vệ môi trường 2005 (2005 - 2013), tháng 7/2013 thì năm 2009, có 93/793 cơ sở, khu công nghiệp và cụm công nghiệp, trong đó cả 93 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; Năm 2010, có 233 cơ sở sản xuất, kinh doanh; 53 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên 269 cơ sở tiến hành kiểm tra; Năm 2011, 154/375 cơ sở vi phạm, xử phạt tổng số tiền 19.405.000.000 đồng; Năm 2012, có 157 cơ sở vi phạm trên 429 cơ sở sản xuất, khu công nghiệp, khu chế xuất vi phạm

²⁴ “Vụ Vedan “giết” sông Thị Vải: “Thành công” suốt 14 năm” đăng trên báo tuoitre.vn ngày 16/08/2009 xem ngày 28/02/2017

²⁵ “Nicotex đã ‘phi tang’ hơn 5 tấn thuốc trừ sâu xuống đất?” đăng trên báo nguoiduatin.vn ngày 06/09/2013, tra ngày 23/02/2017

²⁶ Bộ TN & MT, “Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2013” và “kế hoạch công tác năm 2014 của ngành tài nguyên và môi trường, tháng 12/2013” – Theo giải trình của Ban soạn thảo BLHS 2015

Bình, Quảng Trị, Huế. Trên bờ biển Quảng Đông, Vũng Chùa có đến hàng trăm cá thể cá mú loại từ 40 - 50 kg trôi dạt vào bờ và chết^[27]. Đến ngày 25/4, tỉnh Hà Tĩnh có 10 tấn, Quảng trị 30 tấn, đến ngày 29/4 Quảng Bình hơn 100 tấn cá biển bất ngờ chết dạt bờ^[28]. Thảm họa này gây ảnh hưởng lớn đến sản xuất và sinh hoạt của ngư dân, đến những hộ nuôi thủy sản ven bờ, ảnh hưởng đến du lịch biển và cuộc sống của cư dân miền Trung. Chỉ riêng tỉnh Quảng Bình có 18 xã chuyên làm nghề biển với hơn 14.000 hộ và 24.000 lao động nghề biển^[29]. Cuộc điều tra sau đó cho thấy, nguồn thải lớn từ tổ hợp nhà máy của Công ty Formosa Hà Tĩnh chứa độc tố tạo thành một dạng phức hợp, di chuyển vào Nam làm hải sản ở tầng đáy biển chết, là nguyên nhân gây ra thảm họa ô nhiễm môi trường biển này^[30]. Chính phủ Việt Nam cho rằng chất thải mà nhà máy Formosa tại Hà Tĩnh thừa nhận thải ra biển tác động đến cuộc sống của hơn 200 ngàn người dân, trong đó có 41 ngàn ngư dân^[31].

Theo số liệu từ lực lượng Cảnh sát Phòng chống tội phạm về môi trường, từ năm 2010 đến nay, lực lượng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường trên toàn quốc đã phát hiện, xử lý gần 25.000 vụ vi phạm pháp luật về môi trường, đã khởi tố trên 350 vụ án với gần 400 đối tượng, xử phạt vi phạm hành chính gần 200 tỷ đồng. Trong đó, vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường diễn ra phổ biến nhất là trong lĩnh vực công nghiệp, xây dựng cơ bản và môi trường đô thị.

Vi phạm trong lĩnh vực thuế: Theo kết quả thanh tra, kiểm tra của ngành Thuế tại 2.110 doanh nghiệp, đã truy thu, truy hoàn, phạt hơn 988 tỉ đồng, giảm khấu trừ 136,95 tỉ đồng. Đặc biệt, thanh tra thuế đã buộc doanh nghiệp phải giảm lỗ lên tới hơn 4.192 tỉ đồng. Theo đánh giá của thanh tra, số tiền truy thu chủ yếu tập trung ở khu vực doanh nghiệp FDI (chiếm 40% tổng số thu), tỷ lệ số thu bình quân trên 1 doanh nghiệp là 1,73 tỉ đồng. Đáng lưu ý là tại một số đơn vị, tỷ lệ vi phạm lên đến 100% như trường

27 “*Quảng Bình: Tour du lịch 'teo tóp' và hủy hàng loạt vì 'đại nạn' cá chết*”. Đăng trên Báo Tuổi trẻ. Đăng ngày 27 tháng 4 năm 2016. Truy cập ngày 02 tháng 02 năm 2017

28 “*Cá chết miền Trung: Doanh nghiệp du lịch ngồi trên đống lửa*”. Báo Vietnamnet đăng ngày 29 tháng 4 năm 2016, truy cập ngày 03 tháng 02 năm 2017

29 “*Vụ cá chết: Ảnh hưởng nghiêm trọng sản xuất và du lịch miền Trung*”. Báo Đại Kỷ Nguyên đăng 27 tháng 4 năm 2016. Truy cập ngày 03 tháng 02 năm 2017

30 “*Formosa Hà Tĩnh cúi đầu nhận lỗi, cam kết bồi thường 11.500 tỷ đồng*” Báo Nguoidothi ngày 30 tháng 6 năm 2016. Truy cập ngày 03 tháng 03 năm 2017

31 “*Quảng Bình thu gom hơn 100 tấn cá chết sau thảm họa "biển chết"*”. Báo Vietnamnet ngày 29 tháng 4 năm 2016. Truy cập ngày 03 tháng 03 năm 2017

hợp tại tỉnh Bắc Giang, khi Cục thuế tiến hành thanh tra 16 doanh nghiệp thì cả 16 đều vi phạm. Tỷ lệ này diễn ra tương tự tại Hòa Bình (16/16), Gia Lai (15/15)... Tại một số tỉnh, thành khác dù không đến 100% nhưng tỷ lệ này cũng rất lớn như Hà Nội thanh tra 332 doanh nghiệp thì phát hiện có 326 đơn vị vi phạm, số tiền giảm lỗ hơn 1.500 tỉ đồng, truy thu, phạt, truy hoàn gần 498 tỉ đồng. Thành phố Hồ Chí Minh thanh tra 193 doanh nghiệp FDI, có tới 164 doanh nghiệp vi phạm, giảm lỗ hơn 870 tỉ đồng và truy thu, phạt gần 173 tỉ đồng^[32].

Trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại: Trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, tình trạng pháp nhân là các doanh nghiệp đã kinh doanh trái phép, buôn lậu, gian lận thương mại,... cũng xảy ra khá phổ biến, gây thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng cho nền kinh tế, tác động xấu tới môi trường sản xuất kinh doanh. Tình trạng sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng lậu, hàng kém chất lượng của các công ty, doanh nghiệp đáng báo động. Phương thức thủ đoạn chủ yếu của các doanh nghiệp này thường là quay vòng hóa đơn chứng từ; mua bán hóa đơn để hợp thức hóa hàng nhập lậu, gian lận trong việc kê khai giá trên hóa đơn bán hàng để giảm thuế giá trị gia tăng. Theo số liệu thống kê của Chi cục Quản lý thị trường Thành phố Hồ Chí Minh chỉ trong 8 tháng năm 2014, qua kiểm tra đã phát hiện 846 doanh nghiệp, hộ kinh doanh buôn bán, tàng trữ hàng hóa nhập lậu, hàng không rõ nguồn gốc, xuất xứ. Ví dụ: Cơ quan An ninh điều tra, Bộ Công an đã tiến hành bắt khẩn cấp và khởi tố vụ án hình sự, khởi tố hai bị can Nguyễn Minh Hùng (Sinh năm 1978), Chủ tịch HĐQT Công ty Việt Nam Pharma và Vũ Mạnh Cường (SN 1978), đại diện cho một Công ty dược nước ngoài có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh về hành vi dùng giấy tờ giả mạo nhập lô thuốc chống ung thư H-Capita trị giá 750.000 USD vào Việt Nam kiếm lời^[33].

Lĩnh vực tài chính, ngân hàng: Do sức ép lợi nhuận, sức ép thành tích nên một số pháp nhân là ngân hàng đã nói lỏng điều kiện tín dụng, không tuân thủ nghiêm túc một số trình tự, thủ tục, quy định cho vay; không chuyển nhóm nợ theo quy chế; cho vay không có tài sản thế chấp hoặc tài sản thế chấp không đủ thủ tục pháp lý, thiếu sự kiểm tra năng lực tài chính của khách hàng, chỉ đạo định giá tài sản thế chấp cao hơn so với thực tế... làm thất thoát một lượng đặc biệt lớn tài sản, làm tăng nợ xấu, thậm chí để

³² Phụ lục: Báo cáo của Tổng Cục thuế về tình hình nợ đọng thuế năm 2013 – 2014, – Theo giải trình của Ban soạn thảo BLHS 2015

³³ Theo giải trình của Ban soạn thảo BLHS 2015

một số cá nhân chiếm đoạt hàng ngàn tỷ đồng, không chỉ gây thiệt hại lớn cho tài sản Nhà nước và công dân, mà còn tác động tiêu cực tới các chính sách phát triển kinh tế, xã hội trong thời gian dài. Một ví dụ điển hình là Công ty cho thuê tài chính 2 thuộc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn. Công ty đã có một loạt sai phạm về quản lý kinh tế như hạch toán sai các khoản thu, chi; không quản lý được tài sản cho thuê; không trích lập dự phòng đầu tư dài hạn theo quy định của pháp luật; chi phí dự phòng rủi ro thấp... dẫn đến tài chính của Công ty mất cân đối nghiêm trọng, lâm vào tình trạng phá sản; tổn thất lên tới 1.937 tỷ đồng tài sản của Nhà nước; số nợ xấu khó thu hồi rất lớn; số lỗ đã lớn gấp 10 lần vốn Điều lệ^[34].

Trong lĩnh vực bảo hiểm: Theo báo cáo của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, những năm gần đây, các hành vi vi phạm của các pháp nhân về bảo hiểm đang gia tăng với tính chất ngày càng phức tạp, hậu quả ngày càng nặng nề. Các hành vi vi phạm phổ biến của các pháp nhân là: vi phạm nghĩa vụ đóng bảo hiểm của người sử dụng lao động (đến 31/7/2014, có trên 50% doanh nghiệp trốn đóng bảo hiểm bằng các thủ đoạn khác nhau với số tiền trên 11 nghìn tỷ đồng); dùng thủ đoạn gian dối để thụ hưởng trái phép các chế độ bảo hiểm và vi phạm trong quản lý và thực hiện bảo hiểm. Tính từ năm 2007 đến hết năm 2013, số tiền mà các doanh nghiệp nói chung nợ bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT) tăng cao. Năm 2007 số nợ là 1.734 tỷ đồng, đến hết năm 2013 tổng số nợ BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) là trên 6,4 nghìn tỷ đồng (trong đó nợ BHXH bắt buộc là trên 4,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 4,34% tổng số phải thu); tính đến 31/7/2014, tổng số nợ BHXH, BHYT, BHTN đã trên 11 nghìn tỷ đồng, quyền lợi của rất nhiều lao động bị ảnh hưởng nghiêm trọng dẫn đến người lao động khiếu nại, tố cáo, thậm chí có nơi còn đình công ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội. Tình trạng trốn đóng BHXH, BHYT xảy ra ở hầu hết các địa phương với mức độ ngày càng nhiều, phổ biến nhất là ở các doanh nghiệp ngoài quốc doanh^[35].

Như vậy, có thể khẳng định tình hình vi phạm pháp luật của các pháp nhân là các doanh nghiệp diễn ra khá phổ biến, thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống kinh tế - xã hội, có xu thế tăng và với tính chất và mức độ ngày càng nghiêm trọng, gây

³⁴ Theo giải trình của Ban soạn thảo BLHS 2015

³⁵ Phụ lục : Báo cáo của Bảo hiểm xã hội Việt nam về thực trạng vi phạm pháp luật và đề xuất hình sự hóa hành vi trốn đóng bảo hiểm cho người lao động (tháng 10 năm 2014) – Theo giải trình của Ban soạn thảo BLHS 2015

hậu quả nghiêm trọng không chỉ là những thiệt hại về tài sản, mà còn đe dọa trực tiếp sự an toàn về tính mạng, sức khỏe và sự phát triển lành mạnh của giống nòi, ảnh hưởng đến trật tự quản lý kinh tế và trong nhiều trường hợp có thể dẫn đến tình trạng gây mất ổn định xã hội. Vì vậy, việc nhà nước quy định TNHSPN là điều hợp lý và cần thiết, góp phần không nhỏ trong công cuộc phòng, chống và đẩy lùi tội phạm, bảo vệ cuộc sống của người dân.

1.2.2. Những bất cập trong chính sách pháp luật

Theo quy định của pháp luật hiện hành, khi pháp nhân là các doanh nghiệp có hành vi vi phạm thì chỉ có thể áp dụng biện pháp xử phạt hành chính hoặc buộc pháp nhân phải bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm gây ra theo quy định của pháp luật dân sự.

1.2.2.1. Bất cập trong quy định xử phạt vi phạm hành chính

Theo quy định của điểm b khoản 1 Điều 5 Luật Xử lý vi phạm hành chính thì: *“Tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính về mọi vi phạm hành chính do mình gây ra”*. Đồng thời, theo giải thích tại khoản 1 Điều 2 của Luật này thì: *“Vi phạm hành chính là hành vi có lỗi do cá nhân, tổ chức thực hiện, vi phạm quy định của pháp luật về quản lý nhà nước mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính”*.

Về hình thức xử phạt: Theo khoản 1 Điều 21 Luật Xử lý vi phạm hành chính, tổ chức, pháp nhân vi phạm hành chính có thể bị áp dụng một trong các hình thức là cảnh cáo; phạt tiền; tước quyền sử dụng giấy phép, đình chỉ hoạt động có thời hạn; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính. Trong đó cảnh cáo, phạt tiền là biện pháp phạt chính; tước quyền sử dụng giấy phép, đình chỉ hoạt động có thời hạn; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có thể được áp dụng là biện pháp phạt chính hoặc là biện pháp xử phạt bổ sung.

Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt như đã nêu ở trên, pháp nhân vi phạm còn có thể áp dụng một hay nhiều biện pháp khác phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính là: buộc khôi phục tình trạng ban đầu; buộc tháo dỡ công trình, buộc áp dụng biện pháp khắc phục ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh; buộc đưa ra khỏi lãnh thổ hoặc tái xuất hàng hóa, vật phẩm, phương tiện; buộc tiêu hủy

hàng hóa, vật phẩm; buộc cải chính thông tin; buộc thu hồi sản phẩm; buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp. Cũng theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, mức phạt tiền đối với pháp nhân bằng 02 lần mức phạt đối với cá nhân và mức phạt tối đa là 2 tỷ đồng, trừ các trường hợp luật chuyên ngành quy định khác^[36].

Như vậy, Luật Xử lý vi phạm hành chính tuy đã được điều chỉnh theo hướng nâng mức phạt cao hơn so với trước kia, nhưng cũng không đủ sức răn đe doanh nghiệp, tổ chức vi phạm. Mức phạt tối đa theo điều điểm k khoản 1, khoản 2 Điều 24 Luật Xử lý vi phạm hành chính áp dụng đối với tổ chức đến 2 tỷ đồng chỉ trong một số lĩnh vực (quản lý các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; quản lý hạt nhân và chất phóng xạ, năng lượng nguyên tử; tiền tệ, kim loại quý, đá quý, ngân hàng, tín dụng; thăm dò, khai thác dầu khí và các loại khoáng sản khác; bảo vệ môi trường), trong khi đó hậu quả do hành vi vi phạm của pháp nhân gây ra trong nhiều trường hợp là đặc biệt nghiêm trọng. Với mức phạt như hiện hành thì đối với pháp nhân là các doanh nghiệp lớn hoàn toàn không đủ sức răn đe. Nhiều trường hợp pháp nhân sẽ chấp nhận nộp phạt để tiếp tục vi phạm.

Trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp xử lý vi phạm hành chính hiện nay đối với vi phạm của pháp nhân cũng gặp nhiều khó khăn nhất là việc xác minh hành vi vi phạm và mức độ thiệt hại do hành vi vi phạm của pháp nhân gây ra, do vậy, các cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính gặp rất nhiều khó khi áp dụng các biện pháp phạt hành chính hay các biện pháp xử lý hành chính khác.

Nếu so với thủ tục tư pháp hình sự (khi chúng ta coi pháp nhân là chủ thể của TNHS) thì rõ ràng, sự vào cuộc của một cơ quan điều tra chuyên trách, với một trình tự, thủ tục tố tụng tư pháp chặt chẽ, khách quan làm cho hoạt động thu thập chứng cứ, xác minh tội phạm và chứng minh thiệt hại gây ra sẽ thuận lợi hơn nhiều. Mặt khác, với tư cách là đối tượng bị xử phạt, vì xử lý theo thủ tục hành chính, nên pháp nhân có ít điều kiện hơn trong việc bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình như: không nhận được sự trợ giúp của người bào chữa, không được quyền xét xử theo hai cấp với một cơ quan tài phán độc lập, khách quan và công bằng.

1.2.2.2. Bất cập trong quy định về pháp luật dân sự

³⁶ Điều e khoản 1 Điều 3, Điều 23 Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012

Việc buộc pháp nhân khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự. Điều đó có nghĩa là để được bồi thường, người bị thiệt hại phải khởi kiện vụ án dân sự ra trước Tòa án có thẩm quyền để yêu cầu bồi thường thiệt hại mà pháp nhân gây ra cho mình theo quy định về bồi thường ngoài hợp đồng.

Một trong những nguyên tắc áp dụng biện pháp buộc bồi thường thiệt hại theo chế độ bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng đặt ra yêu cầu đối với người bị thiệt hại phải tự chứng minh mức độ thiệt hại. Trong khi đó, để chứng minh được mức độ thiệt hại, nhất là thiệt hại do hành vi gây ô nhiễm môi trường (như ô nhiễm đất, không khí, nguồn nước...) không phải là việc đơn giản và không phải lúc nào thiệt hại đó cũng biểu hiện ngay lập tức. Do vậy, nếu chỉ quy định trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong luật dân sự của pháp nhân vi phạm thì người dân khó có điều kiện để thực hiện quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại của mình.

Theo quy định hiện hành, đối với các pháp nhân là doanh nghiệp có hành vi vi phạm có thể bị xử lý thông qua khởi kiện vụ án dân sự, nhưng trên thực tế, do hành vi xảy ra trong một khoảng thời gian dài, với nhiều đối tượng bị hại khác nhau nên việc xác định ai là người khởi kiện gặp nhiều khó khăn. Mặt khác, theo quy định hiện hành thì việc khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại luôn đi kèm theo một mức án phí dân sự rất lớn nên, đã gây ra nhiều cản trở cho người dân trong việc đòi bồi thường thiệt hại. Như vậy, trước hành vi vi phạm của tổ chức, doanh nghiệp, người dân vừa bị thiệt hại lại vừa phải đi tự chứng minh thiệt hại trước khi đòi bồi thường. Trong khi đó, nếu coi pháp nhân là chủ thể của tội phạm thì việc chứng minh tội phạm và xác định mức độ thiệt hại do hành vi vi phạm của tổ chức, pháp nhân gây ra thuộc trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng với một quy trình tố tụng chặt chẽ, nhanh chóng, khách quan và công bằng. Do vậy, có thể nói, việc chưa quy định TNHS của pháp nhân trong BLHS là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng xử lý không dứt điểm trong vụ kiện dân sự đòi bồi thường thiệt hại đối với hành vi gây thiệt hại của pháp nhân thương mại.

Như vậy, theo quy định hiện hành, đồng thời với biện pháp xử lý hành chính, các pháp nhân phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại gây ra. Tuy nhiên, trên thực tế việc bồi thường thiệt hại hầu như ít khi được thực hiện. Bởi vì, thứ nhất, bản thân người bị thiệt hại do hành vi vi phạm của pháp nhân gây ra không đủ kiến thức pháp lý cũng

như nguồn lực tài chính để chứng minh tổn thất, thiệt hại của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhất là các vi phạm về môi trường, để khởi kiện yêu cầu pháp nhân bồi thường thiệt hại; thứ hai, trong nhiều trường hợp, số tiền tạm ứng án phí dân sự vượt quá khả năng của người khởi kiện; thứ ba, đa số các trường hợp thiệt hại do pháp nhân gây ra cho rất nhiều người và không phải cá nhân nào cũng muốn hoặc đủ khả năng khởi kiện, làm cho việc giải quyết vụ án bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng thiếu hiệu quả, thiếu triệt để, thiếu toàn diện và kéo dài... Ví dụ: Vụ xả thải của công ty Ve dan là một minh chứng cụ thể sinh động về những bất cập trong việc buộc Công ty này phải bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm xả thải cho những người bị gây thiệt hại. Nông dân Cần Giờ được hỗ trợ án phí nên khởi kiện vụ án dân sự; trong khi nông dân Đồng Nai vì không chứng minh được và khó khăn trong việc nộp án phí cho nên chỉ yêu cầu Vedan hỗ trợ một số tiền nhất định; Vụ Công ty Nicotex Thành Thái, nhân dân của năm xã bị ô nhiễm không được bồi thường vì không có căn cứ khởi kiện đòi bồi thường... Bên cạnh đó, trong lĩnh vực thi hành án cũng còn nhiều bất cập, vì việc thi hành Quyết định xử phạt hành chính như buộc khắc phục hậu quả... rất khó được thi hành trên thực tế với tính cưỡng chế thấp hơn so với việc thi hành bản án, quyết định tư pháp của Tòa án.

1.2.2.3. Bất cập trong các quy định pháp luật khác

Cho đến thời điểm trước ngày BLHS 2015 có hiệu lực trở lại, chính sách hình sự của nhà nước ta chỉ xử lý về hình sự đối với chủ thể phạm tội là các cá nhân. Tuy nhiên, khi Luật Doanh nghiệp 2014 có hiệu lực, chính sách này tỏ ra không phù hợp, vì hoạt động quản lý của các doanh nghiệp có thể được quyết định bởi cá nhân Giám đốc hoặc người điều hành doanh nghiệp, nhưng cũng không ít trường hợp các quyết định đưa ra, bao gồm cả những quyết định vi phạm trên cơ sở bàn bạc, biểu quyết tập thể^[37]. Về thực chất, đây là trường hợp lãnh đạo tập thể, quyết định tập thể và hưởng lợi tập thể. Trong những trường hợp này, vai trò của giám đốc điều hành chỉ là người chấp hành quyết định của tập thể. Vì vậy, nếu vẫn chỉ buộc một số cá nhân chịu TNHS; những người khác cũng biểu quyết, được hưởng lợi từ những quyết định tập thể ấy là thiếu công bằng.

Điều này càng thấy rõ đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoặc

³⁷ Ví dụ: Điều 60 Luật Doanh nghiệp 2014

các loại hình công ty cổ phần, khi mà phần lớn chủ sở hữu thực sự của doanh nghiệp, pháp nhân này lại không phải là người trực tiếp điều hành doanh nghiệp. Do đó, nếu cứ duy trì chính sách hình sự chỉ xử lý cá nhân người phạm tội như hiện nay, thì chúng ta mới chỉ xử lý đến cá nhân người trực tiếp điều hành doanh nghiệp mà chưa xử lý “*những ông chủ thật sự*” - người được hưởng lợi chính từ những hành vi vi phạm của doanh nghiệp.

Xét dưới khía cạnh khả năng bồi thường thiệt hại, việc chỉ xử lý TNHS đối với cá nhân sẽ dẫn đến việc pháp luật chỉ buộc cá nhân đó dùng tài sản của mình để bồi thường thiệt hại. Điều này hoàn toàn không phù hợp trong trường hợp giá trị thiệt hại rất lớn và đối tượng bị gây thiệt hại có thể lên đến hàng nghìn người.

1.2.3. Nội luật hóa để phù hợp với các cam kết quốc tế

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế diễn ra mạnh mẽ, Việt Nam đã trở thành thành viên của nhiều công ước quốc tế về phòng, chống tội phạm như: Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, Công ước chống tham nhũng, Công ước chống tài trợ khủng bố, 40 khuyến nghị của FATF về chống rửa tiền,... thì việc bảo đảm thực hiện các cam kết quốc tế trong đó có vấn đề về TNHS của pháp nhân, nhằm tăng cường hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm là hết sức cần thiết.

Việc quy định trách nhiệm pháp lý của pháp nhân (hành chính hoặc hình sự) để xử lý hành vi của pháp nhân tham gia vào các tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, tham nhũng, rửa tiền, buôn bán người, tài trợ khủng bố là nghĩa vụ quốc tế bắt buộc của nước ta với tư cách là quốc gia thành viên Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, Công ước chống tham nhũng, thành viên Nhóm Châu Á - Thái Bình Dương về phòng, chống rửa tiền (APG). Do tính chất nguy hiểm của các loại hành vi vi phạm này nên BLHS hiện hành đã xác định là tội phạm và phải bị xử lý hình sự. Tuy nhiên, trước đó, chúng ta mới xử lý hình sự đối với cá nhân, còn đối với pháp nhân tham gia thực hiện tội phạm, trong đó có tội phạm tham nhũng, rửa tiền, buôn bán người, tài trợ khủng bố... thì không bị xử phạt vi phạm hành chính cũng không bị truy cứu TNHS vì Luật Xử lý vi phạm hành chính không quy định xử phạt đối với những hành vi này mà BLHS cũ thì cũng chưa quy định về TNHS của pháp nhân. Điều này đã tạo ra khoảng trống trong việc xử lý vi phạm của pháp nhân ở nước ta, dẫn đến tình trạng cá nhân có hành vi tham nhũng, rửa tiền, buôn bán người, tài trợ khủng bố, ... thì bị xử lý hình sự,

còn nếu pháp nhân cũng thực hiện các hành vi phạm tội này, thậm chí là ở quy mô và mức độ nghiêm trọng hơn thì không có cơ sở pháp lý để xử lý, kể cả hình sự lẫn hành chính.

Theo số liệu thống kê, hiện có 119 nước trên thế giới đã quy định TNHS của pháp nhân. Trong Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á có 5/10 nước đã quy định chính thức và 2/10 nước (Lào và Brunei) đang trong quá trình xem xét^[38]. Từ số liệu này cho thấy, nếu ta không quy định TNHS của pháp nhân, thì khi doanh nghiệp Việt Nam ta ra nước ngoài có thể bị xử lý hình sự (nặng hơn nhiều so với xử phạt hành chính), còn doanh nghiệp nước ngoài đầu tư tại Việt Nam, vi phạm pháp luật Việt Nam lại chỉ có thể bị phạt cao nhất 2 tỷ đồng^[39]. Hiện nay, xu thế các nước tham gia các công ước quốc tế ngày càng ra tăng và tất yếu. Việc cụ thể hóa các quy định để truy cứu TNHS của pháp nhân không những là để đáp ứng nhu cầu trong nước như phân tích ở trên mà còn để nội luật hóa nhằm thực hiện tốt các cam kết quốc tế, chung tay phòng chống tội phạm xuyên quốc gia, chung tay xây dựng một thế giới tốt hơn.

Tóm lại, thực tiễn thời gian qua cho thấy, tình hình vi phạm của các tổ chức cơ bản là pháp nhân thương mại diễn ra khá phổ biến và nhiều trường hợp gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, nhất là trong lĩnh vực kinh tế, môi trường. Trong khi đó, cơ chế xử lý hành chính, dân sự hiện hành tỏ ra không hiệu quả, tính răn đe phòng ngừa của các chế tài xử lý này không cao, hậu quả pháp lý của việc xử lý này đối với doanh nghiệp vi phạm chưa có sức nặng đủ để phòng ngừa tái phạm nên chưa đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống hành vi vi phạm của các công ty, doanh nghiệp. Thêm vào đó là yêu cầu hội nhập quốc tế. Điều này lại khẳng định thêm lần nữa rằng chúng ta đưa TNHS của PNTM là hợp lý, chúng ta phải có biện pháp xử lý mạnh mẽ, nghiêm khắc để bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật và truy xét đến cùng trách nhiệm của công ty, doanh nghiệp đối với hành vi vi phạm nguy hiểm mang tính chất tội phạm mà một trong những biện pháp đó chính là xử lý hình sự đối với các công ty, doanh nghiệp vi phạm.

³⁸ Theo giải trình của Ban soạn thảo BLHS 2015

³⁹ Khoản 1 Điều 23 Luật xử lý phi phạm hành chính 2012

CHƯƠNG 2. QUY ĐỊNH VỀ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ CỦA PHÁP NHÂN THƯƠNG MẠI TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ 2015

2.1. Các quy định chung về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại

2.1.1. Nguyên tắc xử lý pháp nhân thương mại phạm tội

“BLHS có nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền quốc gia, an ninh của đất nước, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, quyền con người, quyền công dân, bảo vệ quyền bình đẳng giữa đồng bào các dân tộc, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, tổ chức, bảo vệ trật tự pháp luật, chống mọi hành vi phạm tội; giáo dục mọi người có ý thức tuân theo pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm” (Điều 1 BLHS 2015). Xuất phát từ mục đích đó, quy định về tội phạm và hình phạt trong BLHS 2015 thể rõ 4 yêu cầu: xử lý tội phạm phải đúng pháp luật; xử lý tội phạm phải đảm bảo nguyên tắc bình đẳng không phân biệt đối xử; xử lý tội phạm phải thể hiện tính trừng trị đối với các đối tượng phạm tội; xử lý tội phạm phải thể hiện tính giáo dục và tính nhân đạo. Bốn yêu cầu trên được thể hiện rõ thông qua các điều luật trong BLHS, nguyên tắc xử lý đối với pháp nhân thương mại phạm tội cũng cụ thể hóa bốn yếu tố bằng các điều khoản cụ thể như sau:

Thứ nhất, mọi hành vi phạm tội do pháp nhân thương mại thực hiện phải được phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh theo đúng pháp luật. Việc “mượn” danh nghĩa của pháp nhân để thực hiện những hành vi phạm tội diễn ra ngày càng nhiều, phương thức phạm tội của pháp nhân được thực hiện một cách tinh vi và xảo quyệt hơn dẫn đến nhiều hậu quả xấu cho xã hội xuất hiện. Hành vi phạm tội của pháp nhân dù thực hiện một cách cố ý hay vô ý đều là những hành vi nguy hiểm và bị xã hội phán ứng gay gắt dẫn tới pháp luật phải có biện pháp xử lý cụ thể. Chính vì vậy, hành vi phạm tội nhằm mục đích mang lại lợi ích cho pháp nhân thương mại bị pháp luật hình sự quy định là tội phạm và bị thực hiện biện pháp xử lý hình sự khi phát hiện. Pháp luật phải nhanh chóng phát hiện và xử lý đối với các hành vi phạm tội của pháp nhân thương mại. Mặt khác, thời gian phát hiện và quá trình xử lý hành vi phạm tội của pháp nhân thương mại được diễn ra nhanh chóng nhưng vẫn phải đảm bảo yếu tố công bằng và đúng pháp luật trong suốt quá trình xử lý hành vi phạm tội. Điều này, một phần hạn chế các hậu quả bất lợi có thể xảy ra tác động xấu đến xã hội, một phần răn đe và giáo dục bộ phận những pháp nhân thương mại đang có hoặc đã thực hiện hành vi phạm tội.

Thứ hai, mọi pháp nhân thương mại phạm tội đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt hình thức sở hữu và thành phần kinh tế. Pháp nhân thương mại có thể là doanh nghiệp hoặc tổ chức kinh tế khác. Trong mọi hoạt động kinh doanh hằng ngày, pháp nhân phải chịu trách nhiệm bằng tài sản độc lập. Mỗi pháp nhân thương mại có hình thức sở hữu và nguồn gốc tài sản khác nhau. Phương thức và lĩnh vực hoạt động của pháp nhân thương mại rất đa dạng như thuế, kinh doanh, thương mại, tài chính, ngân hàng và bảo hiểm. Tuy nhiên, trước pháp luật hình sự mọi pháp nhân thương mại đều được đối xử như nhau. Nghĩa là, hình thức sở hữu và thành phần kinh tế của pháp nhân thương mại có thể khác nhau, nhưng nếu hai pháp nhân thương mại cùng thực hiện một hành vi phạm tội thì đều bị pháp luật truy cứu và xử lý nghiêm trị như nhau. Trên thực tế, trong quá trình xử lý tội phạm, pháp luật còn dựa vào tình các tình tiết tăng nặng hay tình tiết giảm nhẹ mà cân nhắc về việc quyết định khung hình phạt đối với hành vi phạm tội. Vì vậy, vẫn sẽ xảy ra trường hợp hai pháp nhân cùng thực hiện một hành vi phạm tội như nhau nhưng lại có khung hình phạt khác nhau.

Thứ ba, nghiêm trị pháp nhân thương mại phạm tội dùng thủ đoạn tinh vi, có tính chất chuyên nghiệp, cố ý gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng. Thông thường, mọi hành vi phạm tội đều gây ra những hậu quả bất lợi nhất định cho xã hội. Một hành vi phạm tội dù ít hay cũng ảnh hưởng đến các quan hệ xã hội và lợi ích chính đáng của các cá nhân, tổ chức mà Nhà nước bảo vệ. Tuy nhiên, các hành vi phạm tội diễn ra ngày càng nhiều như “buôn lậu, buôn bán hàng cấm, gian lận thương mại, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng, cố ý trái các quy định quản lý kinh tế, quảng cáo gian dối, làm hàng giả, buôn bán hàng giả, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, sở hữu công nghiệp, tẩy rửa tiền, tội phạm trong lĩnh vực thị trường chứng khoán hoặc có những hành vi phạm tội khác liên quan tới lĩnh vực tài chính – ngân hàng, tham nhũng...”^[40]. Có những hành vi phạm tội được pháp nhân bỏ thời gian ra để xây dựng kế hoạch kỹ lưỡng nhằm thực hiện thành công việc phạm tội. Hành vi phạm tội có tính toán chuẩn bị từ trước và thực hiện bằng nhiều thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt để đạt được mục đích được xem là hành vi có mức độ đặc biệt nghiêm trọng. Hậu quả sau khi thực hiện hành vi phạm tội sẽ lớn hơn nhiều so việc thực hiện một hành vi phạm tội thông thường. Trong trường hợp này, pháp luật cần nghiêm trị và xử lý nghiêm minh đối với các hành

⁴⁰ TS. Trịnh Quốc Toàn, “*Vấn đề trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay*” trong tọa đàm ngày 21 tháng 11 năm 2012, Dự án JICA

vi phạm tội dùng thủ đoạn tinh vi, có tính chất chuyên nghiệp, cố ý gây ra hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

Thứ tư, khoan hồng đối với pháp nhân thương mại tích cực hợp tác với cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, tự nguyện sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại gây ra, chủ động ngăn chặn hoặc khắc phục hậu quả xảy ra. Pháp luật xây dựng để trừng trị và răn đe đối với những hành vi vi phạm pháp luật. Các quy định pháp luật luôn thể hiện sự nghiêm minh đối với đối tượng phạm tội. Bên cạnh đó, nhằm tạo điều kiện để các đối tượng phạm tội đặc biệt là pháp nhân thương mại phạm tội có cơ hội giảm khung hình phạt, pháp luật ghi nhận sự phối hợp trong công tác điều tra tố tụng, hành vi chủ động ngăn chặn hoặc khắc phục hậu quả xảy ra của các pháp nhân phạm tội. Dựa trên thái độ thành khẩn khai báo, các tình tiết giảm nhẹ trong BLHS mà sẽ đưa ra quyết định cuối cùng về khung hình phạt phù hợp với hành vi phạm tội của pháp nhân. Điều này cho thấy, pháp luật cũng có tính mềm dẻo và linh hoạt trong quá trình xử lý tội phạm. Trong mọi trường hợp, pháp luật luôn tạo điều kiện để pháp nhân thương mại có đầy đủ các quyền hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2.1.2. Điều kiện chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại

Pháp luật hình sự của một số nước trên thế giới thừa nhận việc pháp nhân hoàn toàn có khả năng thực hiện hành vi phạm tội thông qua các hoạt động, ý chí và quyết định của ban lãnh đạo hoặc người lãnh đạo pháp nhân. Đại diện pháp nhân (ban lãnh đạo hoặc người đại diện của pháp nhân) thông qua các hành vi phạm tội nhằm mang lại lợi ích cho pháp nhân. Tuy nhiên, không phải mọi hành vi vi phạm của pháp nhân đều bị truy cứu TNHS. Trong thực tế, nhiều hành vi phạm tội được thực hiện bởi cơ quan hoặc người đại diện của pháp nhân nhưng vì mục đích khác, trường hợp này pháp nhân không được xem là đối tượng chịu TNHS đối với hành vi phạm tội của cơ quan hoặc người đại diện của pháp nhân. Pháp luật các nước quy định rõ ràng về điều kiện áp dụng TNHS đối với pháp nhân.

BLHS Cộng hòa Pháp năm 1992 quy định, pháp nhân cũng phải chịu TNHS tương tự như cá nhân đối với các hành vi phạm tội. Tuy nhiên, pháp nhân là chủ thể đặc biệt không trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, nên BLHS Cộng hòa Pháp quy định pháp nhân chỉ bị truy cứu TNHS khi có 2 điều kiện: Thứ nhất, tội phạm được thực hiện bởi cơ quan hoặc người đại diện của pháp nhân. Cơ quan hoặc người đại diện hợp pháp

của pháp nhân là chủ thể mà thông qua đó pháp nhân thể hiện ý chí, quyết định và hành động của mình. Có thể hiểu, pháp nhân chỉ bị truy cứu khi cơ quan hoặc người đại diện có hành vi phạm tội trên danh nghĩa pháp nhân. Hành vi phạm tội của pháp nhân có thể xuất phát từ lỗi vô ý (lỗi gián tiếp gây nên thiệt hại và không mang lại lợi ích trực tiếp cho pháp nhân) hoặc lỗi cố ý (lỗi dựa trên hành vi nhằm mang lại lợi ích trực tiếp cho pháp nhân) của cơ quan hoặc người đại diện của pháp nhân phạm tội; Thứ hai, tội phạm được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân. Pháp nhân chỉ phải chịu TNHS về các tội do cơ quan hoặc người đại diện pháp nhân thực hiện vì lợi ích của pháp nhân (là các hành vi thực hiện trong khi thi hành những công việc nhân danh pháp nhân và chịu sự giám sát, quản lý của pháp nhân). Khi pháp nhân bị truy cứu TNHS thì cơ quan hoặc người đại diện của pháp nhân thực hiện hành vi phạm tội đó cũng bị truy cứu TNHS đối với hành vi phạm tội, việc truy cứu TNHS của các đối tượng là độc lập và riêng^[41].

Dựa trên quy định về điều kiện để pháp nhân chịu TNHS của các nước trên thế giới, các đặc điểm về tình hình phạm tội của pháp nhân thương mại ở Việt Nam, BLHS 2015 quy định các điều kiện để một pháp nhân thương mại chịu TNHS trước pháp luật. Theo đó, “pháp nhân thương mại là pháp nhân có mục tiêu chính là tìm kiếm lợi nhuận và lợi nhuận được chia cho các thành viên” (khoản 1 Điều 75 BLDS 2015), và pháp nhân thương mại không thể trực tiếp thực hiện các hành vi phạm tội như chủ thể cá nhân chịu TNHS thông thường, nên pháp nhân thương mại chỉ chịu TNHS khi có đủ 4 điều kiện được quy định tại khoản 1 Điều 75 BLHS 2015. Mặc khác, những điều kiện để pháp nhân thương mại chịu TNHS có tính độc lập và tách biệt nhau. Cụ thể:

Điều kiện đầu tiên: hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh pháp nhân thương mại. Dựa trên các khái niệm về pháp nhân (Điều 74 BLDS 2015 và Điều 84 BLDS 2005) và pháp nhân thương mại (Điều 75 BLDS 2015), ý kiến và hành vi của pháp nhân thương mại độc lập với ý kiến và hành vi của cá nhân trong pháp nhân thương mại. Nhiều hành vi phạm tội do cá nhân trong pháp nhân thương mại thực hiện nhưng nhân danh cá nhân và không có ảnh hưởng đến pháp nhân thương mại, trong trường hợp này pháp luật không được quyền truy cứu TNHS đối với pháp nhân. Pháp nhân thương mại chỉ bị truy cứu TNHS đối với những hành vi phạm tội được thực hiện trong quá trình pháp nhân đó hoạt động, và hành vi đó thực hiện nhân danh pháp nhân thương mại.

⁴¹ Phần 2 Điều kiện áp dụng TNHS đối với pháp nhân, trang 72 Tạp chí Luật học số 8/2007

Điều kiện thứ hai: hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân thương mại. Mục tiêu thành lập ban đầu của pháp nhân thương mại là hoạt động vì mục đích lợi nhuận. Đây cũng là đặc điểm cơ bản để phân biệt pháp nhân thương mại với pháp nhân phi thương mại (pháp nhân phi thương mại không hoạt động vì mục đích lợi nhuận). Vì thế, pháp nhân thương mại chỉ phải chịu TNHS về những hành vi phạm tội mà pháp nhân là chủ thể hưởng lợi từ hành vi đó. Những lợi ích này thông thường là tài sản, tiền bạc, cũng có thể là những dạng lợi ích vật chất khác^[42]. Trong trường hợp, tổ chức hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân thương mại thực hiện những hành vi phạm tội nhưng vì lợi ích khác, pháp nhân thương mại không phải chịu TNHS theo quy định của pháp luật.

Điều kiện thứ ba: hành vi phạm tội được thực hiện có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân thương mại. Như đã trình bày, pháp nhân là chủ thể không trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội mà phải thông qua hành vi phạm tội của tổ chức hoặc người đại diện pháp nhân thực hiện. Thông thường, pháp nhân thể hiện ý chí, sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của cơ quan hoặc người đại diện hợp pháp điều hành, giải quyết những công việc trong phạm vi cụ thể phù hợp với tình hình hoạt động của pháp nhân và quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành (như Luật Doanh Nghiệp). Cơ quan hoặc người đại diện hợp pháp được pháp nhân ủy quyền thực hiện các hoạt động của pháp nhân trong phạm vi công việc của mình hoặc ngoài phạm vi công việc nhưng đã được pháp nhân biết và chấp thuận cho hoạt động đó thực hiện. Do đó, việc truy cứu TNHS của pháp nhân chính là truy cứu các hành vi phạm tội của cơ quan hoặc tổ chức pháp nhân đó thực hiện vì lợi ích của pháp nhân.

Điều kiện thứ tư: chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27 của BLHS 2015. Để đảm bảo mọi pháp nhân thương mại phạm tội đều được bình đẳng trước pháp luật, các hành vi phạm tội đều được xử lý nghiêm minh và công bằng. Thời hiệu truy cứu TNHS đối với pháp nhân thương mại là thời hạn do BLHS quy định, mà khi hết thời hạn đó thì pháp nhân thương mại không bị truy cứu TNHS. Đối với thời hiệu truy cứu TNHS mà chủ thể phạm tội là pháp nhân thương mại, pháp luật hình sự cũng quy định áp dụng tương tự như thời hiệu truy cứu TNHS đối với cá nhân phạm tội. Tại khoản 2, khoản 3 Điều 27 BLHS 2015 có quy định thời hiệu truy

⁴² Sách “Nhà nước và Pháp luật” của Viện Hàn Lâm Khoa học XHVN, xuất bản tháng 5/2016, trang 14

Trang 41

cứu TNHS: 05 năm đối với tội ít nghiêm trọng; 10 năm đối với tội nghiêm trọng; 15 năm đối với tội rất nghiêm trọng và 20 năm đối với tội đặc biệt nghiêm trọng. Trong trường hợp, pháp nhân thương mại phạm tội mới và có khung hình phạt cao hơn thì thời hiệu sẽ được tính lại kể từ ngày phạm tội mới đó. Vì vậy, nếu truy cứu TNHS đối với pháp nhân thương mại, bắt buộc phải đảm bảo thời hiệu truy cứu TNHS đối với tội danh đó của pháp nhân thương mại vẫn còn. Nếu hết thời hiệu truy cứu TNHS, cơ quan có thẩm quyền tố tụng không đủ điều kiện để truy cứu TNHS đối với pháp nhân thương mại.

Khoản 2 Điều 75 BLHS 2015 một lần nữa nhấn mạnh việc TNHS của pháp nhân thương mại và TNHS của cá nhân trong pháp nhân là hai phạm trù khác nhau. Theo đó, “việc pháp nhân thương mại chịu TNHS không loại trừ TNHS của cá nhân” tức là, khi có hành vi phạm tội của pháp nhân thương mại thỏa mãn tất cả các điều kiện tại khoản 1 Điều 75 thì bên cạnh pháp nhân thương mại thì cá nhân hoặc tổ chức thực hiện hành vi phạm tội đó cũng bị truy cứu TNHS.

BLHS 2015 đã quy định cụ thể điều kiện chịu TNHS của pháp nhân thương mại. Tuy nhiên, nếu để quy định này áp dụng được trong thực tế các nhà làm luật cần xem xét một số vướng mắc có thể gặp như sau:

Thứ nhất, về vấn đề chứng minh: pháp nhân thương mại chỉ phải chịu TNHS khi có đủ 4 điều kiện trên. Tức là, pháp nhân thương mại chỉ phải chịu TNHS trước pháp luật, nếu cơ quan có thẩm quyền chứng minh được pháp nhân thương mại đó có đủ 4 điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 75 BLHS 2015. Tuy nhiên, thực tế việc chứng minh những điều kiện này là rất khó khăn. Mặc khác, nếu pháp nhân thương mại chỉ có đủ 3 trong 4 điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 75 BLHS 2015 thì sẽ không bị truy cứu TNHS, mặc dù hậu quả do hành vi vi phạm của pháp nhân thương mại là rất lớn.

Thứ hai, tính độc lập của các điều kiện: việc quy định rõ ràng các điều kiện nhìn vào tướng chừng rất hợp lý. Tuy nhiên, đối với điều kiện 1 và điều kiện 3 thì không thể đứng độc lập với nhau. Bởi, “một hành vi đã được coi là nhân danh pháp nhân thương mại thì không thể có trường hợp hành vi đó không có sự chỉ đạo, điều hành, chấp thuận của pháp nhân thương mại. Ngược lại, hành vi đã được thực hiện có sự chỉ đạo, điều

hành, chấp thuận của pháp nhân thương mại thì không thể có trường hợp không nhân danh pháp nhân thương mại”^[43].

Thứ ba, hành vi hoạt động vì lợi ích của pháp nhân thương mại được hiểu như thế nào? Trong nhiều trường hợp, việc xác định hành vi vi phạm của cá nhân có xuất phát từ lợi ích của pháp nhân thương mại hay không là một vấn đề khó khăn. Ví dụ, trong thời gian thực hiện công việc dịch vụ do pháp nhân thương mại giao, người lao động vô ý làm chết người hoặc vô ý gây thương tích cho người khác. Tuy nhiên, lỗi chính là do pháp nhân thương mại chưa thực hiện tốt công tác đào tạo tay nghề cho người lao động. Mặc dù, hành vi phạm tội này không đem lại lợi ích thực trực tiếp nào cho pháp nhân thương mại, thế nhưng đây là hành vi đã được pháp nhân thương mại chỉ đạo và cho phép thực hiện. Trong trường hợp đó, hành vi phạm tội gián tiếp trong quá trình làm việc đem lại lợi ích cho pháp nhân thương mại, có được xem là hành vi hoạt động vì lợi ích của pháp nhân thương mại hay không? Phần này sẽ được nhóm nghiên cứu phân tích và đưa ra các kiến nghị nhằm hoàn thiện tại Chương 3.

2.1.3. Hình phạt và các biện pháp tư pháp đối với pháp nhân thương mại phạm tội

Nghiên cứu cho thấy trên thế giới, các chế tài hình sự áp dụng đối với các pháp nhân phạm tội ở các nước thuộc hệ thống khác nhau cũng có sự khác nhau. Đối với các nước theo hệ thống luật Common law thì chế tài hình sự áp dụng đối với các pháp nhân phạm tội chỉ duy nhất là hình phạt tiền. Tuy nhiên, mức phạt tiền tối đa đối với từng loại tội phạm được quy định trong luật hình sự của mỗi nước không giống nhau. Ví dụ, ở Hoa Kỳ, các mức phạt tiền được áp dụng cho tổ chức bị buộc tội là: đối với tội nghiêm trọng hoặc tội ít nghiêm trọng dẫn đến chết người phạt không quá 500.000 USD; đối với bất kỳ một tội ít nghiêm trọng nào khác phạt không quá 100.000 USD; đối với tội vi cảnh phạt không quá 10.000 USD. Theo Bộ luật hình sự đã được sửa đổi của Canada năm 2003, đối với các tội được xét xử theo thủ tục rút ngắn thì mức phạt tiền cao nhất là đến 100.000 USD. Đối với các tội phạm nghiêm trọng, Bộ luật không quy định mức phạt tiền mà do tòa án quyết định đối với từng trường hợp phạm tội cụ thể. Hoặc theo

⁴³ Nguyễn Ngọc Hòa, *Trách nhiệm hình sự của chủ thể là tổ chức và vấn đề sửa đổi BLHS Việt Nam*, Tạp chí Luật học (ĐH Luật Hà Nội), số 12/2014, tr. 9-16.

Luật chống hối lộ của Anh được ban hành tháng 4 năm 2010 thì mức phạt tiền đối với pháp nhân phạm tội đưa hối lộ cho quan chức nước ngoài là không giới hạn.^[44]

Đối với các nước theo hệ thống luật châu Âu lục địa thì chế tài áp dụng cho các pháp nhân phạm tội là rất đa dạng. Nhìn chung, có thể chia thành bốn nhóm tùy thuộc vào đối tượng áp dụng: các hình phạt gây hại cho thanh danh của pháp nhân phạm tội, các hình phạt về tài sản, các hình phạt hạn chế các hoạt động của pháp nhân phạm tội, các hình phạt nhằm vào sự tồn tại của pháp nhân phạm tội. Trong khi BLHS của Thụy Sĩ chỉ quy định hình phạt tiền là hình phạt duy nhất được áp dụng đối với pháp nhân thì BLHS của Pháp, Bỉ và Hà Lan lại quy định một hệ thống hình phạt áp dụng đối với pháp nhân phạm tội. Ví dụ như Điều 7bis mới của BLHS vương quốc Bỉ quy định các hình phạt áp dụng cho pháp nhân phạm tội như sau: phạt tiền, tịch thu tài sản của pháp nhân, giải thể pháp nhân, cấm tiến hành hoạt động nhất định, đóng cửa pháp nhân, niêm yết quyết định đã được tòa án tuyên hoặc thông báo quyết định đó trên các phương tiện nghe nhìn. Hay theo luật hình sự Indonesia, ngoài hình phạt chính là phạt tiền, pháp nhân phạm tội còn bị áp dụng các biện pháp sau đây: Tịch thu lợi nhuận phát sinh từ hành vi vi phạm, buộc đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh, bồi thường các thiệt hại gây ra bởi hành vi phạm tội, buộc thực hiện nghĩa vụ luật định, phá hủy các thiết bị vi phạm, đặt hoạt động kinh doanh dưới sự giám sát hành chính trong thời hạn 3 năm. Hoặc ngoài phạt tiền là hình phạt chính, doanh nghiệp có hành vi vi phạm còn bị buộc: tịch thu hàng hóa, công bố phán quyết của thẩm phán, thanh toán tiền bồi thường, chấm dứt hành vi gây hại cho người tiêu dùng, thu hồi sản phẩm đang lưu thông, rút giấy phép kinh doanh^[45].

Ở Việt Nam theo BLHS 2015, “Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước được quy định trong BLHS, do Tòa án quyết định áp dụng đối với người hoặc pháp nhân thương mại phạm tội nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người, pháp nhân thương mại đó”. Cụ thể như sau:

⁴⁴ Cao Thị Oanh, “Nghiên cứu so sánh cơ sở lý luận và thực tiễn của việc áp dụng trách nhiệm hình sự đối với tổ chức”, Báo cáo tổng thuật công trình nghiên cứu khoa học cấp bộ, Viện Khoa học pháp lý, Hà Nội, 2011.

⁴⁵ Cao Thị Oanh, “Nghiên cứu so sánh cơ sở lý luận và thực tiễn của việc áp dụng trách nhiệm hình sự đối với tổ chức”, Báo cáo tổng thuật công trình nghiên cứu khoa học cấp bộ, Viện Khoa học pháp lý, Hà Nội, 2011.

2.1.3.1. Hình phạt chính

Khoản 1 Điều 33 BLHS 2015 quy định 03 hình phạt chính áp dụng đối với pháp nhân thương mại phạm tội

Phạt tiền (Điều 77): là hình phạt chính hoặc hình phạt bổ sung đối với pháp nhân thương mại phạm tội. Mức tiền phạt được quyết định căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm và có xét đến tình hình tài chính của pháp nhân thương mại phạm tội, sự biến động của giá cả nhưng không được thấp hơn 50.000.000 đồng. Đình chỉ hoạt động có thời hạn (Điều 78): là tạm dừng hoạt động của pháp nhân thương mại trong một hoặc một số lĩnh vực mà pháp nhân thương mại phạm tội gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe con người, môi trường hoặc an ninh, trật tự, an toàn xã hội và hậu quả gây ra có khả năng khắc phục trên thực tế. Thời hạn đình chỉ hoạt động từ 06 tháng đến 03 năm. Đình chỉ hoạt động vĩnh viễn (Điều 79): là chấm dứt hoạt động của pháp nhân thương mại trong một hoặc một số lĩnh vực mà pháp nhân thương mại phạm tội gây thiệt hại hoặc có khả năng thực tế gây thiệt hại đến tính mạng của nhiều người, gây sự cố môi trường hoặc gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và không có khả năng khắc phục hậu quả gây ra. Pháp nhân thương mại được thành lập chỉ để thực hiện tội phạm thì bị đình chỉ vĩnh viễn toàn bộ hoạt động.

2.1.3.2. Hình phạt bổ sung

Khoản 2 Điều 33 BLHS 2015 quy định 03 hình phạt bổ sung áp dụng đối với pháp nhân thương mại phạm tội

Cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định (Điều 80): được áp dụng khi xét thấy nếu để pháp nhân thương mại bị kết án tiếp tục kinh doanh hoặc hoạt động trong lĩnh vực đó, thì có thể gây nguy hại cho tính mạng, sức khỏe của con người hoặc cho xã hội. Thời hạn cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định là từ 01 năm đến 03 năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Cấm huy động vốn (Điều 81): được áp dụng khi xét thấy nếu để pháp nhân thương mại bị kết án huy động vốn thì có nguy cơ tiếp tục phạm tội. Các hình thức cấm huy động vốn bao gồm: Cấm vay vốn ngân hàng, tổ chức tín dụng hoặc các quỹ đầu tư; Cấm phát hành, chào bán chứng khoán; Cấm huy động vốn khách hàng; Cấm liên doanh, liên kết trong và ngoài nước; Cấm hình thành quỹ tín thác bất động sản. Tòa án quyết

định áp dụng một hoặc một số hình thức cấm huy động vốn quy định tại khoản 2 Điều 81 BLHS 2015. Thời hạn cấm huy động vốn là từ 01 năm đến 03 năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2.1.3.3. Các biện pháp tư pháp áp dụng đối với pháp nhân thương mại phạm tội

Các biện pháp tư pháp là những biện pháp cưỡng chế của nhà nước được quy định trong BLHS, do cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng đối với pháp nhân thương mại phạm tội hoặc pháp nhân thương mại thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, nhằm hỗ trợ và ngăn ngừa các hậu quả nghiêm trọng do hành vi vi phạm gây ra. Dựa trên các Điều 46, 47, 48, 82 BLHS năm 2015 có 04 biện pháp tư pháp Tòa án có thể áp dụng đối với pháp nhân thương mại phạm tội:

Thứ nhất: tịch thu tang vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm. Việc tịch thu sung vào ngân sách nhà nước hoặc tịch thu tiêu hủy được áp dụng với: công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội; Vật hoặc tiền do phạm tội hoặc do mua bán, đổi chác những thứ ấy mà có; Khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội; Vật thuộc Nhà nước cấm lưu hành. Đối với vật, tiền bị pháp nhân thương mại phạm tội chiếm đoạt hoặc sử dụng trái phép, thì không tịch thu mà phải trả lại cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp. Vật, tiền là tài sản của người khác hoặc pháp nhân khác, nếu người này hoặc pháp nhân này có lỗi trong việc để cho pháp nhân thương mại phạm tội sử dụng vào việc thực hiện tội phạm, thì có thể bị tịch thu.

Thứ hai là trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi. Pháp nhân thương mại phạm tội phải trả lại tài sản đã chiếm đoạt cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp, phải sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại vật chất đã được xác định do hành vi phạm tội gây ra. Trong trường hợp phạm tội gây thiệt hại về tinh thần, Tòa án buộc pháp nhân thương mại phạm tội phải bồi thường về vật chất, công khai xin lỗi đối tượng bị hại.

Thứ ba là khôi phục lại tình trạng ban đầu, Tòa án dựa trên hậu quả sự thay đổi do hành vi phạm tội của pháp nhân gây ra để quyết định biện pháp tư pháp này.

Thứ tư là thực hiện một số biện pháp nhằm khắc phục, ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra. Căn cứ vào từng trường hợp phạm tội Tòa án quyết định buộc pháp nhân

thương mại thực hiện một hoặc một số biện pháp nhằm khắc phục, ngăn chặn hậu quả của tội phạm: buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép; buộc khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh; buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tái xuất hàng hóa, vật phẩm, phương tiện được đưa vào lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nhập khẩu trái với quy định của pháp luật hoặc được tạm nhập, tái xuất nhưng không tái xuất theo đúng quy định của pháp luật; hàng hóa nhập khẩu, quá cảnh xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng hóa giả mạo quyền sở hữu trí tuệ, phương tiện, nguyên liệu, vật liệu nhập khẩu được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ sau khi đã loại bỏ yếu tố vi phạm; buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại hoặc tang vật khác thuộc đối tượng bị tiêu hủy theo quy định của pháp luật; buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hóa, bao bì hàng hóa, phương tiện kinh doanh, vật phẩm; buộc thu hồi sản phẩm, hàng hóa vi phạm đang lưu thông trên thị trường.

2.1.4. Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với PNTM phạm tội

Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội và bị pháp luật xử lý hình sự khi có hành vi phạm tội thực hiện. Để một hành vi được xem là phạm tội, hành vi đó phải thể hiện đủ các dấu hiệu cấu thành tội phạm, cơ quan tiến hành tố tụng dựa trên các dấu hiệu cụ thể để xác định hành vi phạm tội thuộc loại tội gì và định tội danh cho đúng với chủ thể phạm tội. Tuy nhiên, tội phạm được thực hiện bởi những chủ thể khác nhau với những tình tiết, diễn biến và cách thức không giống nhau. Điều này dẫn đến tính chất, mức độ phạm tội của mỗi loại tội phạm và mỗi chủ thể phạm tội cũng có sự khác nhau. Do đó khi quyết định hình phạt, Tòa án căn cứ vào từng tội phạm, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội khi hành vi phạm tội thực hiện, nhân thân và việc chấp hành pháp luật trước đó của chủ thể phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS áp dụng đối với chủ thể phạm tội đó.

Việc cân nhắc các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS là một trong những căn cứ để Tòa án quyết định hình phạt. Theo đó có thể hiểu, tình tiết tăng nặng TNHS là các tình tiết quy định trong BLHS với tính chất làm tăng nặng TNHS của chủ thể phạm tội, tình tiết giảm nhẹ TNHS là các tình tiết quy định trong BLHS với tính chất làm giảm

nhẹ TNHS của chủ thể phạm tội. BLHS 2015 quy định pháp nhân thương mại phạm một tội đã được quy định trong Điều 76 của Bộ luật này đều chịu TNHS. Quyết định hình phạt đối với pháp nhân thương mại, Tòa án căn cứ vào quy định của tội phạm trong BLHS, dựa trên tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, việc chấp hành pháp luật của pháp nhân thương mại và các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS áp dụng đối với pháp nhân thương mại. Điều 84, 85 BLHS quy định các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS của pháp nhân thương mại. Các tình tiết đã được quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung thì không được xem là tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trong khi quyết định hình phạt.

2.1.4.1. Tình tiết tăng nặng TNHS

Khoản 1 Điều 85 BLHS quy định các tình tiết sau là tình tiết tăng nặng TNHS: cấu kết với pháp nhân thương mại khác để phạm tội; cố ý thực hiện tội phạm đến cùng; phạm tội 02 lần trở lên; tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm; lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp, thiên tai, dịch bệnh hoặc những khó khăn đặc biệt khác của xã hội để phạm tội; dùng thủ đoạn tinh vi để phạm tội hoặc nhằm trốn tránh, che giấu tội phạm. Cụ thể được hiểu:

Cấu kết với pháp nhân thương mại khác để phạm tội nghĩa là việc thực hiện hành vi phạm tội không do một pháp nhân thương mại thực hiện. Có thể các pháp nhân thương mại cấu kết cùng nhau lên ý tưởng thực hiện hành vi phạm tội hoặc tiến hành hành vi phạm tội cùng nhau. Pháp luật sẽ dựa trên vai trò, sự phân công, sắp đặt trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội của pháp nhân thương mại để quy kết TNHS đúng và chính xác đối với từng pháp nhân cụ thể.

Cố ý thực hiện tội phạm đến cùng nghĩa là quyết tâm thực hiện hành vi phạm tội của pháp nhân thương mại. Mặc dù trong quá trình thực hiện có sự cản trở của người khác, thế nhưng pháp nhân vẫn thể hiện sự quyết tâm phạm tội cao và thực hiện bằng được hành vi phạm tội đó. Tình tiết tăng nặng TNHS này còn phụ thuộc vào quyết tâm thực hiện hành vi và những cản trở mà pháp nhân thương mại phạm tội gặp phải. Nếu quyết tâm càng cao, sự cản trở càng nhiều mà pháp nhân vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội thì mức độ tăng nặng càng lớn. Quy định tình tiết này cũng tương tự như tình tiết tăng nặng TNHS đối với cá nhân phạm tội.

Phạm tội 02 lần trở lên nghĩa là pháp nhân thương mại phạm nhiều tội tính đến thời điểm bị truy cứu TNHS dù những lần trước đã bị truy cứu TNHS hay chưa, đây là một trong những tình tiết tăng nặng nhằm hạn chế phạm tội của pháp nhân thương mại.

Tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm, được hiểu là tại thời điểm bị truy cứu TNHS về tội nào đó, mà trước đó pháp nhân này đã phạm chính tội đó rồi, đã bị truy cứu TNHS mà còn tiếp tục phạm tội cùng tội danh.

Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp, thiên tai, dịch bệnh hoặc những khó khăn đặc biệt khác của xã hội để phạm tội nghĩa là pháp nhân thương mại lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp, thiên tai, dịch bệnh hoặc những khó khăn đặc biệt khác của xã hội để thực hiện hành vi phạm tội. Chiến tranh là hiện tượng xung đột chính trị - xã hội giữa các quốc gia khác nhau thông qua hình thức đấu tranh vũ trang, hoặc kết hợp đấu tranh bằng các hình thức khác trên các phương diện chính trị, kinh tế hoặc ngoại giao. Tình trạng khẩn cấp là tình trạng cấp bách của xã hội, của cá nhân và của pháp nhân khác, do chính con người, pháp nhân hay hoàn cảnh xã hội gây nên. Thiên tai là những thảm họa do thiên nhiên gây ra. Dịch bệnh là một bệnh truyền nhiễm tràn lan, làm cho nhiều người hoặc gia súc mắc phải. Những khó khăn đặc biệt khác của xã hội là những khó khăn có thể dựa trên nơi xảy hay thời gian diễn ra thời gian phạm tội, đồng thời còn dựa trên quy định cụ thể của cơ quan có thẩm quyền. Hành vi lợi dụng dựa trên những hoàn cảnh đó của pháp nhân thương mại phạm tội được xem là trái với đạo đức và bị pháp luật hình sự trừng trị.

Dùng thủ đoạn tinh vi để phạm tội hoặc nhằm trốn tránh, che giấu tội phạm nghĩa là pháp nhân thương mại thực hiện những hành vi phạm tội phức tạp, khó nhận biết nhằm mục đích phạm tội hoặc xóa đi dấu vết phạm tội. Những hành động này có thể cản trở hoạt động truy cứu trách nhiệm phạm tội của cơ quan điều tra, truy tố, xét xử đối với pháp nhân thương mại phạm tội. Mức độ tăng nặng TNHS của tình tiết còn phụ thuộc vào tính chất và mức độ xảo quyệt mà pháp nhân thực hiện.

2.1.4.2. Tình tiết giảm nhẹ TNHS

Khoản 1 Điều 84 BLHS quy định các tình tiết sau là tình tiết giảm nhẹ TNHS: đã ngăn chặn hoặc làm giảm bớt tác hại của tội phạm; tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn; tích cực hợp tác với các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết

vụ án; có nhiều đóng góp trong việc thực hiện chính sách xã hội. Ngoài ra khi quyết định hình phạt, Tòa án có thể coi các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ, nhưng phải ghi rõ lý do giảm nhẹ trong bản án. Cụ thể được hiểu:

Đã ngăn chặn hoặc làm giảm bớt tác hại của tội phạm nghĩa là tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả nghĩa là sau khi thực hiện hành vi phạm tội, pháp nhân thương mại đã tự giác sửa chữa, khắc phục và bồi thường hậu quả do hành vi đó gây ra mà chưa có sự can thiệp hoặc đã có sự can thiệp của cơ quan tố tụng.

Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn nghĩa là tội phạm không gây thiệt hại hoặc gây nguy hại không lớn cho xã hội.

Tích cực hợp tác với các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án nghĩa là pháp nhân thương mại phạm tội có thái độ tốt, hành vi tích cực cung cấp lời khai giúp cơ quan tiến hành tố tụng thuận lợi trong quá trình thu thập chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của pháp nhân trong giai đoạn điều tra.

Có nhiều đóng góp trong việc thực hiện chính sách xã hội. Đây được xem như tình tiết giảm nhẹ dựa trên yếu tố nhân thân đối với cá nhân phạm tội. Trường hợp pháp nhân mại phạm tội là đối tượng có nhiều đóng góp như thường xuyên tham từ thiện, ủng hộ các chính sách phát triển của xã hội v.v..thì cũng được xem xét làm tình tiết giảm nhẹ THNS.

Quy định về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ TNHS áp dụng đối với pháp nhân là một trong những điểm mới của BLHS năm 2015. Bởi lẽ từ trước đến nay, những tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ TNHS chỉ áp dụng cho cá nhân người phạm tội cụ thể. Tuy nhiên BLHS năm 2015 tiếp tục bổ sung thêm loại chủ thể cũng chịu TNHS là pháp nhân thương mại, nên pháp luật cần quy định thêm những tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với pháp nhân thương mại phạm tội. Qua đó, việc quy định những tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ TNHS trong BLHS năm 2015 thể hiện rõ tính nghiêm khắc và nhân đạo trong xử lý hành vi phạm tội của pháp nhân thương mại.

2.1.5. Miễn hình phạt và xóa án tích đối với PNTM phạm tội

Miễn hình phạt đối với pháp nhân thương mại là hủy bỏ biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất cho pháp nhân thương mại bị kết án mà lẽ ra Tòa án phải tuyên trong

bản án kết tội có hiệu lực pháp luật đối với pháp nhân thương mại. Pháp nhân thương mại phạm tội có thể được miễn hình phạt khi đã khắc phục toàn bộ hậu quả và đã bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra.

Pháp nhân thương mại đã chấp hành xong hình phạt được tạo điều kiện làm ăn, tồn tại và hoà nhập với cộng đồng, khi có đủ điều kiện do luật định thì được xóa án tích. Pháp nhân thương mại bị kết án đương nhiên được xóa án tích nếu trong thời hạn 02 năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung, các quyết định khác của bản án hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án mà pháp nhân thương mại không thực hiện hành vi phạm tội mới. So với quy định xóa án tích đối với cá nhân phạm tội là từ 1 đến 5 năm được xóa án tích đương nhiên hoặc quyết định của Tòa án có thẩm quyền thì đối với pháp nhân chỉ có đương nhiên được xóa án tích với thời hạn là 2 năm. Tuy nhiên, nhìn lại những tội phạm và hình phạt mà pháp nhân thương mại bị truy cứu thì thấy rằng có nhiều loại tội phạm và hình phạt như đã phân tích ở trên mà đều có một thời hạn để xóa án tích thì vẫn chưa công bằng. Ví dụ: một pháp nhân thương mại A phạm tội Sản xuất, buôn bán hàng cấm (Điều 190) nhưng tính chất, mức độ nhẹ, bị phạt tiền 50.000.000 đồng; với một pháp nhân thương mại B cũng phạm tội Điều 190 mà có tính chất, mức độ nặng hơn rất nhiều bị phạt tiền 200.000.000 đồng, bị cấm huy động vốn 3 năm đều có một thời hạn xóa án tích như nhau là 2 năm thể hiện sự thiếu công bằng trong việc quy định thời hạn xóa án tích.

2.2. Phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại

2.2.1. Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế

2.2.1.1. Các tội trong lĩnh vực kinh doanh thương mại

Theo như trình bày của nhóm ở Chương 1 về tình hình vi phạm của pháp nhân thương mại trong thời gian gần đây, cho thấy trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, tình trạng pháp nhân là các doanh nghiệp đã kinh doanh trái phép, buôn lậu, gian lận thương mại... xảy ra khá phổ biến, gây thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng cho nền kinh tế, tác động xấu tới môi trường sản xuất kinh doanh. Tình trạng sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng lậu, hàng kém chất lượng của các công ty, doanh nghiệp đáng báo động với những con số minh họa rất cụ thể. Vấn đề truy cứu TNHS đối với pháp nhân là rất cần thiết. Theo BLHS 2015, các tội trong lĩnh vực kinh doanh thương mại bao gồm các tội sau:

Trang 51

Điều 188 (tội buôn lậu); Điều 189 (tội vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới); Điều 190 (tội sản xuất, buôn bán hàng cấm); Điều 191 (tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm); Điều 192 (tội sản xuất, buôn bán hàng giả); Điều 193 (tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm); Điều 194 (tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh); Điều 195 (tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thức ăn dùng để chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng, vật nuôi); Điều 196 (tội đầu cơ).

Nhìn chung phân quy định về các tội được liệt kê ở trên dành cho pháp nhân thương mại được xem là các tội khá nghiêm trọng theo đó hình phạt cũng rất nghiêm khắc, hình phạt nghiêm khắc nhất là đình chỉ hoạt động vĩnh viễn nếu thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 BLHS 2015, tức là pháp nhân thành lập ra để thực hiện tội phạm. Bên cạnh đó, pháp nhân còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng; cấm kinh doanh, hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm. Ngoài hai trường hợp trên, pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 20.000.000.000 đồng hoặc bị đình chỉ hoạt động từ 06 tháng đến 03 năm.

2.2.1.2. Các tội trong lĩnh vực thuế, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm

Thuế là khoản thu nộp mang tính bắt buộc mà các tổ chức cá nhân phải nộp cho nhà nước khi có đủ những điều kiện nhất định. Như vậy, có thể thấy thuế là một khoản giá trị mà người có nghĩa vụ thực hiện phải nộp cho nhà nước theo quy định pháp luật thuế. Đóng thuế vừa là quyền lợi được thực thi trách nhiệm công dân, tổ chức đóng góp cho sự phát triển phồn vinh của đất nước, vừa là nghĩa vụ phải thực hiện của mỗi công dân, tổ chức. Tuy nhiên, tình trạng trốn thuế ở nước ta vẫn diễn ra, hành vi này không những được thực hiện bởi cá nhân mà cả các pháp nhân thương mại (đối với pháp nhân thương mại, trước đó vẫn chưa có chế tài hình sự xử lý). Nhà nước cần có những quy định TNHS để xử lý các trường hợp trốn thuế này. Thứ nhất, hành vi trốn thuế là hành vi vi phạm nghĩa vụ đối với nhà nước, do đó Tội trốn thuế (Điều 200) được truy cứu đối với pháp nhân là hết sức hợp lý. Thứ hai, theo như trình bày của nhóm nghiên cứu tại Chương 1 về tình hình vi phạm của pháp nhân trong những năm gần đây cho thấy, với kết quả thanh tra của ngành Thuế nhìn chung, khi thanh, kiểm tra tỷ lệ vi phạm của các doanh nghiệp Việt Nam trên toàn lãnh thổ nói chung là xấp xỉ 100%.

Trong đó, có cả Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội, cho thấy tình hình thực tiễn vi phạm đáng báo động, đã đến lúc cần những biện pháp mạnh nhất để ngăn chặn tình trạng trên làm thất thu ngân sách nhà nước, ảnh hưởng lớn tới tình hình kinh tế, xã hội nước nhà. Theo Điều 200 BLHS khi pháp nhân vi phạm tội trốn thuế sẽ bị xử phạt từ 300.000.000 đồng đến 10.000.000.000 đồng hoặc bị đình chỉ hoạt động từ 06 tháng đến 03 năm. Ngoài ra, pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm kinh doanh, hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm. Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 BLHS 2015 thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn.

Trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, do sức ép lợi nhuận, sức ép thành tích nên một số pháp nhân là ngân hàng đã nói lỏng điều kiện tín dụng, không tuân thủ nghiêm túc quy định cho vay; không chuyển nhóm nợ theo quy chế; cho vay không có tài sản thế chấp hoặc tài sản thế chấp không đủ thủ tục pháp lý, thiếu sự kiểm tra năng lực tài chính của khách hàng, chỉ đạo định giá tài sản thế chấp cao hơn so với thực tế... làm thất thoát một lượng đặc biệt lớn tài sản, làm tăng nợ xấu, thậm chí để một số cá nhân chiếm đoạt hàng ngàn tỷ đồng, không chỉ gây thiệt hại lớn cho tài sản Nhà nước và công dân, gây tác động tiêu cực tới các chính sách phát triển kinh tế, xã hội trong thời gian dài. Chính vì vậy, BLHS 2015 đã bổ sung quy định việc truy cứu TNHS đối với pháp nhân thương mại trong lĩnh vực này, cụ thể là các tội: Điều 203 (tội in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước); Điều 209 (tội cố ý công bố thông tin sai lệch hoặc che giấu thông tin trong hoạt động chứng khoán); Điều 210 (tội sử dụng thông tin nội bộ để mua bán chứng khoán); Điều 211 (tội thao túng thị trường chứng khoán). Khi vi phạm các điều này pháp nhân thương mại sẽ phải chịu bị 100.000.000 đồng đến 10.000.000.000 đồng hoặc bị đình chỉ hoạt động từ 06 tháng đến 03 năm. Ngoài ra, pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm kinh doanh, hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm. Phạm tội thuộc trường hợp được quy định tại Điều 79 BLHS 2015, tức là thành lập pháp nhân thương mại để thực hiện hành vi phạm tội thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn đối với 02 tội tại Điều 203 và Điều 211 BLHS 2015.

Trong lĩnh vực bảo hiểm, theo báo cáo của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, những năm gần đây, các hành vi vi phạm của các pháp nhân về bảo hiểm đang gia tăng với tính

chất ngày càng phức tạp, hậu quả ngày càng nặng nề. Các hành vi vi phạm phổ biến của các pháp nhân là: vi phạm nghĩa vụ đóng bảo hiểm của người sử dụng lao động (đến 31/7/2014, có trên 50% doanh nghiệp trốn đóng bảo hiểm bằng các thủ đoạn khác nhau với số tiền trên 11 nghìn tỷ đồng); dùng thủ đoạn gian dối để thụ hưởng trái phép các chế độ bảo hiểm và vi phạm trong quản lý và thực hiện bảo hiểm^[46]. Theo quy định tại các Điều 213 (tội gian lận trong kinh doanh bảo hiểm) và Điều 216 (tội trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động). Đối với vi phạm trong lĩnh vực này, hình phạt được áp dụng là phạt tiền, pháp nhân thương mại sẽ bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 7.000.000.000 đồng tùy vào mức độ vi phạm. Riêng với Điều 213 ngoài bị phạt tiền pháp nhân thương mại còn có thể bị cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.

2.2.1.3. Các tội khác trong lĩnh vực xâm phạm trật tự quản lý kinh tế

Nhà nước với vai trò quản lý tất cả các lĩnh vực trong nước, trong đó lĩnh vực kinh tế luôn là lĩnh vực quan trọng, nhà nước luôn ban hành sửa đổi các quy định của pháp luật cũng như xây dựng hệ thống các cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm quản lý tốt nhất có thể. Tuy nhiên, dù pháp luật có quy định chặt chẽ đến đâu mà thiếu đi những chế tài nghiêm khắc thì vẫn là những kẻ hở để các cá nhân, tổ chức lợi dụng sơ hở để “lách luật” nhằm thu lợi tối đa. Nhiều doanh nghiệp đã bất chấp các quy định của pháp luật thậm chí là chấp nhận bị phạt hành chính để tiếp tục vi phạm. Điều này gây khó khăn cho các nhà làm luật và cơ quan chức năng trong quá trình lập pháp và quản lý. BLHS 2015 ra đời bổ sung thêm một số quy định nhằm truy cứu TNHS đối với pháp nhân thương mại trong lĩnh vực xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, cụ thể là các điều: Điều 217 (tội vi phạm quy định về cạnh tranh); Điều 225 (tội xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan); Điều 226 (tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp); Điều 227 (tội vi phạm các quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên); Điều 232 (tội vi phạm các quy định về khai thác, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản); Điều 234 (tội vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ động vật hoang dã). Các quy định này với những chế tài nghiêm khắc như: bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 7.000.000.000 đồng tùy vào mức độ vi

⁴⁶ Báo cáo của Bảo hiểm xã hội Việt nam về thực trạng vi phạm pháp luật và đề xuất hình sự hóa hành vi trốn đóng bảo hiểm cho người lao động.

phạm hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm; pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm. Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 BLHS 2015, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn.

2.2.2. Các tội phạm về môi trường

Theo số liệu thống kê chưa đầy đủ, trong những năm qua, tình hình vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường xảy ra phổ biến và nghiêm trọng nhất^[47]. Vì lợi nhuận, giảm chi phí sản xuất, nhiều doanh nghiệp sản xuất đã cố ý trực tiếp xả thải ra môi trường không qua xử lý, gây thiệt hại nghiêm trọng cho môi trường sống, cho sản xuất của nông dân, ảnh hưởng nghiêm trọng lâu dài đến sức khỏe của nhân dân. Trong đó số vụ xả thải và khí thải chiếm trên 90%. Theo báo cáo của các cơ quan chức năng, số lượng các vụ gây ô nhiễm môi trường có chiều hướng gia tăng và mức độ ngày càng nghiêm trọng^[48]. Khi đưa các quy định về TNHS của pháp nhân vào BLHS 2015 thì được rất nhiều người quan tâm và ủng hộ bởi nhiều lý do khác nhau, trong đó có các lý do như: lần đầu tiên trong BLHS đề cập tới TNHS của pháp nhân cũng như thực trạng thực tế các pháp nhân vi phạm gần đây, cho thấy sự cần thiết của các quy định này, các quy định đó bao gồm:

Điều 235 (tội gây ô nhiễm môi trường); Điều 237 (tội vi phạm phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường); Điều 238 (tội vi phạm quy định về bảo vệ an toàn công trình thủy lợi, đê điều và phòng, chống thiên tai; vi phạm quy định về bảo vệ bờ, bãi sông); Điều 239 (tội đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam); Điều 242 (tội hủy hoại nguồn lợi thủy sản); Điều 243 (tội hủy hoại rừng); Điều 244 (tội vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm); Điều 245 (tội vi phạm các quy định về quản lý khu bảo tồn thiên nhiên); Điều 246 (tội nhập khẩu, phát tán các loài ngoại lai

⁴⁷ Bộ TN & MT, Báo cáo tổng kết 8 năm thi hành Luật Bảo vệ môi trường 2005 (2005 - 2013), tháng 7/2013

⁴⁸ Báo cáo tổng kết 8 năm thi hành Luật Bảo vệ môi trường 2005 (2005 - 2013), tháng 7/2013 thì năm 2009, có 93/793 cơ sở, khu công nghiệp và cụm công nghiệp, trong đó cả 93 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; Năm 2010, có 233 cơ sở sản xuất, kinh doanh; 53 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên 269 cơ sở tiến hành kiểm tra; Năm 2011, 154/375 cơ sở vi phạm, xử phạt tổng số tiền 19.405.000.000 đồng; Năm 2012, có 157 cơ sở vi phạm trên 429 cơ sở sản xuất, khu công nghiệp, khu chế xuất vi phạm

Trang 55

xâm hại). Cũng như các quy định ở trên, về phần quy định thì là quy định chung cho cả pháp nhân và cá nhân theo mức độ tăng dần nhưng hình phạt thì được chia ra, có sự khác biệt giữa cá nhân vi phạm và pháp nhân vi phạm. Theo đó, các hình phạt này cụ thể như sau:

Khi vi phạm các quy định và môi trường trong BLHS 2015 thì pháp nhân sẽ phải chịu bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 10.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm; pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 3.000.000.000 đồng đến 10.000.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm tùy vào mức độ vi phạm; nếu pháp nhân thành lập để thực hiện hành vi tội phạm được quy định thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn, trừ Điều 239 (tội đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam).

CHƯƠNG 3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ CỦA PHÁP NHÂN

3.1. Sửa đổi các quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại trong Bộ luật Hình sự 2015

3.1.1. Về điều kiện chịu trách nhiệm hình sự

Như đã trình bày về điều kiện chịu TNHS của pháp nhân tại Chương 2 (mục 2.1.2), pháp nhân thương mại chỉ phải chịu TNHS khi có đủ các điều kiện tại Khoản 1 Điều 75 BLHS 2015, đây là cơ sở cho việc truy cứu TNHS của pháp nhân thương mại nhằm đảm bảo tính hợp lý, đồng bộ và thống nhất khi áp dụng quy định vào thực tiễn. Tuy nhiên, quy định về điều kiện TNHS của pháp nhân thương mại còn điểm bất cập chưa hợp lý. Dựa trên thực tiễn các hành vi vi phạm pháp luật của pháp nhân ở Việt Nam, tham khảo điều kiện áp dụng TNHS đối với pháp nhân của một số nước trên thế giới, nhóm xin đưa ra kiến nghị về việc quy định các điều kiện chịu TNHS của pháp nhân thương mại như sau:

Không quy định tồn tại đồng thời hai điều kiện: một là, *“hành vi phạm tội được thực hiện có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân thương mại”*, hai là *“hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh pháp nhân thương mại”* cùng làm điều kiện để pháp nhân thương mại chịu TNHS. Bởi như đã phân tích ở vương mắc thứ hai trong mục 2.1.2 trong bài nghiên cứu, hai điều kiện này không thể đứng độc lập với nhau. Một hành vi được thực hiện nhân danh pháp nhân thương mại, tức là hành vi ấy đã được sự đồng ý, chấp thuận hay chỉ đạo từ pháp nhân. Mặc khác, pháp nhân là chủ thể không thể thực hiện ý chí riêng của mình mà phải thông qua sự hoạt động của tổ chức hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân và được pháp nhân trao quyền thực hiện hoạt động trong phạm vi quyền hạn cụ thể. Vì vậy, pháp luật không thể cùng lúc quy định điều kiện *“hành vi phạm tội được thực hiện có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân thương mại”* và *“hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh pháp nhân thương mại”* là những điều kiện cần có để truy cứu TNHS của pháp nhân thương mại trong BLHS 2015^[49].

Do đó, để truy cứu TNHS đối với pháp nhân thương mại khi có đủ các điều kiện: *thứ nhất*, hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh pháp nhân thương mại; *thứ*

⁴⁹ Quy định tại khoản 1 Điều 75 BLHS 2015

hai, hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân thương mại; *thứ ba*, chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27 của BLHS 2015. Cụ thể, điều kiện thứ nhất cần làm rõ vấn đề: hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh pháp nhân thương mại là hành vi do tổ chức hoặc người đại diện hợp pháp được pháp nhân trao quyền thực hiện chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận trong phạm vi hoạt động của pháp nhân. Pháp nhân thương mại có thể bị truy cứu TNHS đối với hành vi phạm tội của nhân viên pháp nhân thương mại (công nhân, bảo vệ công ty...) nếu hành vi đó có sự ủy quyền hợp pháp từ pháp nhân hoặc xuất phát từ quyết định của pháp nhân. Truy cứu TNHS pháp nhân thương mại không cần xét yếu tố lỗi cố ý hay vô lý, mà chỉ cần biết hành vi phạm tội do lỗi của từ quyết định nhân danh pháp nhân thương mại phạm tội vì lợi ích của pháp nhân. Về điều kiện thứ hai cần làm rõ: khi nào hành vi phạm tội được xem là thực hiện vì lợi ích của pháp nhân? Hành vi mang lại lợi ích cho pháp nhân trực tiếp thông qua việc thực hiện tội phạm hiển nhiên pháp nhân đó cũng phải chịu TNHS. Trong trường hợp, hành vi phạm tội diễn ra là do trong quá trình thực hiện một hành vi khác nhằm mang lại lợi ích cho pháp nhân. Nghĩa là pháp nhân phải chịu TNHS trong trường hợp nhân viên của pháp nhân khi thực hiện công việc được pháp nhân giao và lỗi dẫn tới hành vi phạm tội của nhân viên xuất phát một phần từ lỗi pháp nhân. Ví dụ: một người giao ga thực hiện công việc được công ty giao đi lắp ga ở một căn hộ. Tuy nhiên, trong quá trình lắp đặt nhân viên đó có sai sót dẫn đến cháy nổ làm chết người, cháy tài sản. Việc sai sót của nhân viên lắp ga một phần do lỗi của công ty chưa hướng dẫn kỹ việc lắp ga an toàn, trang bị đủ các thiết bị cho nhân viên. Trong trường hợp này, việc nhân viên đi lắp ga đã mang lại doanh thu cho công ty và được sự chỉ đạo của công ty thực hiện công việc. Thế nhưng quá trình làm việc có sai sót mà phần lỗi là do công ty một phần, nên công ty này sẽ bị truy cứu TNHS theo BLHS với tội danh tương ứng.

3.1.2. Về thời hạn xóa án tích

Theo quy định của BLHS 2015 về xóa án tích đối với pháp nhân thương mại: *“Pháp nhân thương mại bị kết án đương nhiên được xóa án tích nếu trong thời hạn 02 năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung, các quyết định khác của bản án hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án mà pháp nhân thương mại không*

thực hiện hành vi phạm tội mới”⁵⁰. Như vậy, theo quy định thời hạn xóa án tích chung cho tất cả pháp nhân thương mại phạm tội được quy định là 02 năm. Như nhóm đã phân tích ở Chương 2 (mục 2.15), dù là pháp nhân thương mại phạm tội ít nghiêm trọng hay nghiêm trọng thì cũng có một thời hạn xóa án chung, so với quy định về thời hạn xóa án tích đối với cá nhân phạm tội là từ 1 đến 5 năm, tùy vào mức độ vi phạm thì không được “mềm dẻo”, đồng thời còn tạo sự bất bình đẳng đối với các pháp nhân thương mại phạm tội. Theo nhóm nghiên cứu, nên có sự mềm dẻo trong quy định đối với việc xóa án tích đối với pháp nhân thương mại phạm tội, cụ thể căn cứ vào khung hình phạt của quy định trong các tội hoặc mức phạt trong bản án của Tòa án để xóa án tích đối với pháp nhân thương mại phạm tội. Ví dụ: pháp nhân thương mại bị Tòa án tuyên bị phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng thì thời hạn xóa án tích là 01 năm; pháp nhân thương mại bị Tòa án tuyên bị phạt tiền đến 10.000.000.000 đồng thì thời hạn xóa án tích là 02 năm; pháp nhân thương mại bị Tòa án tuyên bị phạt tiền từ 10.000.000.000 đồng trở lên hoặc trong quyết định hình phạt có đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động ở một số ngành nghề nhất định thì thời hạn xóa án tích là 05 năm.

3.1.3. Về miễn hình phạt

Theo Điều 59 BLHS 2015 quy định về miễn hình phạt cho thấy pháp luật về hình sự xây dựng nhiều căn cứ để xét miễn hình phạt đối với người phạm tội, điều này thể hiện tính mềm dẻo và sự khoan hồng của pháp luật đối với các đối tượng phạm tội. Tuy nhiên, Điều 88 BLHS 2015 quy định về miễn hình phạt đối với pháp nhân thương mại phạm tội, theo đó pháp nhân thương mại phạm tội có thể được miễn hình phạt khi đã khắc phục toàn bộ hậu quả và đã bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra. Dựa vào 02 căn cứ như trên, nhóm nghiên cứu nhận thấy quy định các căn cứ để miễn hình phạt đối với pháp nhân thương mại phạm tội là chưa đủ. Do đó, pháp luật cần xem xét mở rộng điều kiện để một pháp nhân thương mại phạm tội được Tòa án miễn hình phạt. Cụ thể, nhóm kiến nghị thêm một số căn cứ để xét miễn hình phạt đối với pháp nhân thương mại phạm tội như sau: trong quá trình hoạt động pháp nhân thương mại đã có những đóng góp lớn cho xã hội; có thái độ tích cực và hợp tác trong quá trình điều tra, xét xử tội phạm; pháp nhân thương mại ra đầu thú khi có hành vi phạm tội. Với việc quy định thêm căn cứ để xét miễn hình phạt đối với pháp nhân thương mại phạm

⁵⁰ Điều 89, BLHS 2015

tội, tính mềm dẻo và tinh thần nhân đạo của pháp luật về hình sự sẽ được thể hiện rõ nét và nổi bật hơn.

3.1.4. Về hình phạt tiền

Về hình phạt tiền, quy định tại Điều 77 BLHS 2015, “*Mức tiền phạt được quyết định căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm và có xét đến tình hình tài chính của pháp nhân thương mại phạm tội, sự biến động của giá cả nhưng không được thấp hơn 50.000.000 đồng*”. Tuy nhiên, thực tế đối chiếu các quy định cho thấy pháp nhân thương mại phạm tội chỉ bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 20.000.000.000 đồng, đối với một pháp nhân thương mại có quy mô vốn nhỏ thì xem đây là số tiền phạt lớn nhưng đối với những pháp nhân thương mại lớn với số vốn điều lệ cả trăm ngàn tỷ đồng với những vụ vi phạm đem lại cho họ cả ngàn tỷ đồng thì mức phạt còn chưa thỏa đáng, có thể dẫn đến trường hợp cố tình vi phạm để thu lợi bất chính. Tuy rằng, việc xác định số tiền thu lợi bất chính là không hề đơn giản, khi thu lợi bất chính thì các pháp nhân sẽ không ghi vào sổ sách kế toán do đó rất khó để tính toán nhưng rõ ràng để đảm bảo công bằng cũng như tạo một môi trường pháp lý an toàn thì cơ quan nhà nước vẫn phải thực hiện việc này trong việc chứng minh vi phạm để từ đó đưa vào quy định ngoài mức phạt cứng, với số tiền cụ thể thì pháp nhân thương mại phạm tội còn phải chịu phạt số tiền lũy tiến từng phần trên số tiền thu lợi bất chính.

Bên cạnh đó, mức phạt tiền là hình phạt bổ sung phải quy định tương xứng theo một tỷ lệ hay một công thức nhất định so với hình phạt chính để có sự đồng bộ và phân hoá giữa các loại tội phạm. Chẳng hạn, Điều 235 quy định tội gây ô nhiễm môi trường, pháp nhân thương mại có thể bị phạt từ 5 đến 10 tỷ đồng hoặc bị đình chỉ hoạt động từ 6 tháng đến 3 năm. Giả định, Toà án không áp dụng phạt tiền mà đình chỉ hoạt động 6 tháng (đây là hình phạt chính) thì chỉ có thể áp dụng hình phạt bổ sung cao nhất đến 500 triệu đồng. Như vậy, dừng hoạt động 6 tháng mà không bị áp dụng hình phạt 5 - 10 tỷ nhiều doanh nghiệp sẽ sẵn sàng chấp nhận. Hình phạt tiền trong trường hợp này không mang tính răn đe, giáo dục, nhất là đối với tội phạm ô nhiễm môi trường hiện nay.

Do đó, các quy định về hình phạt theo BLHS 2015 vẫn còn những bất cập đáng kể, trong thời gian tới khi tiến hành xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung BLHS, các nhà làm luật vẫn phải xem xét lại và đưa ra các quy định cho phù hợp hơn.

3.2. Bổ sung các quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân

3.2.1. Mở rộng phạm vi chịu TNHS của pháp nhân thương mại

BLHS 2015 đã có những quy định để truy cứu trách nhiệm của pháp nhân thương mại và đây được xem là điểm tiên bộ và phù hợp hơn so với các BLHS được ban hành trước đó. Tuy nhiên, theo quan điểm của nhóm nghiên cứu, về phạm vi chịu TNHS của pháp nhân thương mại còn rất hạn chế, tức là các tội mà pháp nhân thương mại phải chịu theo BLHS 2015 là còn rất ít. Theo đó, BLHS sửa đổi, bổ sung BLHS 2015 cần được cân nhắc đưa vào hầu hết các nhóm tội, cụ thể là:

3.2.1.1. Nhóm các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của con người

Pháp nhân nói chung không thể tự mình thực hiện bất cứ hành vi nào mà muốn thực hiện các hành vi phải thông qua một hoặc một nhóm chủ thể là cá nhân. Chủ thể hoặc nhóm chủ thể này thực hiện các hành vi này bằng cách nhân danh pháp nhân thương mại, thay mặt pháp nhân thương mại thực hiện nhiệm vụ dựa trên ý chí của pháp nhân thương mại, được thể hiện bằng điều lệ, nghị quyết, quyết định (sau đây gọi chung là chính sách của pháp nhân thương mại) của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Hội đồng thành viên. Các chính sách này khi được ban hành, nhân viên cấp dưới được giao việc hoặc nhóm nhân viên (sau đây gọi chung là nhân viên) sẽ phải thực hiện. Trong quá trình thực hiện công việc được giao, nhân viên hoặc nhóm nhân viên vô tình làm bị thương hoặc chết người thậm chí là ngay cả nhân viên thực hiện công việc đó bị thương, mất mạng nguyên nhân là do pháp nhân thương mại không trang bị những trang thiết bị an toàn trong quá trình làm việc. Theo quy định của BLHS 2015 thì chỉ truy cứu trách nhiệm của cá nhân mà không truy cứu trách nhiệm của pháp nhân thương mại là chưa hợp lý. Trong trường hợp nhân viên được giao nhiệm vụ thực hiện công việc mà vô ý làm chết người do thiếu các trang thiết bị an toàn mà pháp nhân thương mại phải có trách nhiệm trang bị cho nhân viên thực hiện nhiệm vụ thì truy cứu trách nhiệm của nhân viên là chưa đủ, cần phải truy cứu trách nhiệm của cả pháp nhân thương mại.

Các trường hợp phạm tội này thường là các vũ trường, nhà hàng, quán bar, dịch vụ massage...thuê người chưa đủ 16 tuổi vào làm nhân viên, có thể là vô tình hoặc cố ý thực hiện hành vi được cho là khiêu dâm. Mà các vũ trường, nhà hàng, quán bar này chủ yếu được hoạt động với danh nghĩa là pháp nhân thương mại. Do đó, cần có

những chế tài nghiêm khắc để xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật trong các trường hợp khiêu dâm, mại dâm này. Biện pháp hữu hiệu có thể kể đến như truy cứu TNHS của cả cá nhân và pháp nhân thương mại thực hiện các hành vi này, hành vi sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm nói riêng và hành vi sử dụng người vào mục đích khiêu dâm, bán dâm nói chung.

Với cách lập luận, phân tích tương tự như trên trong nhóm tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự của con người nhóm đề nghị bổ sung các tội dành cho pháp nhân thương mại bao gồm: ***tội giết người; tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm; tội mua bán người; tội mua bán, chiếm đoạt mô hoặc cơ thể người; tội vu khống.***

3.2.1.2. Nhóm các tội phạm về chức vụ

Theo báo cáo của nhóm nghiên cứu thuộc WB công bố^[51], đã chỉ ra rằng, có đến gần 40% số doanh nghiệp được hỏi khẳng định, cùng với giá cả sinh hoạt, an toàn thực phẩm, tham nhũng đang là một trong 3 vấn đề bức xúc nhất hiện nay. Tỷ lệ này trên cả nước có 43% doanh nghiệp có cùng suy nghĩ như vậy. Bên cạnh đó, cuộc khảo sát của WB cũng đã chỉ ra 5 ngành có tham nhũng nhiều nhất dưới góc nhìn của doanh nghiệp, trong đó đứng đầu là ngành thuế, tiếp đến là tài chính, ngân hàng, kho bạc và hải quan. Đặc biệt, khảo sát cho thấy, nhóm các cơ quan dẫn đầu về mức độ gây khó dễ cho doanh nghiệp, trong đó đứng đầu là kế hoạch đầu tư, tiếp đến là ngân hàng, kho bạc, tài chính, thuế, hải quan, cảnh sát giao thông, cảnh sát khu vực.... Trong đó, sự “hành” của nhiều cơ quan quản lý tại Hà Nội được xác nhận là cao hơn mức trung bình của cả nước, đặc biệt là hải quan.

Sự gây khó dễ của cơ quan quản lý nói trên thể hiện qua kết quả khảo sát “doanh nghiệp đưa hối lộ cho ai”, trong đó ngành kế hoạch và đầu tư cũng chính là ngành mà doanh nghiệp phải đưa hối lộ nhiều nhất. Tiếp đến là ngân hàng, kho bạc, tài chính, thuế. Kết quả khảo sát của WB cũng cho thấy, có đến gần 40% số doanh nghiệp được hỏi xác nhận có giao dịch với cơ quan nhà nước và trả hối lộ, trong đó các ngành như kế hoạch và đầu tư, tài chính, thuế, hải quan vẫn là nhóm dẫn đầu về tệ nạn này.

⁵¹ “Tham nhũng: Liệu doanh nghiệp có thoát khỏi vòng luẩn quẩn”, bản báo cáo của nhóm nghiên cứu thuộc WB công bố ngày 31/10/12 đăng trên báo Vneconomy.vn

Đáng chú ý, trong khi Chính phủ và các cơ quan chức năng đang nỗ lực cải cách thủ tục hành chính và quyết tâm đẩy lùi tệ tham nhũng trong các cơ quan công vụ, công quyền, thì cuộc khảo sát của WB lại cho kết quả đáng quan ngại. Cụ thể, nếu như năm 2005, chỉ có khoảng 56% doanh nghiệp cho rằng cơ quan công quyền cố tình kéo dài thời gian giải quyết công việc, thì đến 2012, con số này đã tăng lên 67%. Chính sự gây khó dễ của cán bộ, công chức đã buộc doanh nghiệp và người dân có động cơ để đưa hối lộ, thể hiện qua con số 59% doanh nghiệp cho biết đôi khi họ phải tặng quà hoặc tiền cho công chức. Nghiêm trọng hơn, có hơn 75% doanh nghiệp cho biết họ đã có hành vi hối lộ dù không được gợi ý.

Đáng chú ý, một số doanh nghiệp còn thực hiện hành vi môi giới hối lộ dựa trên những mối quan hệ của họ vốn có, chuyên nhận “lo” làm việc với cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cao nhằm giải quyết những công việc vướng mắc của các doanh nghiệp và kèm theo đó là “bảng giá” cho từng công việc cụ thể. Những doanh nghiệp này thường được “núp” dưới danh nghĩa là các công ty tư vấn về các lĩnh vực thuế, bất động sản, tài chính, pháp luật.

Việc đưa và nhận hối lộ như trên trước giờ vẫn diễn ra và tạo ra tiền đề xấu, đây là những hành vi gây nguy hiểm cho xã hội. Nhà nước cần có những biện pháp ngăn chặn tình trạng trên để các doanh nghiệp hay nói cách khác là pháp nhân thương mại yên tâm sản xuất, kinh doanh không để tệ nạn tham nhũng hoành hoành. Hiện nay, theo các quy định của pháp luật về hình sự thì mới chỉ truy cứu trách nhiệm của cá nhân đưa, môi giới hối lộ còn đối với pháp nhân thương mại thực hiện các tội trên thì mới chỉ dừng ở mức xử phạt hành chính. Do đó, cần phải đưa các tội về chức vụ để truy cứu pháp nhân thương mại phạm tội trong BLHS cụ thể là ***tội đưa hối lộ và tội môi giới hối lộ*** nhằm tạo tính răn đe, đóng góp thiết thực trong công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm của nước nhà.

3.2.1.3. Nhóm các tội phạm về hôn nhân gia đình

Trong lĩnh vực hôn nhân gia đình, hầu như không có sự tham gia nhiều của pháp nhân thương mại. Tuy nhiên, đối với 02 tội: ***tội tổ chức tảo hôn và tội tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại*** thì pháp nhân nói chung hay pháp nhân thương mại nói riêng hoàn toàn có thể tham gia và với vai trò không hề nhỏ. Tảo hôn ở nước ta vẫn thường diễn ra đặc biệt là các tỉnh vùng sâu, vùng xa, vùng sống của các đồng bào

dân tộc thiểu số. Đây là một trong những hủ tục lạc hậu trong lĩnh vực hôn nhân gia đình, văn hóa xã hội mà nước ta đang dần xóa bỏ, hủ tục này gắn liền với trình độ dân trí, hiểu biết của người dân và là một trong những nguyên nhân làm cho đời sống người dân trong vòng luẩn quẩn. Việc tổ chức tảo hôn được xem là một tội được quy định trong BLHS là hoàn toàn hợp lý. Theo thủ tục truyền thống, đám cưới mang tính tự phát, do gia đình 02 bên đứng ra tổ chức, nhưng hiện nay các dịch vụ tiệc cưới, có thể là cho thuê một phần hay tổ chức trọn gói phát triển rất nhanh chóng và các dịch vụ này thường được tổ chức bởi một công ty hay nói cách khác pháp nhân thương mại. Dịch vụ này không có gì đáng bàn nếu tất cả đều có giấy đăng ký kết hôn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nhiều nhà hàng, trung tâm vì mục đích lợi nhuận mà họ tổ chức đám cưới cho cả trẻ em chưa đủ tuổi vị thành niên. Do đó, nhà nước cần có những quy định để truy cứu trách nhiệm đối với pháp nhân thương mại trong những trường hợp tổ chức tảo hôn.

Pháp luật của nước ta chưa thừa nhận việc mang thai vì mục đích thương mại. Do đó, hành vi mang thai, tổ chức hoạt động mang thai vì mục đích thương mại là vi phạm pháp luật. Hành vi tổ chức mang thai vì mục đích thương mại hoàn toàn có thể được thực hiện bởi pháp nhân thương mại nói chung có thể kể đến như các bệnh viện, trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản hoặc một pháp nhân thương mại môi giới nào đó. Khi tội này được thực hiện bởi pháp nhân thương mại thì sẽ có quy mô và tính chất lớn, nguy hiểm hơn so với cá nhân thực hiện. Do đó, pháp luật hình sự chỉ xử lý hình sự đối với cá nhân phạm tội này, tội tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại là còn chưa hợp lý.

3.2.1.4. Nhóm các tội phạm về xâm phạm trật tự quản lý kinh tế

BLHS 2015 đã đề cập đến TNHS của pháp nhân thương mại trong lĩnh vực xâm phạm trật tự quản lý kinh tế và pháp nhân thương mại cũng phải chịu TNHS hầu hết các tội so với cá nhân phạm tội. Tuy nhiên, BLHS 2015 không đề cập tới TNHS của pháp nhân thương mại đối với hai tội danh: ***tội quảng cáo gian dối, tội lừa dối khách hàng***. Hai tội này hoàn toàn có thể được thực hiện bởi pháp nhân thương mại và khi được pháp nhân thương mại thực hiện thì tính chất và mức độ rất rộng, điều này đồng nghĩa với rất nhiều người trong số tiếp cận được sẽ bị lừa, gây hậu quả cực kỳ nghiêm trọng cho xã hội và xâm phạm đến lợi ích của người tiêu dùng. Chính vì vậy, nhóm

nghiên cứu kiến nghị nên bổ sung thêm hai tội này trong các tội về xâm phạm trật tự quản lý kinh tế trong việc truy cứu TNHS đối với pháp nhân nói chung và pháp nhân thương mại nói riêng.

3.2.1.5. Nhóm các tội phạm về ma túy

Các hành vi phạm tội về ma túy được diễn ra vô cùng tinh vi và xảo quyệt, đây là nhóm tội phạm có mức nguy hiểm lớn đối với xã hội và lợi nhuận do hành vi phạm tội mang rất lớn. Do đó, các đối tượng thực hiện hành vi phạm tội thường bất chấp tất cả để hành vi phạm tội được diễn ra thực tế, các chủ thể bằng nhiều hình thức và thủ đoạn khác nhau trong đó có núp dưới danh nghĩa cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp... để thực hiện các hành vi phạm tội về ma túy. Đối tượng thực hiện hành vi phạm tội về ma túy tồn tại dưới hình thức doanh nghiệp có thể là doanh nghiệp vận tải, quán bar, vũ trường thậm chí là doanh nghiệp sản xuất. Nhưng trong thời gian qua vẫn chưa có quy định để xử lý nặng, nghiêm minh và mang tính răn đe các doanh nghiệp thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về ma túy để thu lợi nhuận. Do đó, nhóm nghiên cứu cho rằng cần mở rộng quy định phạm vi chịu TNHS đối với pháp nhân thương mại với các tội về ma túy, ***bao gồm tất cả các tội về ma túy*** như đối với cá nhân phạm tội.

3.2.1.6. Nhóm các tội xâm phạm quyền tự do của con người, quyền tự do, dân chủ của công dân

Điển hình như quy định tại khoản 1 Điều 157 BLHS 2015, “*Người nào bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 377 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*” và các quy định này không được truy cứu đối với pháp nhân thương mại phạm tội. Nếu pháp nhân thương mại thực hiện hành vi phạm tội này, dù đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 75 BLHS 2015 về Điều kiện chịu TNHS của PNTM thì pháp luật vẫn không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm của pháp nhân vi phạm này. Hiện nay, với nhiều loại hình dịch vụ có thể dễ dàng xâm phạm những quyền cơ bản của công dân như: dịch vụ bảo vệ, dịch vụ đòi nợ thuê hay dịch vụ vệ sĩ... Pháp luật nước ta đã thừa nhận sự tồn tại và phát triển của các loại hình dịch vụ này nhưng lại thiếu những chế tài nghiêm khắc nhất để xử lý những trường hợp xâm phạm những quyền cơ bản của công dân mà đã được Hiến pháp ghi nhận bảo vệ. Do đó, rất nhiều trường hợp vì mục tiêu lợi nhuận, nhanh chóng, hiệu quả các pháp nhân này đã bất chấp các

quyền cơ bản của công dân. Thực hiện những hành vi như bắt giam người trái pháp luật, xâm phạm chỗ ở cũng như bí mật thư tín, điện tín, điện thoại, của công dân để nắm được “điểm yếu” của nạn nhân, sau đó bắt họ phải trả nợ, làm hoặc không làm những việc mà không theo ý chí của họ.

Do đó, đã đến lúc pháp luật mở rộng phạm vi truy cứu TNHS của pháp nhân thương mại nói riêng và pháp nhân nói chung về các tội xâm phạm các quyền cơ bản của công dân, cụ thể là các tội: ***tội bắt giữ, giam người trái pháp luật; tội xâm phạm chỗ ở của người khác; tội xâm phạm bí mật thư tín, điện tín, điện thoại và các hình thức trao đổi thông tin khác.***

3.2.1.7. Nhóm các tội xâm phạm quyền sở hữu

Các tội xâm phạm quyền sở hữu hiện nay chỉ bị xử lý hình sự đối với cá nhân, đối với pháp nhân thì vẫn chưa có quy định để xử lý. Ví dụ: theo quy định tại khoản 1 Điều 174 BLHS 2015, “*Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”. Mặc dù, pháp nhân nói chung hoàn toàn có thể thực hiện hành vi này và thực tiễn cũng cho thấy số lượng vụ pháp nhân lừa đảo chiếm đoạt tài sản không kém cá nhân nhưng lại chưa có chế tài hình sự xử lý. Nhóm nghiên cứu cho rằng BLHS cần phải bổ sung các tội xâm phạm quyền sở hữu đối với chủ thể là pháp nhân nói chung và pháp nhân thương mại nói riêng. Cụ thể là các tội: ***tội lừa đảo, chiếm đoạt tài sản; tội sử dụng trái phép tài sản; tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản; tội vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản.***

Ngoài ra, trên cơ sở phân tích như ở trên, nhóm nghiên cứu đề xuất mở rộng phạm vi chịu TNHS của pháp nhân nói chung và của pháp nhân thương mại nói riêng đến hầu hết các nhóm tội trừ những quy định đặc thù cho cá nhân (chỉ cá nhân mới là chủ thể của các tội phạm này) được quy định trong BLHS 2015, tất nhiên là đáp ứng được điều kiện chịu TNHS của pháp nhân, mở rộng phạm vi chịu trách nhiệm của pháp nhân cũng như đóng góp trong công cuộc phòng chống tội phạm, dần hoàn thiện các quy định của pháp luật về hình sự. Trên cơ sở những gợi ý như sau:

Các tội về xâm phạm an toàn giao thông: Tội đưa vào sử dụng các phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, xe máy chuyên dùng không đảm bảo tiêu chuẩn an toàn

ký thuật tham gia giao thông; tội điều động người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ; tội giao cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện giao thông đường bộ; tội tổ chức đua xe trái phép; tội cản trở giao thông đường sắt và nhiều tội khác.

Các tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông: tất cả các tội.

Các tội về xâm phạm an toàn công cộng: tội vi phạm quy định về sử dụng lao động dưới 16 tuổi; tội cưỡng bức lao động; tội tài trợ khủng bố; tội vi phạm quy định về xây dựng, gây hậu quả nghiêm trọng; tội bắt cóc con tin; tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt trái phép vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự; tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm dụng vật liệu nổ; tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao, công cụ hỗ trợ các vũ khí khác có tính năng tương tự và các tội khác thuộc các tội về xâm phạm an toàn công cộng.

3.2.2. Quy định TNHS của pháp nhân phi thương mại

Việt Nam không phải là nước đầu tiên ban hành các quy định để truy cứu TNHS đối với pháp nhân. Nhà nước ban hành những quy định này là căn cứ vào tình hình thực tế vi phạm của pháp nhân trong nước cũng như tiếp thu các quy định của pháp luật nước ngoài như nhóm đã phân tích tại Chương 1. Pháp luật Việt Nam mới chỉ có các quy định về truy cứu TNHS của pháp nhân thương mại, đối với pháp nhân phi thương mại thì vẫn chưa có chế tài hình sự xử lý.

Pháp nhân phi thương mại hoàn toàn có thể thực hiện hành vi tương tự như pháp nhân thương mại, tức là thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về hình sự. Thực tiễn, trong điều kiện hiện nay ở nước ta, các hành vi vi phạm pháp luật của pháp nhân bao gồm cả pháp nhân phi thương mại và pháp nhân thương mại rất phổ biến và có tính nguy hiểm đáng kể cho xã hội. Cũng như đối với thể nhân, việc truy cứu TNHS đối với pháp nhân và áp dụng hình phạt tương xứng đối với hành vi phạm tội của pháp nhân có ý nghĩa chống và vừa có ý nghĩa phòng ngừa tội phạm, tạo sự bình đẳng giữa pháp nhân thương mại và pháp nhân phi thương mại và các chủ thể trước pháp luật. Trong mối tương quan giữa các trách nhiệm pháp lý thì TNHS thường được quan niệm là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước. Pháp nhân cũng như người đại diện pháp nhân không

bao giờ mong muốn tham gia vào quy trình tố tụng hình sự khi thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, nên quy định TNHS sẽ có tác dụng răn đe^[52].

Mặt khác, pháp nhân thương mại và pháp nhân phi thương mại có thể hợp tác, cùng nhau phát triển để danh tiếng hay một yếu tố phi lợi nhuận khác bằng hình thức hợp đồng hoặc liên kết tạo thành một “liên minh”. Thế nhưng, khi “liên minh” này thực hiện hành vi phạm tội được quy định trong BLHS, thỏa mãn các điều kiện để truy cứu TNHS thì khi đó pháp luật nước ta chỉ truy cứu TNHS được đối với pháp nhân thương mại. Việc không quy định pháp nhân phi thương mại bị truy cứu TNHS có thể làm phát sinh sự bất bình đẳng giữa các pháp nhân, đây còn có thể là “kẽ hở” của pháp luật để các pháp nhân phi thương mại “trong tương lai” lợi dụng, lách luật.

Một bất cập nữa như đã trình bày, BLHS 2015 đã có những quy định về truy cứu TNHS đối với pháp nhân thương mại nhưng lại chưa quy định pháp nhân thương mại là gì, các căn cứ để xem một pháp nhân là pháp nhân thương mại mà vẫn phải “mượn” quy định trong BLDS để giải thích. Điều này gây ra những bất cập nhất định và hiểu theo quy định của BLDS thì việc phân biệt pháp nhân thương mại và pháp nhân phi thương mại bao gồm 2 yếu tố là “*tìm kiếm lợi nhuận*” và “*lợi nhuận được chia cho các thành viên*”. Như vậy, việc phân biệt pháp nhân thương mại và pháp nhân phi thương mại dựa vào yếu tố lợi nhuận. Theo quan điểm của nhóm nghiên cứu, tiêu chí lợi nhuận đang được pháp luật căn cứ để phân biệt là chưa đủ, lợi nhuận hay nói các khác là vật chất là yếu tố để phân biệt nhưng không phải lúc nào cũng được thể hiện trung thực nhất. Để tránh bị truy cứu TNHS, pháp nhân thương mại có thể biến tướng thành pháp nhân phi thương mại (hoạt động không vì mục đích lợi nhuận) nhưng bản chất vẫn là vì mục đích lợi nhuận như pháp nhân thương mại.

Trong pháp luật hình sự của các nước theo truyền thống pháp luật Anh - Mỹ như Anh, Mỹ, Canada, Australia... hoặc các nước theo truyền thống pháp luật châu Âu lục địa như Pháp, Hà Lan, Bỉ, Thụy Sĩ, Trung Quốc...trước đây đều không thừa nhận TNHS của pháp nhân, tổ chức nhưng thời kỳ sau này đã thiết lập chế định TNHS đối với pháp nhân, trong đó có cả pháp nhân thương mại và pháp nhân phi thương

⁵² Tham khảo PGS.TS Phạm Hồng Hải (1999), “*Pháp nhân có thể là chủ thể của tội phạm hay không?*”, được đăng trên tạp chí luật học số 06/1999

mại^[53]. Ngoài ra, trong các văn bản pháp luật quốc tế mà Việt Nam đã tham gia hoặc phê chuẩn như Công ước của Liên hợp quốc về tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, Công ước của Liên hợp quốc về phòng chống tham nhũng đều có quy định về việc khuyến nghị các quốc gia thiết lập chế định TNHS đối với pháp nhân (bao gồm cả pháp nhân thương mại và pháp nhân phi thương mại). Để Việt Nam có thể thực hiện một cách hữu hiệu các quy định của công ước quốc tế cũng như nhận được sự đồng thuận của các quốc gia trong lĩnh vực phòng, chống tội phạm, đặc biệt là phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, thì Việt Nam cần nghiên cứu tiếp thu kinh nghiệm lập pháp của các nước trên thế giới và thực hiện từng bước chuyển hóa các quy phạm pháp luật quốc tế về vấn đề TNHS của pháp nhân vào trong pháp luật hình sự quốc gia nhằm tạo cơ sở pháp lý thống nhất và đồng bộ cho sự hợp tác về lĩnh vực này.

Thừa nhận TNHS của pháp nhân là xu hướng phát triển chung trong pháp luật hình sự trên thế giới và phù hợp với yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm ở nước ta. Các quốc gia đã thừa nhận chế định TNHS của pháp nhân hoặc đang nghiên cứu việc áp dụng chế định này đều xuất phát từ nhu cầu đấu tranh hiệu quả hơn với hiện tượng tội phạm của pháp nhân, thay thế cho cách thức TNHS của thể nhân (nhân viên pháp nhân, người đại diện hợp pháp của pháp nhân) + TNDS hoặc TNHC của pháp nhân về hành vi tội phạm có liên quan đến lợi ích của pháp nhân hoặc thực hiện dưới danh nghĩa, nhân danh pháp nhân. Ở nước ta “ đứng trước tình hình vi phạm pháp luật mang tính chất tội phạm do pháp nhân, tổ chức thực hiện ngày càng gia tăng và tính nguy hiểm ngày càng cao, dư luận xã hội đã có những phản ứng rất gay gắt đòi hỏi không chỉ truy cứu TNHS đối với các cá nhân phạm tội mà còn phải truy cứu TNHS cả pháp nhân, tổ chức. Nếu chỉ xử lý về hình sự đối với người đại diện, những người được uỷ quyền hoặc những nhân viên thừa hành thực hiện hành vi vì lợi ích hoặc trong khuôn khổ chức năng, nhiệm vụ của pháp nhân là rõ ràng đã bỏ lọt tội phạm, trái với nguyên tắc công bằng trong LHS, không đảm bảo tính nghiêm minh, triệt để, truy cứu đến cùng trách nhiệm đối với hành vi phạm tội, không đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm. Nhà nước sẽ bất lực trong việc trấn áp và kiểm soát tình hình tội phạm, đồng thời cho thấy

⁵³ Tham khảo PGS.TS Nguyễn Thái Phúc (2007), "*Ba mô hình xử lý hình sự pháp nhân*", Báo pháp luật TPHCM

Trang 69

"vô hình chung pháp luật khuyến khích tổ chức, cơ quan đó tiếp tục chạy theo lợi ích bất chính gây nguy hiểm cho xã hội"^[54].

Tóm lại, nhóm nghiên cứu nhận thấy cần bổ sung quy định trong BLHS để truy cứu TNHS đối với pháp nhân phi thương mại dựa trên những phân tích và lý giải ở trên. Tất nhiên, vẫn cần có những nghiên cứu, đánh giá thiết thực cả về mặt lý luận và thực tiễn để đưa vấn đề trách nhiệm hình sự của pháp nhân sao cho khoa học và hiệu quả.

⁵⁴ PGS.TS Nguyễn Thái Phúc (2014), "*Trách nhiệm hình sự của pháp nhân – những vấn đề lý luận và thực tiễn*", bài viết tham dự Hội thảo Ủy ban pháp luật của Quốc Hội

PHẦN C. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

1.1. Tóm tắt nội dung đã thực hiện

Trách nhiệm hình sự của pháp nhân không còn xa lạ đối với các nước trên thế giới, đặc biệt đối với các quốc gia theo hệ thống pháp luật Common law nhưng tại Việt Nam thì vẫn được coi là khá mới mẻ, điều đó được minh chứng bằng các quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân lần đầu tiên được đưa vào BLHS 2015. Đây là một trong những yếu tố quan trọng làm nên tính mới, tính cấp thiết của đề tài.

Đề tài “*Trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại trong Bộ luật Hình sự 2015*” đã tập trung làm rõ các vấn đề:

Chương 1. Những vấn đề lý luận về trách nhiệm hình sự của pháp nhân. Trong Chương này, nhóm chủ yếu làm rõ hai nội dung: cơ sở lý luận về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại và cơ sở thực tiễn về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại. Thứ nhất, về cơ sở lý luận về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại. Nhóm nghiên cứu tiến hành trình bày một số các khái niệm cơ bản liên quan đến trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản cho người đọc có thể hiểu đúng đối tượng mà đề tài hướng đến tìm hiểu và phân tích. Để củng cố hơn khái niệm trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại, nhóm nghiên cứu thực hiện việc phân biệt các loại trách nhiệm mà pháp nhân thương mại ở Việt Nam có thể chịu khi có hành vi vi phạm pháp luật (gồm trách nhiệm dân sự, trách nhiệm hành chính và trách nhiệm hình sự). Việc phân biệt các loại trách nhiệm pháp lý mà pháp nhân thương mại có thể chịu giúp người đọc thấy được sự khác nhau cơ bản giữa trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại trong Bộ luật Hình sự 2015 với các loại trách nhiệm pháp lý khác. Đồng thời, lý giải tại sao “mặc dù pháp luật đã quy định pháp nhân thương mại có thể bị truy cứu trách nhiệm dân sự và trách nhiệm hành chính khi có hành vi vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, Bộ luật Hình sự 2015 tiếp tục quy định thêm việc pháp nhân thương mại có hành vi phạm tội phải chịu thêm loại trách nhiệm hình sự theo sự điều chỉnh của trách nhiệm hình sự. Sau đó, nhóm đi phân tích các học thuyết nói về trách nhiệm hình sự của pháp nhân, đây là những lý luận cơ bản và thiết thực để hình thành các quy định về việc truy cứu trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại trong Bộ luật Hình sự 2015, trả lời câu hỏi Việt Nam ban hành các quy định về truy cứu

trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại dựa trên học thuyết, cơ sở nào. Thứ hai, về cơ sở thực tiễn về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại. Nhóm tập trung trình bày các vấn đề liên quan đến tình trạng vi phạm pháp luật của pháp nhân (đặc biệt là pháp nhân thương mại) ở Việt Nam, các bất cập trong chính sách pháp luật hiện hành và các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Từ những cơ sở thực tiễn được trình bày, nhóm mong muốn làm rõ nguyên nhân và sự cần thiết khi hình thành quy định pháp luật về truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại trong trách nhiệm hình sự.

Chương 2. Quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại trong Bộ luật Hình sự 2015. Chương này, nhóm chủ yếu làm rõ hai nội dung: một là các quy định chung về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại, hai là phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại. *Thứ nhất*, các quy định chung về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại. Nhóm nghiên cứu tiến hành trình bày và phân tích rõ các quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại dựa trên các phần cụ thể như: nguyên tắc xử lý pháp nhân thương mại phạm tội; điều kiện chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại; hình phạt và các biện pháp tư pháp; các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ; miễn hình phạt và xóa án tích đối với pháp nhân thương mại phạm tội. *Thứ hai*, phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại hay có thể hiểu là các tội phạm mà pháp nhân thương mại phải chịu trách nhiệm hình sự. Phần này, nhóm tập trung phân tích dựa trên hai nhóm tội thuộc các lĩnh vực quy định trong Bộ luật Hình sự 2015 là nhóm tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế và nhóm tội phạm về môi trường. Tương ứng với từng nhóm tội phạm được pháp luật quy định đều thể hiện các tội phạm với các khung hình phạt tương ứng. Việc trình bày nhằm giúp người đọc có cái nhìn khái quát nhất về các quy định pháp luật liên quan đến phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại theo Bộ luật Hình sự 2015. Bên cạnh đó, mỗi nội dung được phân tích trong Chương 2 đều được nhóm nghiên cứu đưa ra đánh giá và nhận xét về khả năng áp dụng vào thực tiễn, những điểm chưa hợp lý được nhóm nghiên cứu trình bày cụ thể để làm cơ sở kiến nghị một số quy định nhằm hoàn thiện pháp luật.

Chương 3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật về trách nhiệm hình sự của pháp nhân. Dựa trên cơ sở phân tích ở Chương 1, Chương 2 và tình hình thực tế những hành vi vi phạm pháp luật của pháp nhân thương mại hiện nay.

Nhóm nghiên cứu mạnh dạn đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại trong Bộ luật Hình sự 2015. Chương này, nhóm trình bày hai nội dung: một là sửa đổi các quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại trong Bộ luật Hình sự 2015, hai là bổ sung các quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân. Thứ nhất, sửa đổi các quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại trong Bộ luật Hình sự 2015 trên các phương diện cụ thể là điều kiện chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại, xóa án tích, miễn hình phạt và quy định hình phạt của pháp nhân thương mại trong Bộ luật Hình sự 2015. Thứ hai, bổ sung các quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân. Nhóm kiến nghị mở rộng phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại phạm tội trên các tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của con người; các tội phạm về chức vụ; các tội phạm về hôn nhân gia đình; các tội phạm về xâm phạm trật tự quản lý kinh tế; các tội phạm về ma túy; các tội xâm phạm an toàn giao thông; các tội phạm xâm phạm an toàn công cộng và trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông. Đồng thời, mở rộng đối tượng chịu trách nhiệm hình sự, cụ thể là quy định trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân phi thương mại khi có hành vi phạm tội trong trách nhiệm hình sự quy định.

1.2. Đánh giá về đề tài

Về hình thức, theo như bố cục của đề tài đã trình bày ở phần trên, đề tài là một tổng thể khá hoàn thiện đối với một đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên, có đầy đủ các phần theo như yêu cầu đặt ra và được phân bổ nội dung từng phần hợp lý và khoa học nhất có thể.

Về nội dung, bên cạnh việc tiếp thu thành quả từ những nghiên cứu trước, đề tài nghiên cứu khoa học của nhóm nghiên cứu có một số điểm mới đáng chú ý:

Thứ nhất, công trình nghiên cứu được xây dựng dựa trên nguồn tài liệu mới là Bộ luật Hình sự năm 2015.

Thứ hai, mặc dù có rất nhiều nghiên cứu về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại, nhưng chưa có nghiên cứu nào nhìn nhận đầy đủ về tính khả thi của việc quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân và đưa ra phương hướng hoàn thiện bám sát vào các quy định của BLHS 2015, các quy định thực định của pháp luật hình sự Việt Nam lần đầu tiên quy định về TNHS của pháp nhân thương mại.

Thứ ba, dựa trên lập trường nghiên cứu khoa học một cách nghiêm túc, khách quan, nhóm nghiên cứu mạnh dạn đưa ra những nhận định theo chính kiến riêng của mình. Từ đó, đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện vấn đề nghiên cứu một cách táo bạo và khoa học. Đặc biệt, những vấn đề mà quy định của pháp luật còn bỏ ngõ cũng chính là “mảnh đất màu mỡ” thể hiện quan điểm riêng của nhóm, đây là hướng đi chính của đề tài.

Về khả năng ứng dụng của đề tài, nhóm nghiên cứu nhận định khả năng ứng dụng của đề tài là rất cao.

Thứ nhất, tính mới của đề tài tạo cảm hứng nhất định cho sự hứng thú, tìm hiểu, nghiên cứu, tiếp thu của người đọc cả những người trong chuyên ngành và kể cả những người không chuyên.

Thứ hai, Bộ luật Hình sự 2015 mới được ban hành không lâu, song lại bị đình chỉ hiệu lực ngay trước thời điểm có hiệu lực thi hành và Bộ luật này sẽ có hiệu lực trở lại sau khi Luật sửa đổi, bổ sung BLHS 2015 được ban hành và có hiệu lực. Theo kế hoạch dự kiến Ban soạn thảo Luật sửa đổi, bổ sung BLHS 2015 đưa ra góp ý, tham khảo và trình Quốc hội xem xét trong kỳ họp sắp tới (kỳ họp giữa năm 2017) thời điểm này vô cùng quan trọng và ý nghĩa để đưa ra các kiến nghị góp ý về các quy định về TNHS của pháp nhân nhằm xây dựng BLHS.

2. Kiến nghị

“Trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại theo Bộ luật Hình sự 2015” là bài nghiên cứu tâm huyết của nhóm trong suốt thời gian qua. Sản phẩm nghiên cứu không chỉ cung cấp những kiến thức về các quy định liên quan đến vấn đề TNHS của pháp nhân đặc biệt là pháp nhân thương mại trong BLHS 2015, sản phẩm còn thể hiện cách đánh giá và quan điểm cá nhân của nhóm đối với từng vấn đề cụ thể. Dựa trên những phân tích ở Chương 1 và Chương 2, nhóm nghiên cứu mạnh dạn đưa ra những đề xuất, kiến nghị táo bạo nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật về TNHS của pháp nhân, nội dung cụ thể được trình bày ở Chương 3 một số kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật về TNHS của pháp nhân.

Trong Chương 3, nhóm nghiên cứu tiến hành kiến nghị ở hai phương diện.
Thứ nhất, sửa đổi các quy định về TNHS của pháp nhân thương mại trong BLHS 2015.

Dựa trên những quy định pháp luật đã có sẵn trong BLHS 2015, sau thời gian tìm hiểu và đánh giá, nhóm nghiên cứu nhận thấy những quy định về TNHS của pháp nhân thương mại trong BLHS 2015 cần được sửa đổi để phù hợp hơn với thực tiễn và tình hình vi phạm pháp luật của pháp nhân thương mại ở Việt Nam. Cụ thể, nhóm kiến nghị sửa đổi các quy định liên quan đến điều kiện chịu TNHS, về thời hạn xóa án tích, mở rộng phạm vi miễn hình phạt và hình phạt đối với pháp nhân thương mại phạm tội. *Thứ hai*, bổ sung các quy định về TNHS của pháp nhân. Cụ thể, nhóm kiến nghị mở rộng phạm vi chịu TNHS của pháp nhân thương mại và quy định TNHS đối với pháp nhân phi thương mại nếu có hành vi phạm tội. Những kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định về TNHS của pháp nhân đặc biệt là pháp nhân thương mại trong BLHS 2015 nhằm mục đích hoàn thiện pháp luật, tạo điều kiện tốt nhất để cơ quan có thẩm quyền khi áp dụng các quy định pháp luật vào thực tế được thuận lợi và dễ dàng hơn. Ngoài ra, việc quy định chặt chẽ các quy định pháp luật và mở rộng phạm vi chịu TNHS của pháp nhân sẽ giúp nhà nước tránh được tình trạng để lọt lưới tội phạm. Nhà nước đảm bảo việc dựa vào pháp luật để xử lý các hành vi phạm pháp, xử lý theo nguyên tắc đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Đề tài nghiên cứu ***“Trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại theo Bộ luật Hình sự 2015”*** là tập trung tìm hiểu các quy định pháp luật về TNHS của pháp nhân thương mại trong BLHS 2015, từ đó đưa ra giải pháp và hướng sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật. Để những kiến nghị của bài nghiên cứu được xem xét đưa vào thực hiện trong thực tiễn, nhóm tiến hành thông qua nhiều phương thức tiếp cận khác nhau. Cụ thể, cách tiếp cận nhóm nghiên cứu sử dụng là:

Thứ nhất, thông qua cuộc thi “Sinh viên nghiên cứu khoa học” năm học 2016 - 2017 của trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức. Đây là cuộc thi nhằm mục đích khuyến khích tạo điều kiện để sinh viên đam mê nghiên cứu khoa học có khả năng phát huy và thể hiện tính sáng tạo của bản thân. Đồng thời, các công trình nghiên cứu đạt giải trong cuộc thi “Sinh viên nghiên cứu khoa học” ở trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh có cơ hội tham gia các cuộc thi nghiên cứu khoa học cấp Thành phố và cấp Bộ. Nhóm nghiên cứu nhận thấy, việc tham gia cuộc thi “Sinh viên nghiên cứu khoa học” sẽ là môi trường tốt để nhóm trình bày và đưa các kiến nghị liên quan đến vấn đề quy định TNHS của pháp nhân đến gần với nhiều người, đặc biệt là Quý thầy cô

và các bạn sinh viên chuyên ngành luật. Đây là phương thức tiếp cận trực tiếp mà nhóm nghiên cứu nhận thấy rất thiết thực và thu được hiệu quả cao.

Thứ hai, thông qua trang Dự thảo online (<http://duthaoonline.quochoi.vn>). Trang Dự thảo online là “*nơi cử tri cùng các Đại biểu Quốc hội xây dựng luật*” do Quốc hội quản lý, là nơi trình bày các dự thảo luật; dự thảo pháp lệnh; dự thảo nghị quyết; các tin tức lập pháp; chương trình lập pháp; thảo luận chính sách và trợ giúp pháp luật. Thông qua trang Dự thảo online, nhóm đã tiến hành trình bày những kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật về TNHS của pháp nhân đặc biệt là pháp nhân thương mại trong BLHS 2015. Đây là phương thức nhằm đưa những kiến nghị của nhóm về quy định TNHS của pháp nhân đến các nhà làm luật. Ngoài ra, nhóm còn thông qua các trang điện tử của Bộ Tư pháp, Ủy ban tư pháp của Quốc hội, các website của các Đại biểu Quốc hội để trình bày các kiến nghị trong bài nghiên cứu.

Bằng khả năng và nỗ lực của mình, nhóm tin rằng công trình nghiên cứu “***Trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại theo Bộ luật Hình sự 2015***” sẽ là một trong những tư liệu tham khảo hữu ích để các nhà làm luật thực hiện việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về hình sự, đặc biệt là quy định về TNHS của pháp nhân. Mặt khác, công trình nghiên cứu cung cấp nguồn kiến thức bổ ích về vấn đề TNHS của pháp nhân đối với những người đã từng đọc.

PHẦN D. DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Các bài viết trong ngành

1. PGS.TS Phạm Hồng Hải (1999), “*Pháp nhân có thể là chủ thể của tội phạm hay không?*”, được đăng trên tạp chí luật học số 06/1999;
2. PGS.TS Nguyễn Thái Phúc (2014), “*Trách nhiệm hình sự của pháp nhân – những vấn đề lý luận và thực tiễn*”, bài viết tham dự Hội thảo Ủy ban pháp luật của Quốc Hội;
3. PGS.TS Nguyễn Thái Phúc (2007), “*Ba mô hình xử lý hình sự pháp nhân*”, Báo Pháp luật TPHCM;
4. Trịnh Quốc Toàn (2005), “*Trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong luật hình sự của nước ngoài và mô hình lý luận của nó trong pháp luật hình sự Việt Nam trong tương lai*”, Đề tài nghiên cứu cơ bản Khoa học Xã hội và Nhân văn cấp Đại học Quốc gia Hà Nội;
5. Cao Thị Oanh (2011), “*Nghiên cứu so sánh cơ sở lý luận và thực tiễn của việc áp dụng trách nhiệm hình sự đối với tổ chức*”, Đề tài cấp Bộ, Viện khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp;
6. TS. Nguyễn Văn Hương (2016), “*Trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại theo Bộ luật Hình sự năm 2015*”, Tạp chí Luật học số 4/2016;
7. Nguyễn Văn Thuyết (2016), “*Quy định về trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại trong Bộ luật Hình sự năm 2015*”, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 5/2016;
8. Ths. Nguyễn Quý Khuyến (2016), “*Mối quan hệ giữa trách nhiệm hình sự của cá nhân và pháp nhân thương mại trong Bộ luật Hình sự năm 2015*”, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 6/2016;
9. TS. Trịnh Quốc Toàn, “*Vấn đề trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay*” trong tọa đàm ngày 21 tháng 11 năm 2012, Dự án JICA;
10. Báo cáo của Tổng Cục thuế về tình hình nợ đọng thuế năm 2013 – 2014, – Theo giải trình của Ban soạn thảo BLHS 2015;
11. Báo cáo của Bảo hiểm xã hội Việt nam về thực trạng vi phạm pháp luật và đề xuất hình sự hóa hành vi trốn đóng bảo hiểm cho người lao động. (tháng 10 năm 2014) – Theo giải trình của Ban soạn thảo BLHS 2015;

12. Tạp chí Luật học số 8/2007;
13. Sách “Nhà nước và Pháp luật” của Viện Hàn Lâm Khoa học XHVN, xuất bản tháng 5/2016;
14. Nguyễn Ngọc Hòa, *Trách nhiệm hình sự của chủ thể là tổ chức và vấn đề sửa đổi BLHS Việt Nam*, Tạp chí Luật học (ĐH Luật Hà Nội), số 12/2014;
15. Báo cáo của Bảo hiểm xã hội Việt nam về thực trạng vi phạm pháp luật và đề xuất hình sự hóa hành vi trốn đóng bảo hiểm cho người lao động.
16. Bộ TN & MT, Báo cáo tổng kết 8 năm thi hành Luật Bảo vệ môi trường 2005 (2005 - 2013), tháng 7/2
17. Báo cáo tổng kết 8 năm thi hành Luật Bảo vệ môi trường 2005 (2005 – 2013);
18. Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam, Trường đại Học Luật Hà nội, Nhà xuất bản Công an nhân dân;
19. Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, Trường đại học Luật Hà Nội, nhà xuất bản Công an nhân dân;
20. Ths. Hoàng Trí Ngọc, Vụ Tư pháp, Văn phòng Quốc hội, NCS Viện Luật, Đại học Nhân dân Trung Quốc đăng trên trang web của Trung tâm Tư vấn pháp luật tại Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Trung ương Hội luật gia Việt Nam
21. Bộ TN & MT, Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2013 và kế hoạch công tác năm 2014 của ngành tài nguyên và môi trường, tháng 12/2013;
22. Giải trình của Ban soạn thảo BLHS 2015;

II. Văn bản pháp luật

23. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 51/2001/QH10;
24. Bộ luật Hình sự số 15/1999/QH10 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 21 tháng 12 năm 1999.
25. Bộ Luật sửa đổi một số điều của Bộ luật Hình sự số 37/2009/QH12 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 19 tháng 06 năm 2009;

26. Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 27 tháng 11 năm 2015;

27. Nghị quyết số 144/2016/QH13 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2016 về việc đẩy lùi hiệu lực của Bộ Luật hình sự số 10/2015/QH11;

28. Bộ luật Tố tụng Hình sự số 101/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 27 tháng 11 năm 2015;

29. Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;

30. Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014

31. Luật số 15/2012/QH13 về Xử lý vi phạm hành chính của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 20 tháng 6 năm 2012;

32. Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 25 tháng 11 năm 2015;

III. Các bài báo, bài viết có liên quan

33. “*Quảng Bình: Tour du lịch 'teo tóp' và hủy hàng loạt vì 'đại nạn' cá chết*”. Đăng trên Báo Tuổi trẻ;

34. “*Vụ Vedan "giết" sông Thị Vải: "Thành công" suốt 14 năm*” đăng trên báo tuoitre.vn ngày 16/08/2009;

35. “*Nicotex đã 'phi tang' hơn 5 tấn thuốc trừ sâu xuống đất?*” đăng trên báo nguoiduatin.vn ngày 06/09/2013;

36. “*Cá chết miền Trung: Doanh nghiệp du lịch ngò trên đồng lửa*”. Báo Vietnamnet đăng;

37. “*Vụ cá chết: Ảnh hưởng nghiêm trọng sản xuất và du lịch miền Trung*”. Báo Đại Kỷ Nguyên đăng 27 tháng 4 năm 2016;

38. “*Formosa Hà Tĩnh cúi đầu nhận lỗi, cam kết bồi thường 11.500 tỷ đồng*”
Báo Nguoidothi ngày 30 tháng 6 năm 2016;
39. “*Quảng Bình thu gom hơn 100 tấn cá chết sau thảm họa "biển chết"*”. Báo Vietnamnet ngày 29 tháng 4 năm 2016;
40. “*Tham nhũng: Liệu doanh nghiệp có thoát khỏi vòng luẩn quẩn*”, bản báo cáo của nhóm nghiên cứu thuộc WB công bố ngày 31/10/12 đăng trên báo Vneconomy.vn;
41. Trang thông tin điện tử tổng hợp của Ban Nội chính trung ương <http://noichinh.vn>;
42. Công thông tin Nam <http://quochoi.vn>; điện tử Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt
43. Công thông tin điện tử Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (<http://chinhphu.vn>);

IV. Tài liệu nước ngoài

44. Bratux X. N. “*Trách nhiệm pháp lí và pháp chế*”, Maxcova, 1976;
45. Andrew Weissman Andrew, “*Rethinking Criminal Corporate Liability*”, Indianlaw Journal 2007;
46. Anca Iulia Pop, *Criminal Liability of corporations – Comparative Jurisprudence*, Anca Iulia Pop;
47. Brent Fisse, *Reconstructing corporate criminal law: Deterrene retribution, fault, and sanctions*, Southern California Law Review;

V. Một vài tài liệu có liên quan khác.

PHẦN E. PHỤ LỤC

PHỤ LỤC A

BẢNG SO SÁCH TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ VÀ TRÁCH NHIỆM HÀNH CHÍNH CỦA PHÁP NHÂN THƯƠNG MẠI

Tiêu chí	Trách nhiệm hành chính của pháp nhân thương mại	Trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại
Tính chất	Giống nhau: Đều là hậu quả pháp lý bất lợi mà nhà nước bắt buộc các pháp nhân thương mại có hành vi vi phạm pháp luật phải gánh chịu.	
	- TNHC được thể hiện thông qua quyết định hành chính, hành vi vi phạm hành chính mang tính nội bộ của pháp nhân thương mại.	- TNHS được thể hiện thông qua bản án hay quyết định có hiệu lực của Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết.
Đặc điểm	Giống nhau: - Đều là trách nhiệm của pháp nhân thương mại trong quan hệ pháp luật được Nhà nước quản lý điều chỉnh. - Đều là trách nhiệm của pháp nhân thương mại phải chịu trực tiếp trước nhà nước chứ không phải trước chủ thể nào khác.	
	- Là trách nhiệm pháp lý được áp dụng để xử lý các hành vi VPHC theo quy định của pháp luật về xử phạt hành chính. - Là trách nhiệm có mức độ nghiêm khắc thấp.	- Là trách nhiệm pháp lý được áp dụng để xử lý các vi phạm hình sự theo quy định của pháp luật hình sự. - Là trách nhiệm có mức độ nghiêm khắc cao.
Thẩm quyền áp dụng	Giống nhau: Do cơ quan trong bộ máy nhà nước thực hiện.	
	- Thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính thuộc về: cá nhân (Thủ trưởng, phó thủ trưởng, cán bộ công chức hoặc cá nhân có thẩm quyền khác) hoặc cơ quan trong bộ máy nhà nước (Ủy ban	Thẩm quyền xử lý TNHS chỉ thuộc về hệ thống Tòa án, chỉ có Tòa án mới có thể ra quyết định để một người phải chịu trách nhiệm hình sự.

	<p>nhân dân, Tòa án, Cơ quan công an hoặc cơ quan có thẩm quyền khác tương ứng thực hiện).</p>	
<p>Đối tượng áp dụng</p>	<p>Giống nhau: Đều là pháp nhân thương mại.</p>	
	<p>- Đối tượng chịu TNHC là pháp nhân thương mại Việt Nam được thành lập và có hành vi vi phạm hành chính trên lãnh thổ Việt Nam; pháp nhân thương mại nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong phạm vi lãnh thổ, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của Việt Nam và những quy định pháp luật khác.</p> <p>- Khi pháp nhân thương mại chịu TNHC về hành vi vi phạm thì cá nhân được loại bỏ TNHC đối với hành vi phạm tội đó.</p>	<p>- Đối tượng chịu TNHS là pháp nhân thương mại có những hành vi phạm tội trên lãnh thổ Việt Nam. Trừ những trường hợp pháp luật có quy định khác. Đối với pháp nhân thương mại Việt Nam có hành vi phạm tội ở ngoài lãnh thổ Việt Nam nhưng được BLHS quy định là tội phạm thì có thể bị truy cứu TNHS tại Việt Nam theo quy định của BLHS.</p> <p>- Đối tượng chịu TNHS là Pháp nhân thương mại khi có đủ các điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh pháp nhân thương mại; + Hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân thương mại; + Hành vi phạm tội được có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân thương mại;

		<ul style="list-style-type: none"> + Chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27 của BLHS. - Việc pháp nhân thương mại chịu TNHS cũng không ảnh hưởng hay loại bỏ TNHS của cá nhân;
<p>Hình thức xử lý</p>	<p>Giống nhau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thức xử lý gồm hình phạt chính và hình phạt bổ sung. Hình phạt chính gồm: phạt tiền và đình chỉ hoạt động có thời hạn. - Đối với mỗi pháp nhân thương mại vi phạm pháp luật chỉ bị áp dụng một hình thức xử phạt chính và có thể bị áp dụng một hoặc một số hình phạt bổ sung. 	
	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức xử phạt chính gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Cảnh cáo; + Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn; - Hình thức xử phạt bổ sung gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn. - Đối với hình thức phạt tiền áp dụng cho pháp nhân thương mại chịu TNHC thì bị phạt từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng, đối với từng lĩnh vực vi phạm tương ứng đối với thành phố trực thuộc trung ương có thể 	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức xử phạt chính gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Đình chỉ hoạt động vĩnh viễn. - Hình thức xử phạt bổ sung gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định; + Cấm huy động vốn; + Phạt tiền, khi không áp dụng là hình phạt chính. - Đối với hình thức phạt tiền áp dụng cho pháp nhân thương mại chịu TNHS, “mức tiền phạt được quyết định căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm và có xét đến tình hình tài chính của pháp nhân thương mại phạm tội, sự biến động của giá cả nhưng không thấp hơn 50.000.000 đồng”^[56].

⁵⁶ Khoản 2, Điều 77 BLHS 2015

	<p>cao hơn nhưng không quá 2 lần⁵⁵.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn đình chỉ có hoạt động có thời hạn từ 01 tháng đến 24 tháng. - Bên cạnh việc chịu các hình thức xử phạt tương ứng với mức độ phạm tội, đối với pháp nhân thương mại chịu TNHS, tòa án có thể quyết định áp dụng các biện pháp tư pháp nhằm khôi phục và ngăn chặn những hậu quả xấu do hành vi vi phạm đó (xem cụ thể tại Điều 82 BLHS). 	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm. - Bên cạnh việc chịu các hình thức xử phạt tương ứng với mức độ phạm tội, đối với pháp nhân thương mại chịu TNHS, tòa án có thể quyết định áp dụng các biện pháp tư pháp nhằm khôi phục và ngăn chặn những hậu quả xấu do hành vi vi phạm đó (xem cụ thể tại Điều 82 BLHS).
<p>Thủ tục áp dụng</p>	<p>Giống nhau: đều được tiến hành theo 1 thủ tục nhất định do pháp luật quy định.</p>	
	<p>Thủ tục xử lý vi phạm hành chính gồm: thủ tục đơn giản và thủ tục đầy đủ được tiến hành đa phần nhanh chóng có thể thực hiện ngay khi có hành vi VPHC xảy ra. Thời hạn ra quyết định xử phạt hành chính ngắn, đối với những vụ việc phức tạp là 30 ngày, nếu cần xác minh thêm cũng chỉ thêm 30 ngày.</p>	<p>Thủ tục xử lý vi phạm hình sự được tiến hành theo trình tự và thủ tục đặc biệt nên thường mất nhiều thời gian hơn.</p> <p>Thời hạn ra quyết định chịu TNHS còn tùy thuộc vào diễn biến và tình tiết vụ án.</p>

⁵⁵ Khoản 1 Điều 23 Luật xử lý phi phạm hành chính 2012

PHỤ LỤC B MỘT SỐ TÀI LIỆU THAM KHẢO

TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ CỦA PHÁP NHÂN – NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

PGS.TS luật Nguyễn Thái Phúc

Học viện Tư pháp Bộ Tư pháp

I. Trách nhiệm hình sự của pháp nhân – kinh nghiệm của thế giới.

Vấn đề trách nhiệm hình sự (TNHS) của pháp nhân có lịch sử tương đối lâu dài. Trong thời kỳ phong kiến ở châu Âu đã có những quy định rất rộng của pháp luật về chủ thể TNHS trong đó bao gồm cả súc vật và những vật thể vô tri vô giác. Quan điểm lúc đó là quan điểm buộc tội khách quan – dựa trên thực tế khách quan về thiệt hại xảy ra để quy kết trách nhiệm của tác nhân gây thiệt hại vì vậy gần như không có những trở ngại hình thức nào khi truy cứu TNHS của tổ chức. Cụ thể ở Pháp thế kỷ 16-18 đã có những quy định về hình phạt đối với những tội phạm do cộng đồng hoặc hội đoàn thực hiện. Vào cuối thế kỷ 18 tình trạng trên đã thay đổi ở các nước thuộc nhóm hệ thống pháp luật Roman - Giécmanh khi Cách mạng Pháp khi đưa ra một trong những nguyên tắc dân chủ của pháp luật hình sự - nguyên tắc trách nhiệm cá nhân của người có lỗi thực hiện hành vi tội phạm. Cùng với thời gian nguyên tắc này đã trở thành nguyên tắc kinh điển của pháp luật hình sự của nhiều quốc gia trên thế giới thay thế cho nguyên tắc buộc tội khách quan và chế định TNHS của pháp nhân không được chấp nhận trong pháp luật hình sự của các quốc gia này. Ở các nước thuộc hệ thống thông luật thì tình hình ngược lại, ngay từ đầu các nước này đã có thái độ phủ nhận chế định TNHS của pháp nhân nhưng cùng với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản thì đã có sự thay đổi theo hướng ngược lại. Ở Anh tư tưởng về TNHS của pháp nhân được thừa nhận khoảng giữa thế kỷ 19 khi các thẩm phán tuyên các bản án về lỗi của các tổ chức khi vi phạm các nghĩa vụ pháp lý của mình. Ở Hoa kỳ chế định này được thừa nhận vào khoảng năm 1909. Như vậy cách đây không lâu thì chế định TNHS của pháp nhân được xem như là đặc thù của pháp luật hình sự của các quốc gia thông luật. Tuy nhiên ngày nay càng có nhiều quốc gia áp dụng chế định này trong pháp luật hình sự của mình. Một trong những động lực của hiện tượng này chính là sự cần thiết tăng cường đấu tranh chống lại tội phạm môi trường và tội phạm kinh tế bởi lẽ người ta đã thấy rằng TNHS của cá nhân những người có trách nhiệm trong pháp nhân cũng không thể bù đắp lại được những thiệt hại gây ra và phòng ngừa ngăn chặn những hành vi tội phạm tương tự. Hiện nay chế định TNHS

của pháp nhân đã được thừa nhận trong pháp luật của phần lớn các nước theo hệ thống thông luật như Anh, Hoa Kỳ, Canada, Úc; một số nước thuộc hệ thống châu Âu lục địa như Áo, Bỉ, Hungary, Đan Mạch, Hà Lan, Na Uy, Ba Lan, Rumany, Xlovenhia, Phần Lan, Pháp, Thụy Sĩ; châu Á có Trung Quốc, Singsapore, Thái Lan, Malaixia, Indonesia, Philippines.

Vấn đề TNHS của pháp nhân càng ngày càng được ủng hộ ở tầm quốc tế. Ngay từ năm 1929 Hội nghị quốc tế về pháp luật hình sự ở Bucaret đã nêu vấn đề thừa nhận chế định này. Năm 1946 Tòa án quốc tế Nurnumber cũng đã đưa ra ý tưởng thừa nhận các quốc gia và các tổ chức của quốc gia là chủ thể của tội phạm quốc tế. Năm 1978 Ủy ban châu Âu về những vấn đề tội phạm của Hội đồng châu Âu đã khuyến nghị các nhà lập pháp các quốc gia châu Âu thừa nhận pháp nhân là chủ thể TNHS về các tội phạm môi trường. Trong nhiều Công ước của Liên hiệp quốc cũng có những khuyến nghị tương tự như vậy thí dụ như Công ước quốc tế về trừng trị việc tài trợ cho khủng bố, Công ước về đấu tranh chống tham nhũng 1997, Công ước về bảo vệ môi trường bằng pháp luật hình sự 1998, Công ước về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia. Ủy ban Bộ trưởng các nước thành viên Hội đồng châu Âu cũng ban hành một khuyến nghị về TNHS của pháp nhân đối với các vi phạm pháp luật trong quá trình hoạt động kinh doanh của mình.

Tuy nhiên tư tưởng nói trên cho đến nay vẫn chưa có được sự thừa nhận chung. Đại đa số các quốc gia thuộc hệ thống pháp luật Roman- Giemanh vẫn cho rằng để đấu tranh hiệu quả với các vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong lĩnh vực môi trường và kinh tế của pháp nhân thì cũng chỉ cần đến các quy định hiện hành về trách nhiệm hành chính và trách nhiệm dân sự là đủ. Ở nước Nga đến 1991 mới thực sự xem xét nghiêm túc đề nghị quy định pháp nhân là chủ thể của TNHS. Trong hai Dự thảo đầu tiên của BLHS hiện hành (1996) đã có những quy định về vấn đề này. Tuy nhiên đến khi thảo luận và biểu quyết thông qua ngay từ vòng một tại cơ quan lập pháp Duma thì quy định này đã không được chấp nhận và kết quả là BLHS hiện hành không có quy định về TNHS của pháp nhân.

Việc thừa nhận chế định TNHS của pháp nhân đòi hỏi khách quan phải giải quyết một số vấn lý luận sau đây :

1. Vấn đề lỗi : Lỗi là vấn lý luận về mặt chủ quan của tội phạm và là một trong những điều kiện bắt buộc của TNHS. Lỗi được hiểu là thái độ tâm lý của con người cụ thể đối

với hành vi của mình. Những người phản đối TNHS của pháp nhân cho rằng pháp nhân – về bản chất là thực thể pháp lý trừu tượng – không thể có bất kỳ thái độ tâm lý nào và do vậy không thể nói đến lỗi của pháp nhân. Việc áp dụng TNHS với pháp nhân không phù hợp với nguyên tắc cá thể hóa hình phạt, không công bằng và không thể áp dụng nhiều hình phạt chính đặc trưng của luật hình sự đối với pháp nhân (tù, tử hình....) Những người ủng hộ chế định TNHS của pháp nhân căn cứ vào các học thuyết trách nhiệm thay thế, học thuyết đồng nhất hóa trách nhiệm hoặc học thuyết văn hóa đưa ra những lập luận làm cơ sở cho quan điểm của mình. Tbhí dụ ở Anh – một trong các quốc gia thừa nhận TNHS của pháp nhân đã căn cứ vào học thuyết đồng nhất hóa trách nhiệm để chấp nhận cách hiểu lỗi của pháp nhân thể hiện trong hành vi, trong lỗi của người lãnh đạo – người đại diện hợp pháp của pháp nhân. Hành động hoặc không hành động và thái độ tâm lý của người đại diện hợp pháp của pháp nhân được xem là hành vi và thái độ tâm lý của pháp nhân. Pháp nhân được hưởng lợi ích từ những quyết định, hành vi của người lãnh đạo pháp nhân, người đại diện của pháp nhân thì pháp nhân cũng phải chịu trách nhiệm từ quyết định và hành vi của những người này. Trong trường hợp thực hiện tội phạm bởi người đại diện của pháp nhân thì pháp nhân chịu TNHS với tư cách là người thực hiện.

2. Điều kiện TNHS của pháp nhân: Pháp nhân chỉ chịu TNHS về hành phạm tội của thể nhân là những người làm công, nhân viên hoặc người lãnh đạo, quản lý của pháp nhân tức là giữa những người thực hiện hành vi tội phạm và pháp nhân phải tồn tại quan hệ pháp luật ràng buộc nhất định. Như vậy chỉ có thể nói về TNHS của pháp nhân khi có hai điều kiện sau đây :

- + Hành vi tội phạm được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân
- + Hành vi tội phạm thực hiện bởi người lãnh đạo hoặc người đại diện của pháp nhân trong phạm vi chức năng thẩm quyền mà pháp nhân trao cho người đó.

Theo quy định chung thì TNHS của pháp nhân không thay thế TNHS của thể nhân mà cùng tồn tại và bổ sung cho TNHS của thể nhân. Nguyên tắc TNHS của pháp nhân không loại trừ TNHS của thể nhân hay còn gọi là “nguyên tắc trách nhiệm kép” được ghi nhận trong BLHS của Trung Quốc, Litva, Moldova, Pháp, Extonia. Lỗi trong thực hiện hành vi tội phạm của pháp nhân được xác định thông qua lỗi của người lãnh đạo hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân cho nên khi hành vi tội phạm xảy ra vừa phải truy cứu TNHS của người lãnh đạo pháp nhân vừa truy cứu TNHS của pháp

nhân. Theo luật của Pháp thì pháp nhân cũng có thể bị truy cứu TNHS cùng với thể nhân hoặc độc lập với thể nhân. Đ.121.2 của BLHS Pháp quy định TNHS của pháp nhân không loại trừ TNHS của thể nhân – “ người thực hành hoặc đồng phạm trong những hành vi đó”.TNHS của pháp nhân theo luật của Pháp xuất hiện khi có hai điều kiện: hành vi tội phạm đã thực hiện vì mục đích của pháp nhân hoặc do người đại diện của pháp nhân thực hiện. Mặt khác TNHS của pháp nhân xuất hiện không phải vì thực hiện bất kỳ hành vi tội phạm nào mà chỉ xuất hiện đối với những tội phạm ghi rõ trong luật thí dụ như các hành vi tội phạm chống loài người, các hành vi tội phạm không cố ý xâm phạm tính mạng, quyền bất khả xâm phạm của con người, truyền bá ma túy trái phép, phân biệt chủng tộc , môi giới mại dâm...TNHS của pháp nhân có thể xuất hiện ngay cả trong trường hợp phạm tội chưa đạt, đồng thực hành hoặc đồng phạm với hình thức giúp sức hoặc che dấu tội phạm. Tuy vậy giữa trách nhiệm của người lãnh đạo pháp nhân và trách nhiệm của pháp nhân không có mối liên hệ chặt chẽ nào tức là pháp nhân có thể bị trừng phạt không phụ thuộc vào trừng phạt hoặc thậm chí không phụ thuộc vào việc truy cứu TNHS của cá nhân. Chẳng hạn k2 Đ.51 BLHS của Hà Lan ghi nhận trường hợp hành vi vi phạm pháp luật hình sự do pháp nhân gây ra thì có thể áp dụng hình phạt đối với pháp nhân hoặc đối với cá nhân ra lệnh thực hiện hành vi tội phạm hoặc chỉ đạo thực hiện hành vi tội phạm hoặc với cả hai chủ thể (pháp nhân và thể nhân). BLHS của Ucraina và Na Uy quy định TNHS cho pháp nhân ngay cả trong trường hợp không xác định được lỗi hoặc không thể áp dụng hình phạt đối với thể nhân cụ thể. Cty có thể phải chịu TNHS cùng với thể nhân hoặc độc lập với thể nhân. Ở Anh , pháp nhân bị truy cứu TNHS với tư cách là người thực hiện hành vi tội phạm nếu tội phạm thực hiện nhân danh pháp nhân do đại diện hoặc người quản lý của pháp nhân thực hiện trong phạm vi quyền hạn của mình. Tuy nhiên tùy theo tình huống của vụ án pháp nhân cũng có thể bị truy cứu TNHS với tư cách là đồng phạm –người giúp sức hoặc đồng phạm – người tổ chức.

3. Các loại pháp nhân là chủ thể của TNHS:

Pháp luật hình sự của các quốc gia không có quy định thống nhất về phạm vi pháp nhân có thể trở thành chủ thể của TNHS. Pháp luật hình sự của một số quốc gia quy định bất kỳ tổ chức nào cũng phải chịu TNHS không phụ thuộc vào điều kiện tổ chức đó có tư cách pháp nhân hay không, chỉ cần tổ chức đó có ngân sách độc lập. Theo BLHS của Bỉ, Đan Mạch, Pháp thì TNHS áp dụng không chỉ đối với các pháp nhân hoạt động kinh

doanh thương mại mà cả các pháp nhân luật công bao gồm cơ quan quyền lực và tự quản địa phương. Chỉ có nhà nước được xem là ngoại lệ, không phải là chủ thể của TNHS. Luật của Đan Mạch quy định TNHS có thể áp dụng cho bất kỳ pháp nhân nào bao gồm các công ty cổ phần, hợp tác xã, các doanh nghiệp, các quỹ, cơ quan tự quản địa phương và cơ quan quyền lực nhà nước. Tuy nhiên TNHS của các pháp nhân luật công thường có tính hạn chế. Thí dụ như BLHS của Bỉ và Pháp quy định không thể áp dụng biện pháp chế tài là “xóa sổ” đối với loại pháp nhân này. BLHS của Pháp cũng không áp dụng quy định này đối với các đảng phái chính trị và tổ chức công đoàn. BLHS của Trung Quốc, Litva, Na Uy chỉ quy định TNHS của pháp nhân luật tư hoặc chỉ áp dụng với tổ chức kinh doanh. BLHS mẫu của Hoa Kỳ khi xác định phạm vi chung về TNHS của tổ chức đã ghi rõ khái niệm tổ chức không bao gồm các tổ chức được thành lập với tư cách cơ quan của chính phủ hoặc cơ quan thực hiện chương trình của chính phủ. BLHS của Trung Quốc trong lần bổ sung năm 1997 đã ghi nhận chủ thể TNHS có thể là các công ty, xí nghiệp, tổ chức, cơ quan và tập thể thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội.

4. Hình phạt áp dụng đối với pháp nhân .

Một trong những đặc thù về TNHS của pháp nhân so với TNHS của thể nhân là không thể áp dụng đối với pháp nhân một số loại hình phạt như phạt tù, lao động công ích, tử hình. Đặc thù của pháp nhân với tư cách là chủ thể của TNHS đòi hỏi khách quan phải xây dựng hệ thống hình phạt phù hợp. Một trong những hình phạt phổ biến đối với pháp nhân là phạt tiền. Hình phạt này được ghi nhận trong pháp luật hình sự của hầu hết các quốc gia thừa nhận TNHS của pháp nhân(trừ Albany). Pháp luật hình sự của các nước theo hệ thống thông luật và một số nước như Đan Mạch, Tây Ban Nha, Trung Quốc, Phần Lan quy định phạt tiền là hình phạt duy nhất áp dụng đối với pháp nhân. Ở một số nước khác pháp luật quy định nhiều loại hình phạt hơn thí dụ như Na Uy là 2; Tân Ban Nha là 4, Bỉ là 6 và Pháp là 9. Phân tích pháp luật hình sự của một số nước trên thế giới cho thấy ngoài hình phạt tiền ra thì còn có những loại hình phạt sau đây áp dụng cho pháp nhân :

- + Tịch thu đặc biệt
- + Hạn chế hoạt động của pháp nhân trong đó có cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định, đóng cửa đại lý hoặc chi nhánh của pháp nhân
- + Tạm ngừng hoạt động của pháp nhân

+ Giải thể pháp nhân

Theo ý kiến của một số nhà nghiên cứu thì trong thời đại ngày nay tội phạm của pháp nhân thực sự là mối nguy hiểm về an ninh kinh tế của các nhà nước đang phát triển và nhất là cho lợi ích của những doanh nghiệp trung thực khi tham gia vào hoạt động kinh doanh thương mại. Hiện tượng tội phạm này ảnh hưởng tiêu cực đến sự thu hút đầu tư của nước ngoài vì làm tăng rủi ro, giảm khả năng bảo vệ chống lại tội phạm của một số công cụ tài chính dẫn đến dòng vốn của tư bản nước ngoài chuyển hướng sang quốc gia khác. Ngoài ra tội phạm của pháp nhân còn làm mất ổn định những yếu tố nền tảng của kinh tế góp phần làm giảm sút các chỉ số tăng trưởng kinh tế. Ở một số quốc gia đã thấy có hiện tượng giá cả tăng nhanh chóng không chỉ do nguyên nhân tác động của giá cả thế giới mà còn do sự đầu cơ và thổi giá trên thị trường hàng hóa và dịch vụ, lợi dụng những yếu kém của nền kinh tế để trục lợi. Từ thực tiễn điều chỉnh pháp luật đối với chế định TNHS của pháp nhân của nhiều nước trên thế giới chúng ta có thể thấy có ba mô hình điều chỉnh điển hình sau đây:

+ Mô hình thứ nhất dựa trên quan điểm theo đó pháp nhân và thể nhân đều được nhìn nhận như là những chủ thể độc lập của tội phạm. Mô hình này đặc trưng cho các nước theo hệ thống thông luật như Anh, Hoa Kỳ, Scotlen, Canada, Úc, các nước nguyên là thuộc địa của Anh và một số nước thuộc hệ thống pháp luật Roman- Giecmann (Áo, Bỉ, Pháp Đức, Hà lan , Luxembure, Bồ Đào Nha), các nước nguyên là thuộc địa của Pháp, Phần Lan... Chế định TNHS của pháp nhân cũng được du nhập vào pháp luật của một số nước trước kia thuộc Liên Xô cũ như Grudia, Latvia, Moldova, Extonia. Trong mô hình này đối với pháp nhân ngoài những quy định chung của pháp luật hình sự cấm thực hiện những hành vi nhất định như đối với thể nhân còn có những quy định riêng về TNHS dành cho pháp nhân.. Thí dụ năm 1978 ở bang Indiana Hoa Kỳ đã khởi tố và buộc tội một công ty sản xuất ô tô về tội giết người do có ba người đã bị chết cháy trong ô tô do cty sản xuất. Ban lãnh đạo cty đã quyết định cho xuất xưởng loại ô tô này mặc dù biết rằng bình xăng của ô tô được thiết kế ở vị trí nguy hiểm và có thể gây cháy nổ khi có va chạm.

Hạn chế của mô hình này nếu muốn áp dụng trực tiếp vào hệ thống pháp luật hình sự của các quốc gia Nga, Việt Nam là sự không tương thích của nó với lý luận truyền thống của khoa học luật hình sự về lỗi. (Lỗi là thái độ tâm lý của thể nhân đối với hành vi của mình và chỉ khi thực hiện hành vi có lỗi thì mới được xem là nguy hiểm cho xã hội).

Mô hình thứ hai về điều chỉnh chế định TNHS của pháp nhân đã nhấn mạnh nhiều hơn nguyên tắc lỗi trong TNHS và chỉ thừa nhận thể nhân là chủ thể duy nhất của TNHS. Tuy nhiên trong trường hợp có sự tham gia của pháp nhân trong tội phạm do thể nhân thực hiện vì lợi ích của pháp nhân thì lúc này pháp nhân cùng với thể nhân đều bị tác động của pháp luật hình sự. Mô hình về TNHS của pháp nhân này chỉ có tính ước lệ vì vậy nhiều tác giả gọi mô hình này là “TNHS quasi” của pháp nhân (giống như TNHS nhưng thực chất không phải TNHS). Mô hình này thực chất là giải pháp có tính trung gian theo đó về hình thức thì pháp nhân không được thừa nhận là chủ thể của TNHS nhưng vẫn có thể áp dụng một số chế tài hình sự đối với pháp nhân. Những chế tài này về bản chất có tính chất TTHS nhiều hơn. Thí dụ như áp dụng biện pháp tịch thu tài sản và trong trường hợp này trách nhiệm của pháp nhân có tính chất là chế định của trách nhiệm pháp lý khác nhiều hơn là chế định của luật hình sự.

Mô hình này hiện nay được thừa nhận ở Đức, Italy, Thụy Điển, Tây Ban Nha, Áo, Albany, Latvia, Mecxico, Peru, Thổ Nhĩ kỳ. Ở Italy quy định TNHS quasi cho pháp nhân vào năm 1990 đối với hành vi vi phạm pháp luật về tự do cạnh tranh. Ở Tây Ban Nha nhìn chung là không thừa nhận TNHS của pháp nhân nhưng trong BLHS mới vẫn cho phép áp dụng với pháp nhân những biện pháp an ninh, thí dụ như Đ. 194 BLHS Tây Ban Nha ghi nhận khả năng đóng cửa thường xuyên hoặc tạm thời đối với doanh nghiệp hoặc một phần của doanh nghiệp nếu như chúng đã được sử dụng vào mục đích mại dâm. Luật nói rõ là những biện pháp này được áp dụng vì mục đích phòng ngừa tội phạm. Trong BLHS mới của Ba Lan cũng có quy định về việc áp dụng một số biện pháp cưỡng chế đối với pháp nhân trong trường hợp pháp nhân có liên quan đến hành vi tội phạm do thể nhân thực hiện. Cụ thể theo Đ.52 của BLHS Ba Lan : “trong trường hợp pháp nhân thu nhận được lợi ích tài sản từ hành vi tội phạm do thể nhân thực hiện nhân danh pháp nhân hoặc vì lợi ích của pháp nhân thì Tòa án buộc chủ thể đã nhận lợi ích tài sản đó trả lại đầy đủ hoặc một phần cho công quỹ”. BLHS của Áo không quy định trực tiếp TNHS của pháp nhân mà chỉ nói về TNHS của thể nhân nhưng bên cạnh đó lại quy định nếu như một pháp nhân nào đó làm giàu lên thông qua hành vi thực hiện tội phạm của cá nhân sử dụng tài sản có nguồn gốc từ tội phạm thì sẽ bị phạt tiền với số lượng tương đương thu nhập do tội phạm mà có. BLHS Tây Ban Nha quy định trách nhiệm liên đới của pháp nhân đối trong trường hợp người đại diện của pháp nhân bị phạt tiền nếu như đại diện của pháp nhân đã thực hiện hành vi tội phạm với tư cách đó

hoặc thực hiện vì lợi ích của pháp nhân.

Theo ý kiến của một số nhà nghiên cứu Nga thì mô hình này có thể phù hợp hơn nếu áp dụng vào hệ thống pháp luật hình sự của nước Nga bởi lẽ nó cho phép đấu tranh có hiệu quả với tội phạm của pháp nhân mà không cần thay đổi các học thuyết của khoa học luật hình sự - các học thuyết khẳng định nguyên tắc nền tảng của pháp luật hình sự là nguyên tắc trách nhiệm cá nhân. Bên cạnh đó khi không thừa nhận pháp nhân là chủ thể của TNHS thì những hậu quả pháp lý - hình sự bất lợi do có sự tham gia của pháp nhân trong thực hiện tội phạm sẽ được xem xét giải quyết không phải bằng chế định hình phạt (chỉ áp dụng cho thể nhân) mà bằng những biện pháp tác động khác của pháp luật hình sự.

Mô hình thứ ba là mô hình xử lý trách nhiệm hành chính (TNHC) của pháp nhân khi có sự liên quan của pháp nhân trong thực hiện tội phạm độc lập với xử lý TNHS của thể nhân – người đại diện hợp pháp của pháp nhân. Pháp luật hình sự không chỉ không thừa nhận pháp nhân là chủ thể của TNHS mà còn không đề cập đến khả năng và giải pháp xử lý trách nhiệm của pháp nhân trong trường hợp này. Trong quá trình truy cứu TNHS đối với hành vi tội phạm của người đại diện hợp pháp của pháp nhân cơ quan tiến hành tố tụng có thể đặt vấn đề truy cứu TNHC đối với pháp nhân và việc xử lý TNHC của pháp nhân thực hiện theo quy định của pháp luật về thủ tục xử lý TNHC. Hạn chế của mô hình này là sự không phù hợp trong đánh giá tính chất nguy hiểm cho xã hội về sự tham gia của hai chủ thể pháp nhân và thể nhân trong cùng một sự kiện phạm tội : sự tham gia của thể nhân trong sự kiện phạm tội được nhìn nhận là hành vi nguy hiểm cho xã hội (tội phạm) còn đối với pháp nhân lại chỉ nhìn nhận như hành vi vi phạm hành chính trong khi ý chí của pháp nhân cũng nhằm đến kết quả của tội phạm. Các biện pháp chế tài hành chính không phù hợp với tính nguy hiểm của hiện tượng phạm tội của pháp nhân, kể cả những biện pháp chế tài như rút giấy phép kinh doanh, cấm hoạt động, giải tán pháp nhân...Chính những hạn chế nói trên của pháp luật hành xử lý vi phạm pháp luật hành chính đã dẫn đến hệ quả là một số pháp nhân không bị trừng phạt khi đã tìm cách đạt được những mục đích của mình bằng con đường phạm tội. Trường hợp xấu nhất thì pháp nhân có thể chấp nhận “hy sinh” ai đó trong số những người quản lý hay đại diện hợp pháp của mình khi những người này bị truy cứu TNHS còn bản thân pháp nhân không trong sạch này lại tiếp tục tồn tại và hoạt động tội phạm. Mô hình này đặc trưng cho các quốc gia có chính sách ôn hòa về những biện pháp tác động đối với pháp

nhân. Pháp luật hình sự của nước Nga cũng dựa vào mô hình này. Trong BLHS của Nga không có những quy định về chế tài khi tội phạm xảy ra có liên quan đến sự tham gia của pháp nhân mà chỉ có những quy định về chế tài đối với pháp nhân trong pháp luật về vi phạm hành chính. Những quốc gia theo mô hình này trước sự phát triển nhanh chóng của hiện tượng tội phạm liên quan đến pháp nhân và thấy được những hạn chế của các biện pháp chế tài hành chính nên đã xem xét nghiêm túc khả năng chuyển đổi sang áp dụng mô hình thứ nhất hoặc thứ hai nói ở trên. Thí dụ như nước Nga khi lựa chọn con đường hiện đại hóa nền kinh tế của mình hiện nay đã bắt đầu từ bỏ việc hoàn thiện thủ tục trách nhiệm hành chính của pháp nhân khi có sự liên quan đến tội phạm và chuyển sang nghiên cứu khả năng chuyển đổi mô hình xử lý TNHS của pháp nhân.

II. Một số ý kiến về quy định TNHS của pháp nhân trong BLHS 1999 của Việt Nam.

So với nhiều quốc gia thì vấn đề TNHS của pháp nhân là vấn đề còn rất mới mẻ và chưa được nghiên cứu nhiều ở Việt Nam. Tại những Dự thảo đầu tiên về Tờ trình BLHS 1999 có đưa vấn đề TNHS của pháp nhân vào trong những nội dung mới của BL này. Tuy nhiên sau một số cuộc họp ở UBPL của Quốc hội thì Ban soạn thảo đã rút lại, không đưa vào trong Dự thảo Tờ trình chính thức (cuối cùng) trước Quốc hội. Đến lần sửa đổi bổ sung BLHS 1999 thì vấn đề này đã được đưa ra ở phiên họp thảo luận của Quốc hội nhưng vẫn không được Quốc hội chấp nhận. Có thể thấy rằng trong khoảng thời gian từ 1999 đến nay khoa học hình sự của nước ta đã có những bước tiến nhất định trong nghiên cứu khả năng áp dụng chế định TNHS của pháp nhân vào BLHS của nước ta. Đã có nhiều tác giả, nhiều công trình nghiên cứu ở các cấp độ khác nhau mà gần đây nhất là Đề tài NCKH cấp Bộ năm 2010 về cơ sở lý luận và thực tiễn của việc áp dụng TNHS của pháp nhân ở Việt Nam, kinh nghiệm các nước. Cũng như trên thế giới trong khoa học pháp lý Việt Nam tồn tại hai nhóm quan điểm trái ngược nhau về vấn đề này: nhóm phản đối và nhóm ủng hộ. Mỗi nhóm đều đưa ra những cơ sở lập luận của mình.

Chúng tôi hoàn toàn đồng ý với cách đặt vấn đề của quan điểm ủng hộ quy định TNHS của pháp nhân trong BLHS của nước ta ở những góc độ sau đây :

+ Khoa học pháp lý hình sự hiện đại đã giải quyết cơ bản vấn đề vướng mắc nhất khi nói về TNHS của pháp nhân là vấn đề lỗi. Không thể không đồng ý với ý kiến là pháp nhân giống như bất kỳ hình thức liên kết người nào trên cơ sở có chung những lợi ích đều có những mong muốn, ý chí đạt được được mục tiêu cụ thể nào đó. Ngay cả đám

đồng người tự phát cũng có thể có ý chí chung nhưng khác với đám đông tự phát hoạt động của pháp nhân là hoạt động có trật tự, có sự điều chỉnh và do vậy ý chí của pháp nhân có hình thức biểu hiện rõ ràng. Cũng có thể thấy rằng khi tham gia vào lưu thông dân sự và các quan hệ xã hội khác hành động của pháp nhân không phải là tự phát mà là hành động có nhận thức và định hướng đến mục tiêu cụ thể. Do vậy pháp nhân cũng là một cơ cấu hoàn chỉnh cũng có nhận thức và ý chí của mình mà bản chất của chúng nhận thức và ý chí của các thành viên pháp nhân được thể hiện một cách thống nhất, tập trung. Chính vì lý do này mà trong nhiều lĩnh vực pháp luật khác, trong đó có cả luật công đều thừa nhận năng lực pháp luật và năng lực hành vi của pháp nhân độc lập với năng lực pháp luật, năng lực hành vi của những người thành lập hoặc tham gia pháp nhân. Trên thực tế trong luật thực định và trong lý luận của nhiều ngành luật ở nước ta đã thừa nhận vấn đề lỗi của pháp nhân, đồng nhất lỗi của nhân viên pháp nhân, người đại diện hợp pháp của pháp nhân với lỗi của chính pháp nhân. Thí dụ như các quy định về trách nhiệm bồi thường của pháp nhân về những thiệt hại do hành vi trái pháp luật của nhân viên pháp nhân hoặc người đại diện của pháp nhân gây ra (Đ.618, 619, 620, 621, 622, 623, 624, 625, 626, 627, 628, 629, 630 BLDS).

+ Thừa nhận TNHS của pháp nhân là xu hướng phát triển chung trong pháp luật hình sự trên thế giới và phù hợp với yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm ở nước ta. Các quốc gia đã thừa nhận chế định TNHS của pháp nhân hoặc đang nghiên cứu việc áp dụng chế định này đều xuất phát từ nhu cầu đấu tranh hiệu quả hơn với hiện tượng tội phạm của pháp nhân, thay thế cho cách thức TNHS của thể nhân (nhân viên pháp nhân, người đại diện hợp pháp của pháp nhân) + TNDS hoặc TNHC của pháp nhân về hành vi tội phạm có liên quan đến lợi ích của pháp nhân hoặc thực hiện dưới danh nghĩa, nhân danh pháp nhân. Ở nước ta “ đứng trước tình hình vi phạm pháp luật mang tính chất tội phạm do pháp nhân, tổ chức thực hiện ngày càng gia tăng và tính nguy hiểm ngày càng cao, dư luận xã hội đã có những phản ứng rất gay gắt đòi hỏi không chỉ truy cứu TNHS đối với các cá nhân phạm tội mà còn phải truy cứu TNHS cả pháp nhân, tổ chức. Nếu chỉ xử lý về hình sự đối với người đại diện, những người được uỷ quyền hoặc những nhân viên thừa hành thực hiện hành vi vì lợi ích hoặc trong khuôn khổ chức năng, nhiệm vụ của pháp nhân là rõ ràng đã bỏ lọt tội phạm, trái với nguyên tắc công bằng trong LHS, không đảm bảo tính nghiêm minh, triệt để, truy cứu đến cùng trách nhiệm đối với hành vi phạm tội, không đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm. Nhà

nước sẽ bắt lực trong việc trấn áp và kiểm soát tình hình tội phạm, đồng thời cho thấy "vô hình chung pháp luật khuyến khích tổ chức, cơ quan đó tiếp tục chạy theo lợi ích bất chính gây nguy hiểm cho xã hội".

Tuy nhiên theo quan điểm của chúng tôi việc áp dụng TNHS của pháp nhân trong BLHS cần được xem xét thêm ở những khía cạnh sau đây :

+ Cần làm rõ hơn những cơ sở thực tiễn của yêu cầu phải áp dụng chế định TNHS của pháp nhân để thay thế cho cách thức truyền thống hiện nay (TNHS của thể nhân + TNDS hoặc TNHC của pháp nhân). Thực chất những hình phạt mà chúng ta có thể áp dụng khi truy cứu TNHS của pháp nhân như hình phạt chính – phạt tiền (dù với mức phạt cao hơn nhiều lần mức phạt với cá nhân) và một số hình phạt bổ sung (cấm tiến hành các hoạt động nghề nghiệp trong một thời gian , đình chỉ hoạt động, giải thể, tịch thu tài sản...) cũng không có nhiều khác biệt so với cách thức mà chúng ta hiện nay đang áp dụng trong trường hợp xử lý tội phạm có liên quan đến pháp nhân.

+ Trong giai đoạn đầu ở nước ta có thể sẽ là hợp lý hơn khi áp dụng kinh nghiệm của các nước lựa chọn mô hình TNHS của pháp nhân thay vì áp dụng trực tiếp ngay chế định này.

Tài liệu tham khảo

1. Công trình nghiên cứu khoa học cấp Bộ : Đề tài Nghiên cứu so sánh cơ sở lý luận và thực tiễn của việc áp dụng TNHS đối với tổ chức . Tạp chí Thông tin khoa học pháp lý . Phụ lục 02/2012

2. TS. Trịnh Quốc Toàn. Phó Chủ nhiệm Khoa Luật - ĐHQG Hà Nội. Vấn đề Trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay. (Tọa đàm ngày 21 tháng 11 năm 2012, Dự án JICA)

3. В. Додонов, старший научный сотрудник НИИ при Генеральной прокуратуре РФ, кандидат юридических наук.

<http://justicemaker.ru/view-article.php?id=21&art=2143>

4. СМЕРНОВ Г. УГОЛОВНАЯ ОТВЕТСТВЕННОСТЬ ЮРЛИЦ НА ПОДСТУПАХ К РОССИИ.

http://www.studyLaw.narod.ru/kursup1/kursup1_15_5.htm

VẤN ĐỀ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ CỦA PHÁP NHÂN TRONG ĐIỀU
KIỆN PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG
Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

(Tọa đàm ngày 21 tháng 11 năm 2012, Dự án JICA)

TS. Trịnh Quốc Toàn

Phó Chủ nhiệm Khoa Luật - ĐHQG Hà Nội

1. Cơ sở lý luận và thực tiễn về trách nhiệm hình sự của pháp nhân

1.1. Cơ sở lý luận về trách nhiệm hình sự của pháp nhân

Pháp nhân có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự (TNHS) không? Hay nói cách khác, pháp nhân có thể là chủ thể của tội phạm không? Đây là vấn đề vẫn còn có những quan điểm đối lập nhau trong khoa học luật hình sự, mặc dù hiện nay việc thừa nhận TNHS của pháp nhân trong luật hình sự (LHS) là xu thế tất yếu ở nhiều nước.

** Quan điểm không ủng hộ trách nhiệm hình sự của pháp nhân*

Về góc độ khách quan, theo học thuyết cổ điển, truyền thống pháp nhân là một thực thể pháp lý trừu tượng. Pháp nhân là một người vô hình, do các thành viên hợp lại và đại diện cho tất cả các thành viên. Do không phải là thực thể hữu hình, nên pháp nhân không thể tự mình trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội mà phải thông qua trung gian những cá nhân, đó là các cơ quan, nhân viên thừa hành hoặc người được ủy quyền của pháp nhân.⁽¹⁾ Trong thực tiễn, các cơ quan, nhân viên thừa hành hoặc người được ủy quyền của pháp nhân có thể bị quy kết TNHS về một tội phạm nhất định trong khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, nhưng không thể nói hành vi phạm tội đó là của pháp nhân, và vì vậy, sẽ là không hợp lý nếu quy kết tội phạm đó cho chính bản thân pháp nhân.⁽²⁾

Mặt khác, về góc độ chủ quan, pháp nhân không có thể xác và cũng không có linh hồn, nó chỉ là những cấu trúc pháp lý được thiết lập nhằm phục vụ các lợi ích cá nhân của những thành viên của pháp nhân. Các nghị quyết, các quyết định của các pháp

(1) M.F.C von Savigny, *Traité de droit romain*, trad. De Ch. Ruenoux, Paris, Librairie Firmin Didot 1841, T.2, 311.

(2) Leffort, *Précis de droit criminel*, Paris, Sirey, 1877, 218,219.

(3) M.F.C von Savigny, *Traité de droit romain*, trad. Tài liệu đã dẫn, trang 312.

(4) M.F.C von Savigny, *Traité de droit romain*, Tài liệu đã dẫn, trang 312.

nhân chỉ là kết quả của con số cộng các ý chí cá nhân của các thành viên của pháp nhân chứ không phải từ sự mong muốn của chính bản thân pháp nhân.⁽³⁾ Pháp nhân... chỉ là một thực thể trừu tượng... sự tồn tại thực tế của nó dựa trên các quyết định của một hoặc một số những người đại diện mà chiều theo sự trừu tượng được xem như là các quyết định của chính bản thân pháp nhân, một sự đại diện như thế... loại trừ ý chí theo đúng nghĩa.⁽⁴⁾

Như vậy, nếu như đối với các cá nhân, có thể quy kết hành vi phạm tội khách quan và lỗi chủ quan của chính họ cho mỗi tội phạm, thì với pháp nhân dưới lăng kính của học thuyết cổ điển, truyền thống, vì không có thể hành động trực tiếp, không có sự bầu víu trực tiếp nào vào thực tế khách quan và thiếu tự do ý chí, khả năng nhận thức nên nó, về bản chất, là những thực thể không tương thích cho việc thực hiện hành vi phạm tội.⁽⁵⁾

Những người theo học thuyết cổ điển, truyền thống không chỉ chống lại TNHS của pháp nhân bằng lý lẽ là pháp nhân không có khả năng phạm tội, mà họ cho rằng các hình phạt hình sự đối với pháp nhân hoặc là không thể áp dụng được hoặc là phi đạo lý. “Người ta có thể bắt giam như thế nào đối với một thực thể mà bản chất của nó là vô hình? Làm thế nào có thể tước mạng sống của một chủ thể giả tưởng mà bản chất của nó là thiếu sự tồn tại của thực thể hữu hình⁽⁶⁾. Còn đối với các loại hình phạt, như phạt tiền, tịch thu tài sản, tước một số quyền... mặc dù họ (các học giả theo học thuyết truyền thống) mặc dù có thể áp dụng được nhưng việc trừng trị một pháp nhân sẽ dẫn đến việc xử lý không có sự phân biệt các thành viên của pháp nhân, sẽ dẫn đến trừng trị cả với những người không tham gia phạm tội⁽⁷⁾. Cái giá thực sự khi áp dụng TNHS, xét đến cùng, các pháp nhân không phải chịu mà chính là những cá nhân cụ thể trong pháp nhân, như: người góp cổ phần, cổ đông, người lao động... Như vậy, chế định TNHS của pháp nhân không thể chấp nhận được về phương diện pháp lý cũng như về đạo lý⁽⁸⁾.

Việc trừng trị pháp nhân, tổ chức không chỉ không công bằng mà còn tỏ ra khó tương hợp với nguyên tắc cá thể hoá hình phạt⁽⁹⁾. Nguyên tắc cá thể hoá hình phạt buộc

(5) J.J. Haus, *Principes généraux de droit pénal belge*, Gand, Librairie générale Ad.Hoste, No 266.

(6) Xem:Donnedieu de Vabres, *Traite de droit criminel et de législation pénale comparée*, Paris, Sirey, 1947,149.

(7) A. Huss, *Sanctions pénales et les personns morales*, R.D.P.C., 1975-1976, 674.

(8) Thomas Hobbes, *léviathan*, trad. par F. Tricaud, Paris, Sirey, 1971, 247.

(9) A.Braas,*Précis de droit criminel*. Tài liệu đã dẫn, số 122; J. Constant, *Traité élémentaire de droit pénal*, Liège, Imp. Nationales, 1965, T.1, 155;

mỗi thành viên của tập thể phạm tội được xử lý tùy thuộc vào hành vi và sự tham gia cụ thể của họ vào tội phạm bị truy cứu. Trong khi một tội phạm được thực hiện trong khuôn khổ hoạt động của pháp nhân, thì hoặc là toàn bộ các thành viên của pháp nhân đã phạm tội cần phải bị trừng trị có sự phân biệt và tương xứng với lỗi của từng người, hoặc là chỉ trừng trị một hoặc một số người trong pháp nhân đã liên hiệp hành động phạm tội. Sẽ là đúng, công bằng nếu chỉ trừng trị họ, sẽ là không công bằng nếu lại trừng trị tất cả những thành viên khác trong pháp nhân⁽¹⁰⁾ chỉ vì lý do là họ thuộc về pháp nhân hoặc là họ phụ thuộc vào nó. Như vậy, rõ ràng trong cả hai trường hợp đều không có nhu cầu trừng trị nhằm vào chính pháp nhân. Nếu trừng trị pháp nhân như vậy cuối cùng sẽ không công bằng và không có lợi. Trừng phạt pháp nhân về tài sản, về các hoạt động cụ thể của nó hoặc sự tồn tại của nó sẽ gây thiệt hại tới những quyền và lợi ích hợp pháp của các cá nhân thường là xa lạ với các hoạt động phạm tội.

** Quan điểm ủng hộ trách nhiệm hình sự của pháp nhân*

Thứ nhất là, quan điểm cho rằng chỉ có cá nhân mới có năng lực biểu lộ ý muốn của chính mình, chỉ có cá nhân cụ thể thực hiện tội phạm mới phải chịu TNHS và rằng các pháp nhân chỉ là những trừu tượng pháp lý đã không còn được chấp nhận, không còn phù hợp với thực tế tồn tại của các pháp nhân với tư cách là “đại diện cho các sức mạnh của thời đại” như Đại hội liên minh quốc tế về LHS ở Bucarest năm 1928 đã nhận định.⁽¹¹⁾

Pháp nhân không phải là một trừu tượng pháp lý thuần túy, ngược lại nó chiếm hữu một đặc tính không đổi, có sự tồn tại thực tế của nó trong sự phân biệt với các thành viên của pháp nhân. Về thực tế, pháp luật đã ghi nhận và tổ chức nó trên phương diện pháp lý. Pháp nhân hưởng ý chí độc lập chứ không phải chỉ là con số cộng các ý chí tâm lý của các thành viên pháp nhân, tập đoàn được pháp nhân hoá, nó có thể tự quyết định một cách tự do và theo đuổi những mục tiêu cụ thể của mình và độc lập với những lợi ích của các cá nhân tạo nên pháp nhân đó⁽¹²⁾. Hay nói cách khác, các pháp nhân của các cá nhân được hình thành bởi những lợi ích chung thống nhất và được tổ chức thông qua các cấu trúc pháp lý. Trong các pháp nhân, những định hướng chủ đạo thể hiện mục tiêu

(10) R. Garraud, *Traité de droit criminel*, Paris, Sirey, 1926, 69.

(11) *Actes du Congrès* (1920).

(12) M. Delmas-Marty, *droit pénal d'affaires*, Paris, 1993, 109; Y. Mayaud, *la volonté à la lumière du nouveau Code pénal*, in *Mélanges en l'honneur du Professeur J. Languier*, Grenoble, PUG, 1993, p. 214.

của chính pháp nhân được đưa ra không chỉ hoàn toàn giới hạn bởi tổng số các ý chí riêng của các thành viên pháp nhân. Pháp nhân hoàn toàn có ý chí của riêng mình, bởi vì nó sinh ra, sống, tồn tại và phát triển bằng sự gặp gỡ bởi những ý chí cá nhân của các thành viên của mình.

“Pháp nhân không phải là một người “nhân” mà là một tổ chức - tập hợp của nhiều người - được pháp luật trao cho tư cách của một người trong các quan hệ pháp luật. Hoạt động của một người (cá nhân) có thể bị chi phối bởi lý do tình cảm, lý trí, nhưng hoạt động của pháp nhân thì không. Pháp nhân chỉ theo đuổi những mục tiêu đặt ra trong văn kiện sáng lập tổ chức đó”⁽¹³⁾.

Giáo sư Đào Trí Úc viết: “Trên thực tế, hành vi nguy hiểm cho xã hội có thể do một tập thể gây ra do kết quả của việc đưa ra những quyết định sai trái. Một số tội phạm, trên thực tế, cũng có thể do cá nhân hoặc tổ chức gây ra. Ví dụ, các tội phạm về kinh tế, về môi trường có thể là kết quả của hành vi tập thể của xí nghiệp công nghiệp, đơn vị kinh doanh nào đó”.⁽¹⁴⁾

Có thể nói ngắn gọn, pháp nhân không phải là một chủ thể giả tưởng mà “là một thực thể xã hội độc lập, pháp nhân cũng sinh, cũng trưởng, cũng tử như cá nhân, cũng hoạt động như cá nhân”⁽¹⁵⁾. Pháp nhân có thể, với nhiều danh nghĩa, “được so sánh với con người. Nó có bộ não, có hệ thần kinh trung ương kiểm tra những gì nó làm. Nó cũng có tay để cầm công cụ và hành động theo các mệnh lệnh của hệ thần kinh trung ương”.⁽¹⁶⁾Như vậy, pháp nhân rõ ràng là một thực thể có ý chí, có mong muốn riêng của mình, được xử sự tự do và hưởng quyền tự chủ của chủ thể có thể so sánh với quyền tự chủ của cá nhân và vì vậy nó có năng lực thực hiện tội phạm một cách có lỗi và đương nhiên có thể bị xử lý về hình sự. Vì thế, việc quy kết TNHS cho pháp nhân là hoàn toàn không phải quy tội khách quan.

Một vấn đề đặt ra là pháp nhân không tự mình thực hiện tội phạm mà phải qua trung gian các cá nhân, vậy làm thế nào có thể quy kết tội phạm cho pháp nhân.

(13) Arthur Taylor von Mehren & James Russell Gordley, *The Civil Law System* - trong tập *An Introduction to the Comparative Study of Law*, Second Edition, Little, Brown & Company. Boston & Toronto, 1977.

(14) Đào Trí Úc, Nhận thức đúng đắn hơn nữa các nguyên tắc về trách nhiệm cá nhân và lỗi trong việc xử lý trách nhiệm hình sự, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số 9/1999, tr.75.

(15) Lê Trung Chính, *Dân luật đại cương*, Sài Gòn, 1950, tr.177.

(16) H.L. Bolton (*Engineering*) *Company Ltd. v. T.J. Graham & Son Ltd* (1957) I.Q.B.159, 172.

Nhìn chung, tuyệt đại đa số các học giả ủng hộ thiết lập THNS của pháp nhân trong LHS đều nghiêng về học thuyết đồng nhất hoá sự mong muốn tập thể với ý muốn cá nhân. Xuất phát từ sự tương tự hình thức giữa pháp nhân và cá nhân, những người ủng hộ học thuyết này quy kết sự biểu lộ các quyết định của tập thể vào sự tồn tại một ý chí thống nhất trong cá nhân của người đại diện, người lãnh đạo pháp nhân. Các pháp nhân có ý thức, ý chí, mong muốn của riêng mình cùng với tư cách như các cá nhân (ý chí về bản chất là khác với ý chí của cá nhân, chắc chắn là như vậy, nhưng mà, ý chí thích hợp cho tất cả). Khi những người này thực hiện nghĩa vụ hoặc nhiệm vụ của pháp nhân thì ý chí và hành vi của họ được đồng nhất hoá với pháp nhân, tức là được coi như là ý chí và hành vi của pháp nhân.⁽¹⁷⁾

Thứ hai là, liên quan tới quan điểm cho rằng các pháp nhân về bản chất là những thực thể vô hình nên không thể áp dụng hình phạt đối với nó.

Chúng ta có thể nhận thấy là cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học về hình phạt, quan điểm trên đã không còn có sức thuyết phục. Mặc dù tử hình hoặc các hình phạt tước hoặc hạn chế quyền tự do thân thể không có thể áp dụng với pháp nhân phạm tội, nhưng những loại hình phạt khác đã được phát triển tương hợp hoàn toàn với bản chất của các pháp nhân phạm tội với mục đích làm cho nó phải chịu cái giá của tội ác mà nó đã gây ra cho xã hội. Pháp nhân có các quyền và có tài sản, vì vậy, pháp nhân có thể là đối tượng của hình phạt tước hoặc hạn chế quyền hoặc tài sản. Những kinh nghiệm đã thực hiện trong lĩnh vực này ở Anh, Hoa Kỳ, Canada, Pháp, Hà Lan, Bỉ, Trung Quốc... đã chỉ ra rằng khoa học về hình phạt đủ mềm dẻo để cung cấp những hình phạt và những biện pháp an ninh phù hợp cho việc trừng phạt các thực thể pháp lý này về đời sống của nó như giải thể, đóng cửa; trong hoạt động của nó như cấm tiến hành những hoạt động nhất định, hoặc về tài sản như phạt tiền, tịch thu tài sản, v.v..

Thứ ba là, về quan điểm cho rằng việc quy kết TNHS và áp dụng hình phạt với pháp nhân sẽ không công bằng và gây hại cho nguyên tắc cá thể hoá hình phạt.

Theo khoa học pháp lý hình sự hiện đại thì nguyên tắc cá thể hoá hình phạt không thể tách khỏi nhận thức về chế tài áp dụng đối với pháp nhân. Nếu pháp nhân là những thực thể có khả năng phạm tội, thì không có lý nào lại không bắt nó phải chịu sự xử lý

(17) Phạm Hồng Hải, Pháp nhân có thể là chủ thể của tội phạm hay không? Tài liệu đã dẫn, tr.16.

về mặt hình sự của Nhà nước khi nó tham gia vào việc thực hiện một tội phạm quy định trong LHS. Chế tài hình sự buộc phải được áp dụng trực tiếp và duy nhất đối với chính bản thân chủ thể phạm tội, có nghĩa là việc trừng trị phải nhằm trực tiếp vào những pháp nhân trong khi các thực thể này phạm tội⁽¹⁸⁾. Công bằng không có nghĩa là phải trừng trị cá nhân này hoặc cá nhân khác, thành viên của tổ chức hoặc pháp nhân có liên quan nhiều hơn mà công bằng chính là buộc tổ chức, pháp nhân cụ thể phạm tội phải chịu hình phạt. Không có lý lẽ công bằng nào mà lại biến cá nhân những người cấp dưới vốn chẳng có quyền hành gì và các nhà quản lý có trách nhiệm thành những người phải hứng chịu hậu quả thay cho tổ chức, pháp nhân phạm tội.⁽¹⁹⁾ Và cũng không có sự công bằng nào mà về cùng một hành vi phạm tội mà lại có những cách đối xử khác nhau, đối với pháp nhân phạm tội cùng loại thì xử lý bằng các biện pháp trách nhiệm dân sự hoặc trách nhiệm hành chính, còn đối với cá nhân những người lãnh đạo, người đại diện của pháp nhân hành động phạm tội vì lợi ích hoặc trong khuôn khổ hoạt động của pháp nhân lại bị trừng trị bằng biện pháp TNHS nghiêm khắc hơn nhiều.

Sự gắn bó chặt chẽ về pháp luật và đạo đức xã hội đòi hỏi là năng lực phạm tội không bị tách khỏi tính phải chịu trừng phạt.⁽²⁰⁾ Tức là khả năng phạm tội phải gắn liền với khả năng phải chịu hình phạt hình sự. Giữa tội phạm với chế tài hình sự và sự cần thiết áp dụng hình phạt với chủ thể của tội phạm (pháp nhân phạm tội) có mối quan hệ logic khó có thể phản bác.

Trong những trường hợp pháp nhân phạm tội thì công lý đòi hỏi phải có hình phạt trực tiếp đối với bản thân các tổ chức đó. Việc áp dụng hình phạt đối với pháp nhân, một mặt thúc đẩy và củng cố nhận thức chung của công dân và mặt khác đòi hỏi các pháp nhân phải quản lý, kiểm soát những nguy cơ gây hại cho xã hội, cho công dân một cách tốt hơn. Hình phạt áp dụng buộc các pháp nhân phạm tội phải thiết lập những hệ thống quản lý và kiểm soát nguy cơ một cách có hiệu quả, qua đó góp phần bảo vệ môi trường và sức khỏe của công dân.

(18) V. Simonart, *La personnalité morale en droit comparé*, Bruxelles, Bruylant, 1995, 256.

(19) Kensuke Itoh, *Những thành tựu và hạn chế về mặt lý luận trong việc pháp luật hoá trách nhiệm hình sự của tổ chức tại Nhật Bản*, trong sách *Luật Nhật Bản*, T.I : 1993-1997, NXB Thanh niên, 2000, tr. 166.

(20) J, Contant, *La responsabilité pénale non individuelle*, Liège, Vaillant- Ca rmatanne, 1978, 18.

Như vậy, có thể nói việc áp dụng hình phạt đối với pháp nhân phạm tội còn thể hiện nguyên tắc công bằng và bình đẳng, đồng thời nguyên tắc mọi hành vi phạm tội không thoát khỏi sự trừng trị của pháp luật hình sự được củng cố.

Ở đây, chúng ta cần lưu ý là trách nhiệm dân sự và đặc biệt là trách nhiệm hành chính của pháp nhân đã được thừa nhận từ rất lâu với việc phạt tiền rất nghiêm khắc hoặc tịch thu không có phân biệt. Tuy nhiên, có những cơ chế pháp luật quy định cho phép bảo vệ các thành viên có sự thành tâm tốt trong pháp nhân, ví dụ người đó có thể sử dụng các quyền của mình được pháp luật bảo hộ chống lại các cơ quan của pháp nhân.

Quan điểm cho rằng, việc áp dụng hình phạt đối với pháp nhân phạm tội là vi phạm nguyên tắc cá thể hoá hình phạt, theo chúng tôi ở đây đã có sự nhầm lẫn về nguyên tắc này. Thực tế cho thấy tất cả các bản án đều có thể gây ra những hậu quả cho người thứ ba vô can. Bắt giam một người hoặc phạt họ với một hình phạt tiền nghiêm khắc có thể cướp đi của gia đình họ những khoản thu nhập, nhưng nó không có gây hại cho nguyên tắc cá thể hoá hình phạt, bởi vì bản án không trực tiếp nhằm chống lại các thành viên của gia đình người bị kết án mà là đối với người phạm tội. Bản án kết tội đối với một pháp nhân khác với bản án có thể xảy ra của các thành viên pháp nhân, nó không nhằm vào cá nhân các thành viên của pháp nhân mà là chính pháp nhân - chủ thể chịu TNHS.

Tóm lại: về mặt lý luận có thể nói rằng, khoa học pháp lý hình sự hiện đại đã giải quyết cơ bản về vấn đề TNHS của pháp nhân. Ngày nay, việc thừa nhận TNHS của pháp nhân là xu hướng phát triển chung trong pháp luật hình sự trên thế giới. Không thể nói rằng pháp nhân không có năng lực ý chí và lý trí khi thực hiện hành vi vi phạm pháp luật hình sự. Khi một tập thể lãnh đạo, quản lý pháp nhân vì lợi ích cục bộ của cộng đồng pháp nhân đó, mà có hành vi trái pháp luật hình sự, pháp nhân đó đã thực hiện hành vi trái pháp luật hình sự, đáng xử lý bằng hình phạt. Pháp nhân phải bị xử lý bằng các biện pháp chế tài tổ chức, tài chính, hành chính, (phạt tiền, hạn chế phạm vi hoạt động, rút giấy phép kinh doanh, giải thể v.v..) bởi nó đủ năng lực chịu những tác động đó.⁽²¹⁾ .

(21) Hồ Trọng Ngữ, vấn đề tội phạm có tổ chức và trách nhiệm hình sự pháp nhân trong sửa đổi BLHS 1999, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, Số 6(3/2009), tr.27 – 32

1.2. Cơ sở thực tiễn về trách nhiệm hình sự của pháp nhân

1.2.1. Về thực tiễn pháp luật Việt Nam và nước ngoài

* Đối với pháp luật Việt Nam, nghiên cứu lịch sử pháp luật hình sự cho thấy trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, vấn đề TNHS của pháp nhân, tổ chức cũng đã được đề cập đến trong LHS: Trong Quốc triều hình luật, Điều 62 Chương Tạt luật đã quy định: “Những trang trại ven biển mà đón tiếp thuyền buôn, ngầm đỡ hộ hàng hoá lên bờ, thì xử biếm 3 tư, phải phạt gấp 3 tang vật để sung công; lấy một phần thưởng cho người tố giác. Người chủ trang trại ấy mất chức giám trang”. Quy định trên đây cho thấy vấn đề TNHS ở đây hoàn toàn không phải là dạng trách nhiệm tập thể (tru di tam tộc hoặc cứu tộc) thường được áp dụng vào các thời kỳ phong kiến và cũng không phải là dạng TNHS đối với hành vi của người khác theo cách hiểu như ở các nước theo truyền thống Common Law, mà hiện nay một số nước theo truyền thống này vẫn còn áp dụng. Điều luật này đã có sự phân biệt TNHS của “trang trại” với tư cách là một tổ chức và cá nhân người “chủ trang trại”. Vấn đề TNHS của pháp nhân, tổ chức cũng được quy định trong pháp luật của chế độ thực dân phong kiến như Điều 12 Dự số 45.1088 ngày 3/5/1945 về trừng trị các vi phạm luật lệ hối đoái, quy định: “Đối với trường hợp vi phạm luật lệ hối đoái thì không những giám đốc, quản trị viên, quản lý của pháp nhân bị truy tố mà chính bản thân pháp nhân cũng có thể bị truy tố và bị phạt bạc”⁽²²⁾.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, chính quyền của chế độ cũ ở miền Nam Việt Nam cũng đã ban hành một số các văn bản pháp luật hình sự quy định về TNHS của pháp nhân như: Điều 33 Dự số 10 ngày 23/6/1950 và Điều 26 Dự số 33 ngày 16/11/1952 đều quy định trường hợp hội buôn, hiệp hội, nghiệp đoàn hoạt động trái với những điều khoản quy định về cách tổ chức và điều hành hội, thì các giám đốc hay quản trị viên đều có thể bị truy tố, bị phạt bạc hay phạt giam, còn các tổ chức trên có thể bị Toà án giải tán. Đặc biệt là trong BLHS ngày 20/12/1972 của chính quyền Sài Gòn cũ với các điều 8, 69 và 71 cũng đã chính thức quy định TNHS của pháp nhân với tư cách là nguyên tắc chung trong LHS cùng với TNHS của cá nhân. Điều 8 quy định “Luật hình chi phối mọi cá nhân và pháp nhân cư trú trên lãnh thổ Việt Nam và mọi sự kiện xảy ra trên lãnh thổ này, kể cả không phận và hải phận”. Điều 69 quy định: “Cá nhân và

(22) Nguyễn Quang Quỳnh, Hình luật tổng quát, NXB Lửa thiêng, 1973.

pháp nhân đều có thể bị trách nhiệm hình sự” và theo Điều 71 thì “pháp nhân có thể bị xử phạt giải tán, phạt vạ và tịch thu tài sản”⁽²³⁾.

Dưới chế độ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Điều 13 Sắc lệnh số 282/SL ngày 14/12/1956 do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký kèm theo Luật về chế độ báo chí được Quốc hội thông qua bởi Luật số 100/SL/L002 ngày 20/5/1957 quy định: “Báo chí nào vi phạm Điều 8, sẽ bị trừng phạt: tịch thu ấn phẩm, đình bản vĩnh viễn và bị truy tố trước toà án, sẽ bị phạt tiền từ mười vạn đồng (100.000 đồng) đến năm mươi vạn đồng (500.000 đồng), hoặc người có trách nhiệm bị phạt tù từ một tháng đến một năm, hoặc cả hai hình phạt đó.

Báo chí nào vi phạm Điều 9 hoặc Điều 12 sẽ bị trừng phạt: tùy theo lỗi nặng, nhẹ mà bị cảnh cáo, tịch thu ấn phẩm, đình chỉ tạm thời, đình chỉ vĩnh viễn, hoặc bị truy tố trước Toà án, có thể bị phạt tiền từ mười vạn đồng (100.000 đồng) đến một triệu đồng (1.000.000 đồng), hoặc người chịu trách nhiệm bị phạt tù từ một tháng đến hai năm, hoặc cả hai hình phạt đó. Nếu xét đưng sự phạm vào những luật lệ khác, Toà án sẽ chiếu theo những luật lệ ấy mà trừng phạt thêm”.

Điều 14 quy định tiếp: “Trong mọi trường hợp vi phạm, chủ bút chịu trách nhiệm chính; người quản lý và người viết bài cũng phải liên đới chịu trách nhiệm về phần của mình. Nếu in những báo chí chưa có giấy phép thì chủ nhà in cũng bị liên đới chịu trách nhiệm”.

Tuy nhiên, sau đó các văn bản pháp luật hình sự cũng như các hướng dẫn của Toà án nhân dân tối cao đều chỉ nghiêng về TNHS của cá nhân, không đề cập đến TNHS của pháp nhân, tổ chức, đơn vị.

Có thể nói, ở nước ta, mặc dù trong một thời gian dài và cho đến ngày nay trách nhiệm pháp lý của pháp nhân đã được thiết lập trong các lĩnh vực pháp luật khác nhau, như dân sự, kinh tế và hành chính, nhưng trong lĩnh vực LHS, trong cả hai lần pháp điển hoá với việc ban hành BLHS năm 1985 và 1999, nhất là gần đây với việc ban hành Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 1999 (Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2010), các nhà làm luật vẫn chưa chấp nhận nguyên tắc TNHS của pháp nhân bên cạnh nguyên tắc TNHS của cá nhân. Trong Báo cáo số 251/BC-UBTVQH12 ngày

(23) Công báo Việt Nam Cộng hoà, số 678/2 ngày 14/2/1973.

23/4/2009 về việc tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS giải trình rằng: “về đề nghị bổ sung TNHS của pháp nhân trong một số tội phạm liên quan đến các lĩnh vực như thuế, môi trường, chứng khoán. UBTVQH cho rằng, đây là một vấn đề lớn, cần phải nghiên cứu kỹ, làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của TNHS, khái niệm tội phạm, hệ thống hình phạt, các nguyên tắc áp dụng, quyền và nghĩa vụ của pháp nhân trong tổ tụng hình sự, ... Do đó, đề nghị Quốc hội cho tiếp tục nghiên cứu phục vụ cho việc sửa đổi cơ bản, toàn diện BLHS trong thời gian tới”.

** Đối với pháp luật hình sự một số nước ngoài*, nghiên cứu so sánh cho thấy vấn đề TNHS của pháp nhân, tổ chức đã được đặt ra từ thời La Mã cổ đại, đến nay, nó vẫn đang là vấn đề giành được sự quan tâm đặc biệt của các luật gia nhiều nước trên thế giới. Ở châu Âu, trước Cách mạng Pháp năm 1789, TNHS của pháp nhân đã bước đầu được ghi nhận, nhưng sau đó, do ảnh hưởng của trường phái Khai sáng - Nhân đạo và phong trào cải cách PLHS, cùng với sự ghi nhận nguyên tắc lỗi và nguyên tắc cá thể hóa TNHS nên TNHS của pháp nhân ở các nước tại châu lục này không còn được áp dụng nữa.

Tuy nhiên, đến giữa thế kỷ XIX, các nước theo truyền thống Common Law như Anh, Mỹ, Canada, Australia với chính sách hình sự mềm dẻo và thực dụng đã quay lại áp dụng chế định trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong thực tiễn xét xử.

Ở châu Âu lục địa, một số nước vào nửa cuối thế kỷ XX cũng đã quy định nguyên tắc TNHS của pháp nhân trong luật thực định như: Hà Lan năm 1950 đối với các tội phạm kinh tế và đến năm 1976 đối với mọi tội phạm; Bồ Đào Nha năm 1982; Pháp năm 1992; Phần Lan năm 1995; Vương quốc Bỉ năm 1999, Thụy Sĩ năm 2003, Luxemboug năm 2010 và gần đây nhất là ngày 23/12/2010 Tây Ban Nha đã chính thức thừa nhận nguyên tắc TNHS của pháp nhân. Đặc biệt là gần đây một loạt nước XHCN ở Đông Âu trước đây nay trong quá trình chuyển đổi cũng đã quy định TNHS của pháp nhân trong LHS của nước mình, như Slovakia, Hungari, Lavia, Estonia, Croatia, v.v..

Hiện nay, chế định TNHS của pháp nhân đã được xây dựng không chỉ trong LHS ở những nước nêu trên, mà còn được thừa nhận trong LHS của một số nước châu Á như Nhật Bản, Singapore, Trung Quốc, v.v..

** Đối với pháp luật quốc tế*, TNHS của pháp nhân đã chính thức được khuyến nghị trong nhiều văn bản pháp luật của liên Hợp Quốc và của khu vực, ví dụ Nguyên tắc trách nhiệm hình sự của pháp nhân là đối tượng khuyến cáo trong khoản 1 Điều 5

Công ước quốc tế về trừng trị việc tài trợ cho khủng bố của Liên hợp quốc. Ở châu Âu, TNHS của pháp nhân là đối tượng của các khuyến cáo số 12 (năm 1982) và số 18 (năm 1988) của ủy ban các Bộ trưởng Hội đồng châu Âu về tình trạng tội phạm về kinh tế, thương mại; Công ước về bảo vệ môi trường bằng pháp luật hình sự đã được mở ra cho các nước thành viên tham gia ký từ ngày 4/11/1998; Công ước Liên Hợp Quốc về trừng trị việc tài trợ cho khủng bố, Công ước của Liên hợp quốc về đấu tranh chống tham nhũng, v.v..

Trong một số điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia hoặc phê chuẩn như Công ước của Liên hợp quốc về tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, Công ước của Liên hợp quốc về phòng chống tham nhũng đều có quy định về việc khuyến nghị các quốc gia thiết lập chế định TNHS của pháp nhân. Mặc dù, Việt Nam tuyên bố không bị ràng buộc bởi một số quy định mang tính tùy nghi, không bắt buộc áp dụng của Công ước như chế định TNHS đối với pháp nhân, nhưng theo chúng tôi, về lâu dài, để Việt Nam có thể thực hiện một cách có hiệu quả các quy định của công ước quốc tế cũng như nhận được sự đồng thuận của các quốc gia trong lĩnh vực phòng, chống tội phạm, đặc biệt là phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, tội phạm tham nhũng cần nghiên cứu tiếp thu kinh nghiệm lập pháp của các nước ngoài và thực hiện từng bước nội luật hóa vấn đề TNHS của pháp nhân trong pháp luật hình sự nhằm tạo cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ cho sự hợp tác về lĩnh vực này. Vấn đề này cũng đã thể hiện rất rõ trong Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 7/4/2010 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng, trong đó có yêu cầu nghiên cứu bổ sung tội danh tham nhũng và quy định pháp nhân là chủ thể của hành vi tham nhũng.

1.2.2. Tình hình vi phạm pháp luật mang tính chất tội phạm của pháp nhân

Trong hơn 25 năm thực hiện công cuộc đổi mới, bộ mặt xã hội đã có sự thay đổi to lớn, nhất là lĩnh vực kinh tế. Với nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, với những chính sách kinh tế thông thoáng, hội nhập quốc tế, thúc đẩy đầu tư của Nhà nước ta đã tạo điều kiện tốt cho phát triển kinh tế, số doanh nghiệp hàng năm được thành lập ngày càng nhiều và đóng góp một phần rất quan trọng cho sự phát triển của đất nước. Theo số liệu của Bộ kế hoạch và đầu tư, tính đến ngày 23 tháng 8 năm 2011 cả nước đã có 602.171 doanh nghiệp đăng

ký hoạt động theo luật doanh nghiệp. Riêng trong 8 tháng đầu năm 2011, cả nước có thêm 52.500 doanh nghiệp được thành lập với số vốn đăng ký ước đạt trên 318.540 tỷ đồng. Trong bối cảnh nền kinh tế gặp nhiều khó khăn, nhưng số lượng doanh nghiệp thành lập mới vẫn bằng 97,5% và số vốn bằng 36,7% so với cùng kỳ năm 2010 cũng là một kết quả đáng ghi nhận. Tính đến thời điểm 31/7/2011 số lượng doanh nghiệp tồn tại pháp lý là 522.237 doanh nghiệp. Số lượng doanh nghiệp chính thức giải thể là 75.500 doanh nghiệp. Riêng 6 tháng đầu năm có 3033 doanh nghiệp chính thức tuyên bố giải thể.

Tuy nhiên, dưới tác động của nền kinh tế thị trường, không ít tổ chức kinh tế (pháp nhân) vì chạy theo lợi nhuận cục bộ đã có sự thông đồng từ người phụ trách đến nhân viên, thực hiện nhiều hành vi trái pháp luật mang tính chất tội phạm đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế như trốn thuế, kinh doanh trái phép, đầu cơ, buôn lậu hoặc vì lợi ích cục bộ nhất thời mà không thực hiện các biện pháp mà pháp luật đòi hỏi để bảo vệ môi trường, gây ra hậu quả nghiêm trọng.

Việc núp bóng dưới danh nghĩa pháp nhân để phạm tội ngày càng tăng, tính chất nguy hiểm ngày càng cao. Các hành vi vi phạm pháp luật mang tính chất tội phạm do pháp nhân thực hiện trong thời gian qua diễn ra ngày càng tăng, như buôn lậu, buôn bán hàng cấm, gian lận thương mại, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng, cố ý làm trái các quy định quản lý kinh tế, quảng cáo gian dối, làm hàng giả, buôn bán hàng giả, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, sở hữu công nghiệp, tẩy rửa tiền, tội phạm trong lĩnh vực thị trường chứng khoán hoặc có những hành vi phạm tội khác liên quan tới lĩnh vực tài chính - ngân hàng, tham nhũng... Đa số những trường hợp trên là do cơ quan lãnh đạo, người đại diện của pháp nhân thực hiện vì lợi ích của pháp nhân hoặc trong khuôn khổ hoạt động của pháp nhân với những thủ đoạn ngày càng tinh vi, xảo quyệt, có tổ chức cao và có nhiều trường hợp mang tính quốc tế.

Ngoài những tội phạm xâm phạm sở hữu và tội phạm kinh tế như nêu trên, nhiều pháp nhân kinh tế vì mục tiêu lợi nhuận thúc đẩy hoặc vì những lợi ích có tính chất cục bộ đã gây hại cho các lợi ích của Nhà nước, của xã hội, của công dân như các hành vi gây ô nhiễm công nghiệp, huỷ hoại môi trường, vi phạm quy định an toàn trong sản xuất, lao động gây ra những hậu quả rất nghiêm trọng... Những hậu quả như vậy là do những hành vi cấu thành có hệ thống của pháp nhân, tổ chức không áp dụng những biện

pháp hợp lý hoặc không có cơ chế kiểm soát tốt gây ra, chứ không phải chỉ đơn thuần là kết quả của các hành vi đơn lẻ của các cá nhân thành viên trong pháp nhân, tổ chức.

Xu thế toàn cầu hoá hiện nay trên thế giới và nhất là Việt Nam đang chủ động hội nhập quốc tế đã ảnh hưởng nhất định đến tình hình cơ cấu tội phạm ở nước ta. Tình hình tội phạm tổ chức có yếu tố nước ngoài, có sự tham gia của pháp nhân, tổ chức đã xuất hiện và có chiều hướng phát triển ở nước ta như các tội phạm xâm phạm sở hữu, tấy rửa tiền, buôn bán ma tuý, buôn bán trẻ em, phụ nữ, tội phạm sử dụng công nghệ cao, v.v..

Đứng trước tình hình vi phạm pháp luật mang tính chất tội phạm do pháp nhân, tổ chức thực hiện ngày càng gia tăng và tính nguy hiểm ngày càng cao, dư luận xã hội đã có những phản ứng rất gay gắt đòi hỏi không chỉ truy cứu TNHS đối với các cá nhân phạm tội mà còn phải truy cứu TNHS cả pháp nhân, tổ chức. Nếu chỉ xử lý về hình sự đối với người đại diện, những người được uỷ quyền hoặc những nhân viên thừa hành thực hiện hành vi vì lợi ích hoặc trong khuôn khổ chức năng, nhiệm vụ của pháp nhân là rõ ràng đã bỏ lọt tội phạm, trái với nguyên tắc công bằng trong LHS, không đảm bảo tính nghiêm minh, triệt để, truy cứu đến cùng trách nhiệm đối với hành vi phạm tội, không đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm. Nhà nước sẽ bất lực trong việc trấn áp và kiểm soát tình hình tội phạm, đồng thời cho thấy "vô hình chung pháp luật khuyến khích tổ chức, cơ quan đó tiếp tục chạy theo lợi ích bất chính gây nguy hiểm cho xã hội".⁽²⁴⁾

Xuất phát từ những điều kiện về kinh tế - xã hội, pháp luật, văn hoá, lịch sử cụ thể trong giai đoạn phát triển hiện nay của nước ta và trên cơ sở kết quả nghiên cứu về mặt lý luận, thực tiễn kinh nghiệm pháp luật hình sự quy định TNHS của pháp nhân trong LHS nước ngoài và ở Việt Nam cho rằng đã có đủ cơ sở lý luận và thực tiễn để công nhận TNHS của pháp nhân. Đã đến lúc vấn đề TNHS của pháp nhân, tổ chức phải được giải quyết về mặt hình sự một cách trực tiếp trong BLHS nước ta. Có như vậy mới cho phép xử lý tội phạm hiệu quả hơn, bổ sung lỗ hổng trong trừng trị hình sự và đồng thời nó sẽ công bằng hơn trong việc phân phối trách nhiệm giữa các pháp nhân, tổ chức và cá nhân người phạm tội đã hành động vì lợi ích của các thực thể này. Đây sẽ là điều

(24) Tờ trình Quốc hội về Dự án Bộ luật Hình sự (sửa đổi) của Chính phủ ngày 9/4/1998

kiện quan trọng bảo đảm hiệu quả của cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm ở nước ta hiện nay.

2. Đề xuất về giới hạn TNHS của pháp nhân

Khi xây dựng chế định TNHS của pháp nhân trong BLHS, nhà lập pháp cần phải xác định rõ ràng phạm vi, điều kiện TNHS cũng như hình phạt áp dụng đối với pháp nhân phạm tội.

2.1. Về chủ thể chịu TNHS của pháp nhân

Nhìn chung, để đảm bảo nguyên tắc công bằng trong xử lý về hình sự đòi hỏi phải quy định TNHS đối với mọi loại hình tổ chức phạm tội, dù đó là tổ chức có tư cách pháp nhân hay không có tư cách pháp nhân, dù là tổ chức theo luật tư hay theo luật công. Kết quả nghiên cứu TNHS của pháp nhân trong LHS nước ngoài cho thấy, cách quy định này được thể hiện trong LHS của nhiều nước như Bỉ, Hà Lan và các nước theo truyền thống Common Law. Tuy nhiên, phạm vi chủ thể chịu TNHS theo quan niệm trên là quá rộng và tính khả thi chưa cao trong việc truy cứu TNHS. Theo chúng tôi trước hết chỉ nên quy định TNHS đối với các tổ chức có tư cách pháp nhân. Việc đòi hỏi tư cách pháp nhân đối với các thực thể trên là cần thiết vì khi có tư cách pháp nhân thì các thực thể này mới có sự tồn tại của chính nó với việc hưởng thụ các quyền và gánh vác các nghĩa vụ pháp lý nhất định, cũng như phải chịu TNHS đối với hành vi phạm tội của chính mình. Việc truy cứu TNHS và việc áp dụng hình phạt mới có hiệu quả.

Trong khoa học pháp lý, pháp luật một số nước ngoài phân chia pháp nhân thành: pháp nhân theo luật công và pháp nhân theo luật tư. Các pháp nhân theo luật tư được thành lập vì mục đích lợi nhuận như các loại hình doanh nghiệp tư nhân (công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty có vốn đầu tư nước ngoài...) hoặc không vì mục đích thu lợi nhuận như các hiệp hội, hội, đoàn thể hoặc các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các quỹ... Các pháp nhân theo luật tư đều phải chịu TNHS về hành vi phạm tội của mình.

Cũng các pháp nhân theo luật công được thành lập để thực hiện các hoạt động phục vụ lợi ích chung của xã hội như: Nhà nước, các cơ quan của chính phủ, các cơ quan chính quyền địa phương, các cơ quan hành chính - sự nghiệp, các đoàn thể, các tổ chức xã hội, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổng công ty, công ty, xí

nghiệp nhà nước, doanh nghiệp của các tổ chức chính trị - xã hội được thành lập phục vụ lợi ích cộng đồng, v.v.. Đối với các pháp nhân theo luật công, về nguyên tắc phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình. Tuy nhiên, đối với Nhà nước việc truy cứu TNHS là không thể đặt ra, vì Nhà nước bảo vệ lợi ích chung, có chủ quyền và độc quyền về LHS và vì vậy nó không thể tự mình trừng trị mình.

2.2. Về các tội phạm cụ thể quy kết cho pháp nhân

Pháp nhân là một thực thể xã hội khác với cá nhân là bản thân nó không thể tự mình trực tiếp thực hiện được một số loại tội phạm cụ thể, ví dụ các tội phạm chế độ hôn nhân, gia đình, các tội phạm về tình dục hoặc một số tội phạm về bạo lực...

Trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm của các nước như Hà Lan, Pháp hoặc Trung Quốc quy định vấn đề TNHS của pháp nhân trong LHS và căn cứ vào tình hình thực tế của Việt Nam cho rằng không chỉ quy định TNHS của pháp nhân đối với các tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà cần phải quy định dạng TNHS này đối với pháp nhân phạm các loại tội phạm khác trong Phần các tội phạm BLHS, như: các tội xâm phạm an ninh quốc gia (Chương XI); các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân (Chương XIII); các tội xâm phạm sở hữu (Chương XIV); các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế (Chương XVI); các tội phạm về môi trường (Chương XVII); các tội phạm về ma túy (Chương XVIII); các tội phạm xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng (Chương XIX); các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính (Chương XX); các tội phạm về chức vụ (Chương XXI).

Về những tội phạm nào do pháp nhân thực hiện sẽ bị truy cứu TNHS, nhà làm luật cần quy định cụ thể trong điều luật về tội phạm, tức là cần có một hệ thống liệt kê cụ thể các tội phạm pháp nhân có thể thực hiện trong Phần các tội phạm BLHS, chứ không nên quy định TNHS của pháp nhân được áp dụng có tính chất chung cho mọi tội phạm, có nghĩa, về mặt kỹ thuật lập pháp không nên chấp nhận một hệ thống điều khoản chung (system de la clause générale) quy định về TNHS của pháp nhân như trong LHS một số nước, bởi vì cách lựa chọn này, trong thực tế gặp những khó khăn nhất định, khi áp dụng pháp luật, Tòa án buộc phải đưa ra những tiêu chuẩn cụ thể để xác định những tội phạm nào pháp nhân có thể thực hiện.

2.3. Về điều kiện quy kết trách nhiệm hình sự cho pháp nhân

Trong khoa học pháp luật hình sự hiện đại, nhìn chung đều thống nhất về bản chất, các pháp nhân hoàn toàn có khả năng phạm tội thông qua các hoạt động và ý chí tập thể của các thành viên của họ. Trong trường hợp cơ quan hoặc những người lãnh đạo cụ thể, đại diện của pháp nhân, người chỉ đạo hoặc người được ủy quyền thực hiện các chính sách của pháp nhân thực hiện tội phạm vì lợi ích hoặc nhân danh pháp nhân, thì tội phạm này được coi là do chính pháp nhân thực hiện.

Ngoài ra, nghiên cứu pháp luật hình sự nước ngoài cho thấy có sự thừa nhận rằng ban lãnh đạo của pháp nhân cần phải đề ra và thực hiện các chính sách và biện pháp nhằm ngăn ngừa các thành viên của pháp nhân phạm tội trong khi đang thực hiện nhiệm vụ của họ. Nếu họ (ban lãnh đạo hoặc người lãnh đạo của pháp nhân) không đề ra, không kịp thời đề ra, thay đổi hoặc thực hiện các chính sách hoặc biện pháp đó làm cho các thành viên của pháp nhân (nhân viên hoặc người lao động trong pháp nhân) vi phạm pháp luật trong khi thực hiện nhiệm vụ pháp nhân giao thì bản thân pháp nhân sẽ bị quy kết TNHS về hành vi phạm tội do vô ý trong việc giám sát những người đó.

Như vậy, điều kiện về TNHS của pháp nhân là phải có một cá nhân - thường đó là cơ quan, cá nhân người lãnh đạo của pháp nhân đã thực hiện tội phạm trong khuôn khổ hoạt động hoặc vì lợi ích của pháp nhân. Việt Nam khi quy định vấn đề này cần phải xác định rõ cơ quan lãnh đạo và người lãnh đạo của pháp nhân - những chủ thể mà hành vi của họ có thể dẫn tới trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân. Như vậy, TNHS ở đây là TNHS đồng thời, TNHS của pháp nhân không loại trừ TNHS của cá nhân về cùng một loại tội phạm, có nghĩa, về nguyên tắc nếu người lãnh đạo, người đại diện của pháp nhân đã thực hiện một tội phạm (dù là cố ý hoặc vô ý) vì lợi ích hoặc trong khuôn khổ hoạt động của pháp nhân thì cả pháp nhân và người lãnh đạo, người đại diện đó phải chịu TNHS về cùng loại tội phạm đó.

Trong thực tế có tội phạm được thực hiện trong pháp nhân trong khi pháp nhân tiến hành các hoạt động phù hợp với các mục đích của pháp nhân, nhưng do pháp nhân (các tập đoàn kinh tế, các công ty lớn...) có cơ cấu tổ chức phức tạp nên không xác định được cá nhân cụ thể nào thực hiện tội phạm. Theo kinh nghiệm lập pháp hình sự của Thụy Sĩ hoặc của Australia thì trong trường hợp này vẫn có thể quy kết TNHS đối với pháp nhân, không nhất thiết cứ phải xác định cá nhân phạm tội trước khi quy kết TNHS

của pháp nhân, nhất là khi tổ chức đó gây ra những vấn đề tiêu cực xã hội lớn. Vấn đề này, Việt Nam cũng cần lưu ý quy định để tránh lọt tội phạm.

3. Đề xuất về hệ thống hình phạt áp dụng với pháp nhân phạm tội

Nghiên cứu LHS nước ngoài quy định về TNHS của pháp nhân cho thấy hình phạt quy định áp dụng với pháp nhân phạm tội ở mỗi nước là rất khác nhau, có nước chỉ quy định hình phạt tiền là hình phạt duy nhất áp dụng với pháp nhân phạm tội, như các nước theo truyền thống Common Law và Trung Quốc, trong khi các nước khác lại quy định một hệ thống hình phạt có thể áp dụng đối với các thực thể này, như Pháp, Bỉ, v.v..

Chúng tôi cho rằng, trong LHS Việt nam nên quy định một hệ thống hình phạt riêng bao gồm cả hình phạt chính và hình phạt bổ sung áp dụng đối với pháp nhân phạm tội và trong đó chú trọng đến hình phạt tiền. Có như vậy mới tạo khả năng cho Toà án trên cơ sở đánh giá toàn diện các tình tiết của tội phạm và chủ thể thực hiện, quyết định loại và mức hình phạt phù hợp đảm bảo thực hiện tốt nguyên tắc phân hoá TNHS và cá thể hóa hình phạt khi giải quyết từng vụ án cụ thể.

4. Mô hình lý luận về TNHS của pháp nhân trong BLHS hiện hành

Trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm lập pháp hình sự quy định về TNHS của pháp nhân trong LHS các nước và thực tiễn lập pháp hình sự ở nước ta, thì mô hình lý luận về chế định TNHS của pháp nhân trong pháp luật hình sự Việt Nam tương lai cần được tiến hành theo hướng sửa đổi, bổ sung Điều 2 BLHS hiện hành và đồng thời bổ sung vào BLHS này một chương mới là Chương IXA với tên gọi “*Những quy định đối với pháp nhân phạm tội*” và Chương này đứng trước Chương X “*Những quy định đối với người chưa thành niên phạm tội*”, trong đó cần phải ghi nhận toàn bộ các vấn đề có liên quan đến *TNHS chỉ của pháp nhân* như phạm vi TNHS của pháp nhân, những điều kiện của TNHS của pháp nhân và hệ thống hình phạt đối với pháp nhân phạm tội. Cụ thể là:

Thứ nhất là: Cần sửa đổi, bổ sung Điều 2 BLHS hiện hành như sau:

Điều 2: Cơ sở của trách nhiệm hình sự

1. Chỉ người nào phạm một tội đã được Bộ luật Hình sự quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự.

2. Thuật ngữ “người nào” nêu ở khoản 1 Điều luật này bao gồm:

a) Các cá nhân;

b) Các cơ quan, đơn vị và tổ chức có tư cách pháp nhân (được gọi chung là pháp nhân).

Thứ hai là: Bổ sung một chương IXA quy định những đặc thù đối với pháp nhân phạm tội như sau:

Chương IXA: Những quy định đối với pháp nhân phạm tội

Điều...: Áp dụng Bộ luật Hình sự đối với pháp nhân phạm tội

Pháp nhân phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự theo những quy định của Chương này, đồng thời theo những quy định khác của Phần chung Bộ luật Hình sự không trái với những quy định của Chương này.

Điều...: Các điều kiện của trách nhiệm hình sự của pháp nhân

Pháp nhân phải chịu trách nhiệm hình sự trong những trường hợp Bộ luật này quy định về những hành vi phạm tội được cơ quan lãnh đạo hoặc người đại diện của pháp nhân thực hiện nhân danh pháp nhân hoặc vì lợi ích của pháp nhân. Trong trường hợp này, trách nhiệm hình sự của pháp nhân không loại trừ trách nhiệm hình sự của cá nhân về cùng một tội phạm.

Điều...: Các hình phạt áp dụng với pháp nhân phạm tội

Các hình phạt áp dụng đối với pháp nhân phạm tội gồm hình phạt chính và hình phạt bổ sung.

1. Hình phạt chính bao gồm:

a) Phạt tiền với mức thấp nhất là 10 triệu đồng;

b) Cấm tiến hành các hoạt động nghề nghiệp hoặc hoạt động xã hội trong thời hạn từ 1 đến 5 năm hoặc vĩnh viễn;

c) Đình chỉ hoạt động của một hoặc một số cơ sở của pháp nhân mà pháp nhân đã sử dụng để tiến hành các hoạt động phạm tội trong thời hạn từ 1 năm đến 5 năm hoặc vĩnh viễn;

d) Giải thể pháp nhân.

2. Hình phạt bổ sung bao gồm:

- a) Phạt tiền, khi không áp dụng là hình phạt chính;
- b) Tịch thu tài sản;
- c) Niêm yết bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của tòa án hoặc thông báo bản án, quyết định đó trên các phương tiện nghe nhìn.

3. Hình phạt giải thể không áp dụng đối với các pháp nhân là cơ quan hành chính Nhà nước, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội phạm tội.

4) Đối với mỗi tội phạm, pháp nhân phạm tội chỉ bị áp dụng một hình phạt chính và có thể bị áp dụng một hoặc một số hình phạt bổ sung.

5. Kết luận

Việc quy định TNHS của pháp nhân trong PLHS là một đòi hỏi tất yếu khách quan, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp và xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN hiện nay ở Việt Nam. Xây dựng một mô hình lý luận phù hợp, có tính khả thi về chế định TNHS của pháp nhân là vấn đề mà các nhà khoa học pháp luật hình sự Việt Nam cần phải tiếp tục suy ngẫm, nghiên cứu.

Cũng cần nói thêm rằng, việc ghi nhận chế định TNHS của pháp nhân trong PLHS nước ta cũng đòi hỏi có nhiều thay đổi quan trọng khác trong hệ thống lý luận PLHS, như cơ sở của TNHS, khái niệm tội phạm, vấn đề lỗi, các giai đoạn phạm tội, đồng phạm, các trường hợp loại trừ tính chất tội phạm của hành vi, vấn đề hình phạt, quyết định hình phạt, các biện pháp tha miễn TNHS và hình phạt, xoá án tích, lý lịch tư pháp, v.v.. Ngoài ra chúng ta còn phải tính đến sự thay đổi rất lớn trong hai ngành luật gắn bó mật thiết với LHS, đó là Luật Tố tụng hình sự và Luật Thi hành án hình sự.

Khi đã chấp nhận chế định TNHS của pháp nhân, tức là chúng ta đã thừa nhận hệ thống các quan điểm của khoa học pháp lý hiện đại và cũng đồng nghĩa với việc phá vỡ hệ thống lý luận truyền thống, cổ điển trong khoa học pháp lý hình sự. Chúng ta không thể dựa trên những quan điểm cũ, quan điểm truyền thống để nhìn nhận những vấn đề mới phát sinh. Khoa học phải liên tục được đổi mới về mặt lý luận để phù hợp với thực tiễn.

Mặc dù những sự thay đổi như vậy là phức tạp, khó khăn, nhưng dù sao cũng phải làm vì công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN và những đòi hỏi từ thực tiễn sinh động của công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm hiện nay ở nước ta./.